GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM 15-3-2015 Phật lịch 2558

Số 221

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

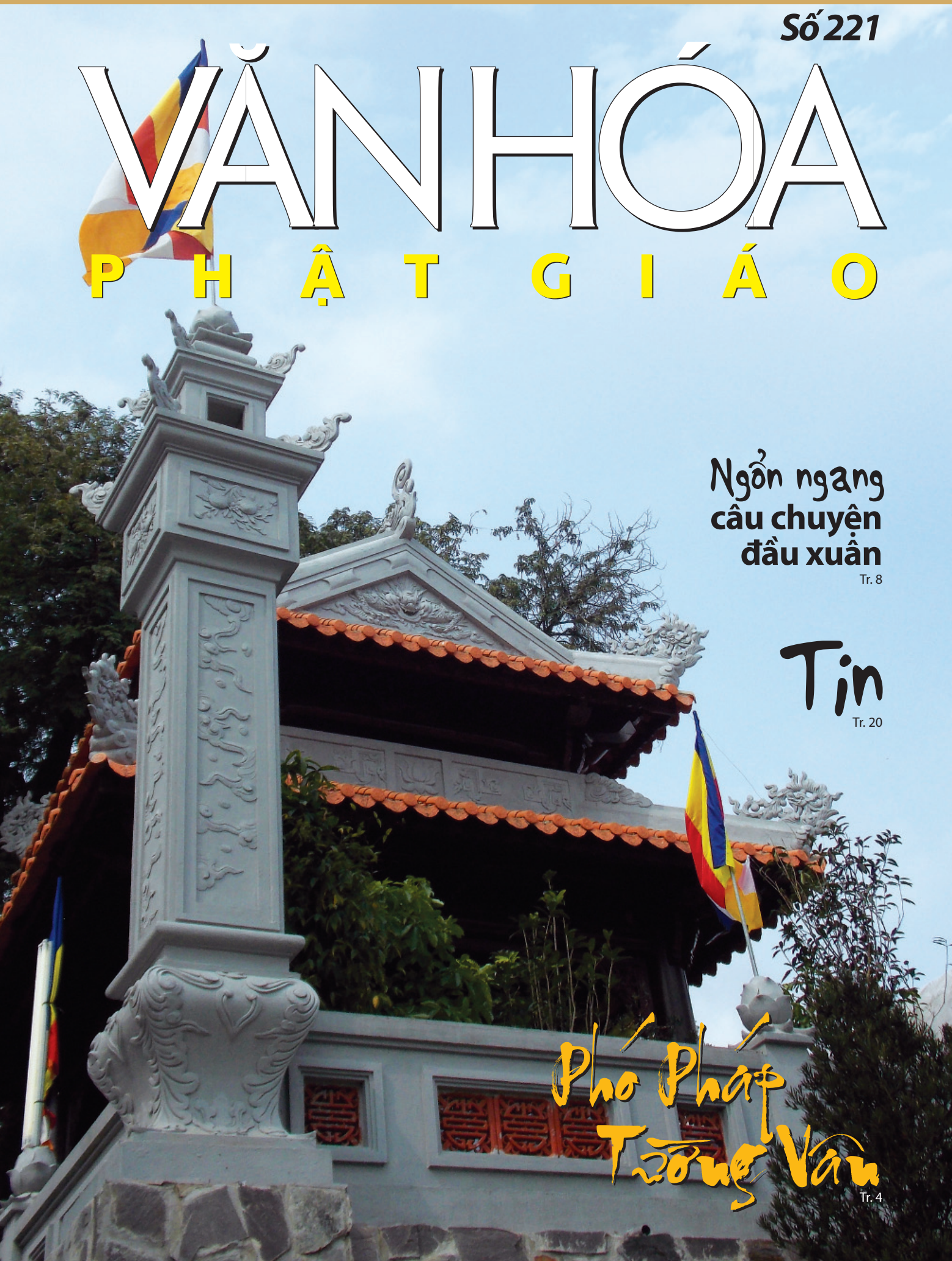

Ngổn ngang câu chuyện đầu xuân

Tr. 8

Tin

Tr. 20

Phó Pháp Trông Vân

Tr. 4

TÔN HOA SEN
Mái ấm gia đình Việt

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

EUROMONEY 2014

Cam kết BÁN
- Đúng Giá
- Đúng Tiêu chuẩn
- Đúng Chất lượng

ĐỂ MUA ĐÚNG SẢN PHẨM TÔN HOA SEN

Quan sát dòng in trên mặt dưới sản phẩm được thể hiện rất rõ ràng và cụ thể các thông tin về sản phẩm và thông số về tiêu chuẩn chất lượng như sau:

68M - TON HOA SEN - THUONG HIEU QUOC GIA - TON LANH MAU -15/5µm -

a b c d e

0.40mmTCT (±0.03) - ISO9001:2008 - ISO 14001:2004 - TML 14111869 - 13/11/14 14:27

f g h

a : Số mét
b : Tôn Hoa Sen
c : Thương hiệu quốc gia
d : Loại Sản phẩm (Tôn kẽm, Tôn kẽm màu, Tôn lạnh, Tôn lạnh màu)
e : Độ dày lớp sơn mặt trên và mặt dưới (đối với trường hợp sản phẩm là tôn màu)
f : Độ dày của sản phẩm (dung sai)
g : Tiêu chuẩn ISO
h : Mã số cuộn và ngày giờ sản xuất

- Sử dụng thiết bị đo Palmer để đo độ dày.

- Minh họa cấu tạo tấm Tôn Hoa Sen

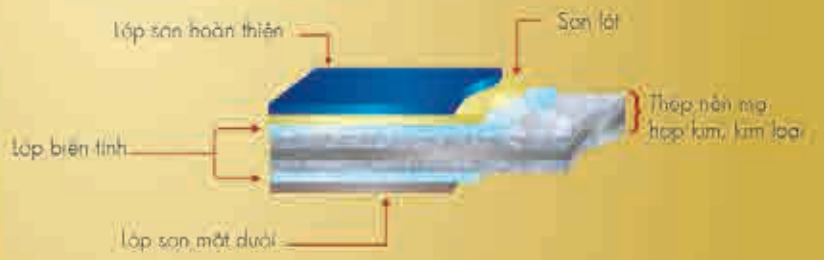

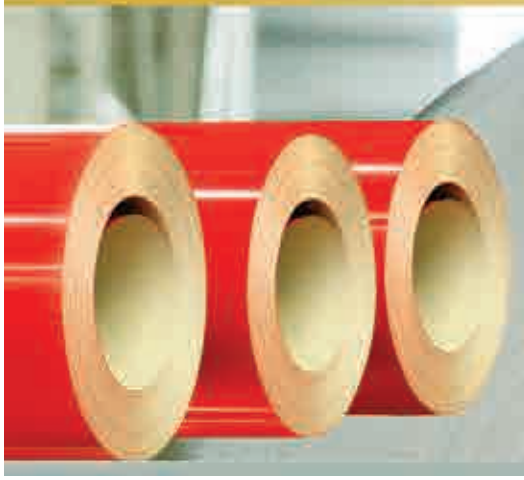

ĐỂ GIÚP BẠN TRÁNH NHẦM LẪN MUA PHẢI:
tôn giả, tôn nhái, tôn kém chất lượng

Hãy gọi ngay: 1800 1515

(Tổng đài tư vấn miễn phí)

www.hoasengroup.vn

Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MẪN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BỔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, DĐ: 0907 164 066

Quảng cáo
Pháp Tuệ, DĐ: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhpg@gmail.com
Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VP Bank, Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai 3
Phó Pháp Tường Vân *(Như Hiền)* 4
Ngổn ngang câu chuyện đầu xuân *(Nguyên Cẩn)* 8
Giới thiệu *Thất Thập Không Tính Luận* của Long Thọ *(Vũ Thế Ngọc)* 12
Pháp là thiết thực hiện tại *(Kim Phương)* 16
Tin *(Nguyễn Thế Đăng)* 20
Di-đà dạy con niệm Di-đà *(Thích Nữ Quang Tính)* 24
Bên trong pho tượng: Di hài một nhà sư tịch diệt đã ngàn năm *(Hoang Phong)* 26
Quan điểm của Phật giáo về con người *(Liên Thảo)* 28
Càng ngày càng, trong mấy phút? *(Hồ Anh Thái)* 31
Đôi điều nghĩ về tiếng Việt *(Trịnh Chu)* 32
Tương lai nào cho giáo dục mầm non của Phật giáo? *(Cao Huy Hóa)* 34
Niềm ân huệ của bệnh nan y *(Nhụy Nguyên)* 36
Mạng người trong chiến tranh *(Hoàng Tá Thích)* 40
Tôi là cây kiểng có gai *(Nguyễn Hữu Đức)* 42
Vết tích văn hóa Chăm trong Phật giáo Quảng Nam - Đà Nẵng *(Lê Xuân Thông)* 44
Dòng sông "nắng đục mưa trong!" *(Tôn Thất Thọ)* 48
Miếng ăn và tâm hồn *(Trần Kiêm Hạ)* 50
Thơ *(Trần Quê Hương, Nguyễn Cát Chuyển, Trà Kim Long, Nguyễn Thánh Ngã, Sông Hương, Phan Thành Minh, Nguyễn Văn Đôn, Tịnh Bình, Trường Khánh)* 52
Cuộc trình diễn thời trang *(Voicu Mihnea Simandan - Trương Thứ Lang* dịch) 54
Mẹ là cơm nắm đồng trưa *(Lý Thị Minh Châu)* 57
Xuân – cảm hứng sáng tạo *(Lê Hải Đăng)* 58
Lời cảm ơn cuộc sống 60

Bìa 1: **Lầu trống Tổ đình Tường Vân.** *Ảnh:* ***Ngô Văn Thông.***

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Ngày 22 tháng Giêng năm Ất Mùi (12/3/2015) vừa qua, nhân dịp kỷ niệm húy nhật lần thứ 42 Đại lão Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, Đức Tăng thống đầu tiên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, môn phái Tường Vân đã long trọng tổ chức lễ giỗ đồng thời làm lễ khánh thành công cuộc đại trùng tu ngôi già-lam Tổ đình Tường Vân tọa lạc tại phường Thủy Xuân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên-Huế. Hai sự việc trọng đại này đều có liên quan mật thiết với Hòa thượng Thích Chơn Thiện, Tổng Biên tập Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo.

Mọi người đều biết Đại lão Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, xuất thân chùa Tường Vân, là vị lãnh đạo tinh thần tối cao của phong trào tranh đấu Phật giáo năm 1963; vì vậy, lễ giỗ Đức Tăng thống và lễ khánh thành chùa Tường Vân không chỉ có ý nghĩa với môn phái Tường Vân mà còn là đại lễ đối với toàn thể đồng bào Phật tử Thừa Thiên-Huế và ở nhiều nơi trên cả nước.

Trước hai sự kiện lớn lao trên, tạp chí VHPG *cố gắng có bài viết kịp thời nhằm thể hiện ý nghĩa đặc biệt của hai ngày trọng đại ấy; do đó, việc phát hành số báo này có chậm trễ vài ngày, kính mong quý độc giả thông cảm.*

Sau khi phát hành số báo Xuân năm Ất Mùi 2015, VHPG *đã nhận được nhiều lời khích lệ với những nhận xét tốt đẹp về việc tổ chức thành công lễ kỷ niệm mười năm ngày phát hành số báo đầu tiên (1/2/2005-1/2/2015). Điều đáng mừng thêm nữa, là trong năm vừa qua, với những cố gắng của toàn thể nhân viên,* VHPG *đã vượt qua những khó khăn về mặt tài chánh; bên cạnh đó, cũng xuất hiện những điều kiện cho thấy* VHPG *sẽ tiếp tục tồn tại cho dù có gặp những khó khăn sắp tới. Chúng tôi tin tưởng rằng có thể đó là những tín hiệu khởi đầu cho sự ổn định của tạp chí để* VHPG *phục vụ quý độc giả một cách hữu hiệu hơn. Chúng tôi mong mỏi quý độc giả, quý cộng tác viên, ân nhân và thân hữu tiếp tục ủng hộ đường lối hoạt động của* VHPG, *sẵn sàng giúp đỡ tạp chí trong việc cổ động đọc báo, gửi bài cộng tác, mở rộng các hoạt động quảng cáo và phát hành… để tạo điều kiện cho* VHPG *có được một bước phát triển mới, thực hiện được hạnh nguyện phục vụ Đạo pháp và Dân tộc theo đúng chủ trương từ ban đầu.*

Vẫn còn trong không khí đầu năm, xin kính chúc quý vị một năm an khang và thịnh vượng.

Văn Hóa Phật Giáo

Này Ananda, những gì một bậc Đạo sư phải làm, vì lòng từ mẫn, mưu cầu hạnh phúc cho các đệ tử, những điều ấy Ta đã làm cho các ông.

(*Kinh Khất thực Thanh tịnh* – số 151, Kinh Trung Bộ)

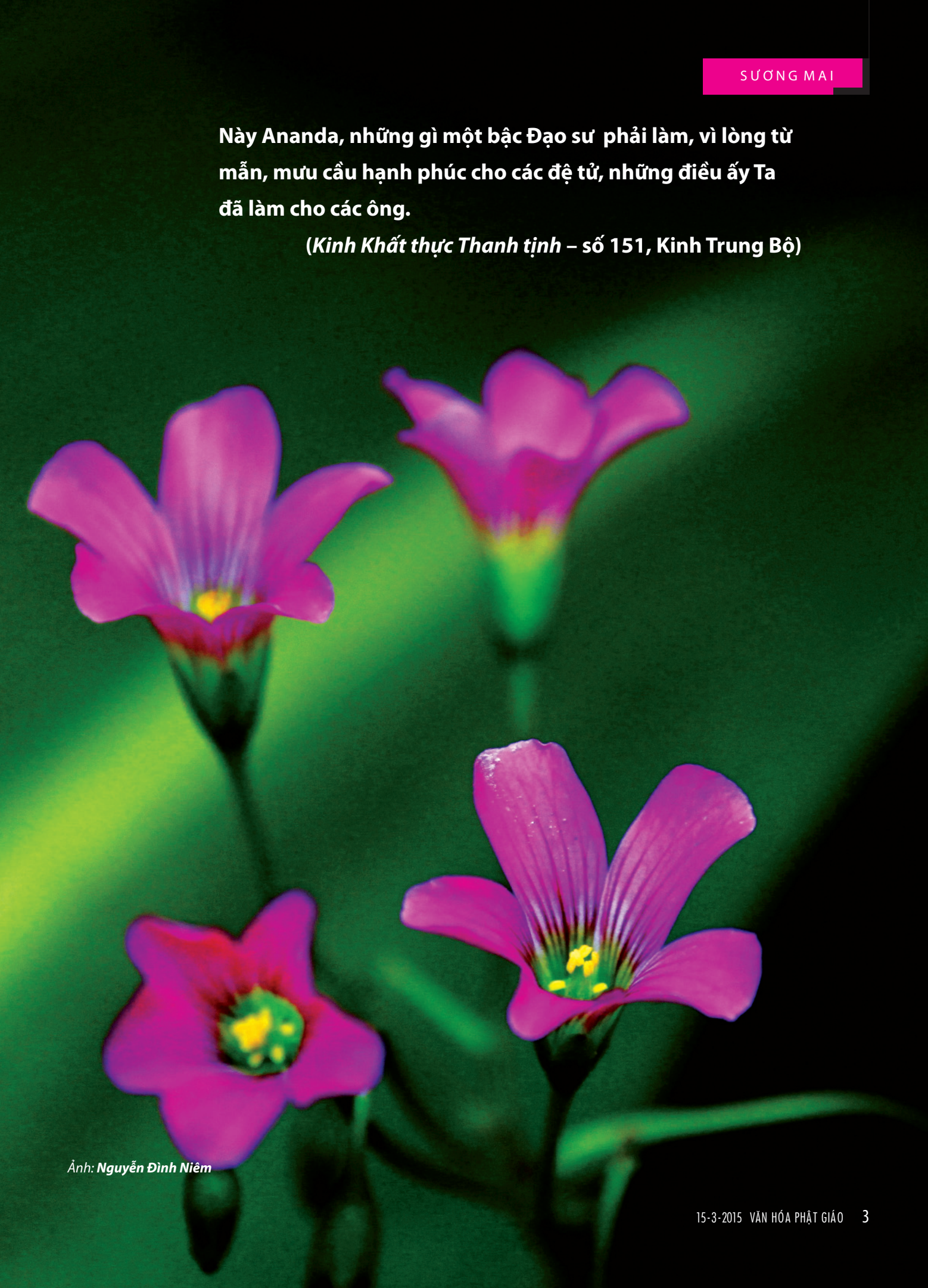

Ảnh: ***Nguyễn Đình Niêm***

Phó Pháp Tường Vân

NHƯ HIỀN

Ngày 21 và 22 tháng Giêng năm Ất Mùi (tức 11 và 12 tháng 3 năm 2015) có hai cuộc lễ lớn tại Tổ đình Tường Vân, thành phố Huế: Lễ húy kỵ Đức Đệ nhất Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, và lễ khánh thành Đại trùng tu Tổ đình Tường Vân.

Ngôi phạm vũ huy hoàng đã đón tiếp chư Tăng Ni Phật tử Thừa Thiên-Huế và khắp nước. Chư tôn thiền đức từ Trung ương Giáo hội, chư vị quan khách lãnh đạo của Nhà nước và các ban ngành, đoàn thể, và đặc biệt có đông đảo chư tôn đức Tăng Ni và Phật tử của khoảng 100 tự viện thuộc tông môn Tường Vân đã vân tập về ngôi Tổ đình trang nghiêm với nét kiến trúc mỹ thuật Việt Nam, hoành tráng về vóc dáng và trang nghiêm trong truyền thống của ngôi già-lam.

Ảnh: **Ngô Văn Thông**

Chuông trống vang lừng, cờ Phật giáo tung bay phất phới, các câu đối, hoành phi và hàng trăm tràng hoa dâng tặng từ Trung ương Giáo hội đến các cơ sở ban ngành Phật giáo cũng như chính quyền cùng với hàng chục ngàn Tăng Ni, Phật tử như làm sống động thêm lịch sử huy hoàng của Phật giáo Việt Nam, làm mạnh thêm lòng tin Tam bảo của những người con Phật và niềm tin của Nhà nước đối với Phật giáo Việt Nam.

Khó có thể miêu tả hết cái không khí của hai buổi lễ thiêng liêng này, nhưng người viết không có ý định miêu tả như một bản tường trình đầy đủ về tính cách hoành tráng và đầy ấn tượng của hai buổi lễ. Tôi chỉ muốn được nêu vài dòng về ba ý tưởng lồng quyện vào nhau của một người Phật tử gốc Huế đã xa nơi sinh trưởng lâu năm được trở lại mái chùa kính yêu nhân hai ngày lễ trọng đại này.

2 Chùa Tường Vân ban đầu là một thảo am do Thiền sư Huệ Cảnh lập vào năm 1843 trên vùng đất đồi núi hoang vu ở Dương Xuân hạ, Hương Thủy, Thừa Thiên, sau được ngài Linh Cơ dời về đến vị trí hiện nay, không xa nơi cũ. Chùa được trùng tu nhiều lần; lần đại trùng tu vừa qua là do Hòa thượng Thích Chơn Thiện đảm nhiệm khởi từ giữa năm 2013 và đến nay đã hoàn tất.

Cơ duyên đại trùng tu chùa Tường Vân lần này vốn xuất phát từ đề nghị của Cư sĩ Phạm Nhật Vượng với lời hứa sẽ giúp đỡ cho công trình được sớm hoàn thành rộng rãi khang trang nhưng vẫn giữ nguyên nét truyền thống. Hòa thượng Thích Chơn Thiện nhận thấy ý này cũng phù hợp với quan điểm của cố Đại lão Hòa thượng Thích Tịnh Khiết khi ngài cho sửa sang chùa từ năm 1972.

Trải bao đời qua, chư tôn đức trụ trì chùa Tường Vân đã viên tịch vốn đều là những bậc đạo hạnh cao vời, trí tuệ rộng lớn, là những thạch trụ của chốn Thiền lâm. Đặc biệt, cố Đại lão Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, Đệ nhất Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, vị lãnh đạo cuộc tranh đấu của Phật giáo chống chính quyền Ngô Đình Diệm kỳ thị tôn giáo, đã kế thế trụ trì chùa Tường Vân từ năm 1934 đến năm 1973, là một vị Đại Thiền sư hết lòng vì Tam bảo, vì tiền đồ của Phật giáo Việt Nam. Ngài rất lưu tâm đến việc giáo dục Tăng Ni. Từ năm 1940, khi ngài làm Giám đốc Đạo hạnh của Viện Cao đẳng Phật học tại chùa Tường Vân và chùa Báo Quốc, ngài đã nêu rõ ý nguyện đào tạo Tăng Ni thành người tài đức, đủ sức phục vụ Đạo pháp và Dân tộc. Cũng trong ý nghĩa này, ngài quyết định gửi Hòa thượng Thích Chơn Thiện du học ở Hoa Kỳ từ đầu năm 1972, tại Đại học Ohio Athens, thuộc tiểu bang Ohio. Quyết định này, theo chúng tôi, là kết quả của cái nhìn trí tuệ của Đức cố Tăng thống qua suốt thời gian dài Hòa thượng Thích Chơn Thiện làm thị giả hầu hạ ngài, vốn là vai trò có chọn lựa trong hàng môn đệ.

Ngài viên tịch đầu năm Quý Sửu (1973), thọ 85 tuổi, 65 hạ lạp, 68 năm an trú chốn thiền môn. Hàng tôn túc và tông môn vẫn bảo ngài có trí tuệ nhìn thấy tương lai. Khó thấy biết được điều ấy; nhưng trong trường hợp của Hòa thượng Thích Chơn Thiện, hình như các thấy biết của ngài thật rõ ràng.

3 Vâng lệnh Bổn sư, Hòa thượng Chơn Thiện vào Sài Gòn học tại Đại học Vạn Hạnh, tốt nghiệp cử nhân. Cố ra lệnh Hòa thượng phải chuẩn bị du học, đồng thời thúc giục Đại lão Hòa thượng Thích Minh Châu, lúc ấy là Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh, lo thủ tục xuất ngoại, nhập học cho Hòa thượng.

Những năm trước đó, Hòa thượng Thích Chơn Thiện nghĩ sẽ xa chùa, xa Thầy, xa chúng… nên ra sức hầu hạ Cố, gần gũi huynh đệ và quan tâm coi sóc việc chùa nhiều hơn. Khi lau quét tấm bia có bài Nghi của

ngài Quy Thiện, vị Thiền sư nổi danh về kiến thức và tài năng văn học ở Huế, thấy tấm bia đã bị mờ, Hòa thượng mua sơn về tô từng chữ để cho dễ đọc. Lần nọ, có huynh đệ chung quanh, Hòa thượng Chơn Hương, Thượng tọa Chơn Khương… Hòa thượng đọc bài Nghi và giảng cho huynh đệ nghe. Vừa đọc vừa xúc động vì bài ca ngợi công đức của Cố, Hòa thượng đã rơi nước mắt. Sự kiện này qua đi và chẳng ai quan tâm.

Đến cuối năm 1972, khi Hòa thượng Chơn Thiện đang ở Hoa Kỳ, Hòa thượng Chơn Hương thay làm thị giả cho Cố. Vào một buổi sáng, khi hầu Cố đi dạo trong sân chùa, ngang tấm bia nói trên, Hòa thượng Chơn Hương bỗng nhớ lại chuyện cũ và kể lại cho Cố nghe. Cố trầm ngâm một lát rồi ôn tồn nhận xét về Hòa thượng Chơn Thiện: "Chơn Thiện có trí tuệ, có đạo hạnh, lại có tính thầm lặng. Sau này có thể gặp khó khăn, lại đa đoan công việc". Thế rồi trưa hôm đó, Cố dạy lấy quyển vở học trò có kẻ ô, Cố dùng một trang viết một bài kệ. Cố dặn hòa thượng Chơn Hương: "Đến khi nào Chơn Thiện hết đa đoan, trở về Tổ đình chăm lo Phật sự, phát triển tông môn, thì trao bài này cho Chơn Thiện". Cố còn lấy ra một cái hộp tròn nhỏ, đường kính độ 5cm, bên trong có tượng Phật móc vào một sợi dây chuyền. Tất cả, hộp, tượng, dây đều bằng vàng, nặng khoảng một lượng. Cố dặn Hòa thượng Chơn Hương phải giữ cất kỹ, bí mật, không được hé lộ cho ai.

4 Vào năm 2004, Hòa thượng Chơn Thiện xin từ nhiệm Phó Viện trưởng Thường trực Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam và Học viện Phật giáo Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh để về Huế, an trú tại Tổ đình Tường Vân. Đến năm 2014, xong lễ Đại tường của cố Đại lão Hòa thượng trụ trì Thích Minh Châu, tông môn tụ hội, suy cử Hòa thượng Thích Chơn Thiện chức vụ trụ trì. Sau đó ít ngày, Hòa thượng Thích Chơn Hương mới tường thuật lại với Hòa thượng Thích Chơn Thiện, rồi với Tăng chúng tông môn về sự trao truyền pháp kệ và hộp tượng Phật vàng như đã nói trên.

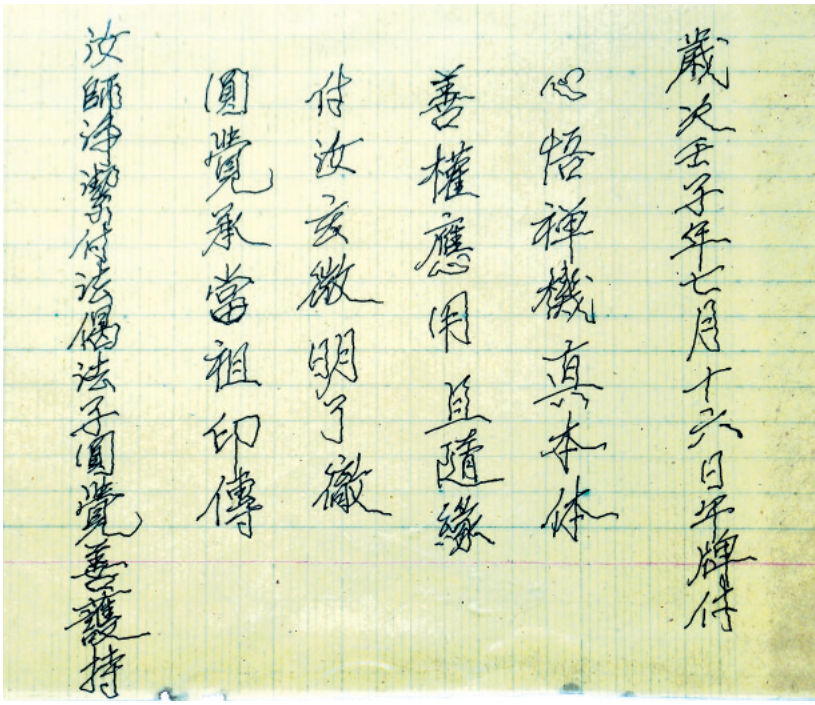

Bài pháp kệ nguyên văn như sau:
歲次壬子年七月十六日午牌付:

心悟禪機真本体
善權應用且隨緣
付汝玄微明了徹
圓覺承當祖印傳

汝師淨潔付法偈法子圓覺善護持

Phiên âm:
Tuế thứ Nhâm Tý niên, thất nguyệt, thập lục nhật, ngọ bài phó:

***Tâm ngộ** thiền cơ **chơn** bổn thể*
***Thiện** quyền ứng dụng thả tùy duyên*
Phó nhữ huyền vi minh liễu triệt
***Viên Giác** thừa đương tổ ấn truyền.*

*Nhữ sư Tịnh Khiết phó Pháp kệ Pháp tử Viên Giác **thiện** hộ trì.*

Những chữ in đậm trong phần phiên âm có liên hệ đến pháp danh Tâm Ngộ, pháp hiệu Chơn Thiện và pháp hiệu Viên Giác của Hòa thượng Thích Chơn Thiện.

Tạm dịch:
Bài viết vào buổi trưa ngày 16 tháng 7 năm Nhâm Tý (1972):

Tâm tỏ ngộ được bổn thể chân thực của thiền cơ
Khéo linh động ứng dụng, hãy tùy theo cơ duyên
Trao cho ông chỗ rốt ráo sáng tỏ của lẽ huyền vi
Viên Giác tiếp nhận ấn do Tổ truyền.

Thầy của ông là Tịnh Khiết trao Pháp kệ cho Pháp tử Viên Giác, hãy khéo hộ trì.

Như vậy, Hòa thượng Chơn Thiện là người chính thức được truyền tâm ấn của Tổ, được cố Đại lão Hòa thượng Thích Tịnh Khiết chính thức trao truyền. Danh đã chính, ngôn đã thuận thì sự ắt thành. Tăng Ni, Phật tử hẳn đều hy vọng Hòa thượng Trưởng môn phái Tường Vân, từ nay sẽ nối tiếp truyền thống Tường Vân, phát triển tông môn, góp phần xây dựng và phát triển Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong thời đại mới.

Thật đáng kính ngưỡng, Hòa thượng Thích Chơn Hương, Ủy viên Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Phó Trưởng ban Tăng sự Trung ương Giáo hội, Phó Trưởng ban Trị sự kiêm Trưởng ban Tăng sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Thừa Thiên-Huế, trụ trì chùa Quảng Tế, phó trụ trì Tổ đình Tường Vân, đã kiên trì tuân thủ lời phó thác của sư phụ mình là cố Đại lão Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, suốt 42 năm cất giữ bảo vật thiêng liêng để rồi chính thức công bố vào lúc thuận lợi, hợp tình, hợp lý.

5 Sau hai buổi lễ trọng đại, vào buổi chiều hôm mãn lễ, tôi lên chùa. Không khí rộn rã tưng bừng đã tan nhưng đạo vị vẫn còn phảng phất. Từ sân chánh điện nhìn xuống, tôi thấy Hòa thượng Chơn Thiện chậm rãi đi lui đi tới ở hành lang trước phòng phương trượng. Giờ đây, lặng lẽ, bình dị, thảnh thơi là vị Hòa thượng Tiến sĩ, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự, Trưởng ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương Giáo hội, Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế, Đại biểu Quốc hội, Tổng Biên tập Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*.

Tôi nhìn lên trời, như mọi lần, nhiều đám mây nhẹ lơ lửng tụ hội, nghĩ rằng đúng là mây lành, Tường Vân; rồi chợt nhớ đến hai câu đối ở cổng tam quan của Tổ đình:

祥瑞徧莊嚴, 檀信皈依僧福惠
雲香常彌布, 眾生回向得清涼

Phiên âm:
Tường thụy biến trang nghiêm, đàn tín quy y tăng phước huệ,
Vân hương thường di bố, chúng sanh hồi hướng đắc thanh lương.

Tạm dịch:
Điềm tốt vẫn trang nghiêm chốn chốn, chúng tín tựa nương thêm phước huệ,
Mây thơm luôn lan tỏa nơi nơi, quần sanh hồi hướng được thanh lương.

Đó là ước nguyện, là nỗ lực tạo thiện duyên cho những ai đến chùa của toàn thể Tăng chúng của ngôi phạm vũ Tường Vân và cho hết thảy chúng sinh trong cõi ta-bà. Tôi tin rằng ước nguyện đó, nỗ lực đó sẽ được thành tựu viên mãn. ■

Ngổn ngang câu chuyện đầu xuân

NGUYÊN CẨN

Đường đến xã hội văn minh còn xa?

Tiếp nối câu chuyện trong số báo trước về việc cần thiết phải xây dựng một xã hội văn minh như một bức bách của thời đại trước cả nhu cầu về một xã hội phồn vinh.Thủy chuẩn văn hóa nào cần xây dựng, khi quanh ta diễn ra bao nhiêu hình ảnh và hiện tượng phản cảm về văn hóa. Chỉ riêng những ngày Tết Ất Mùi vừa qua, bao nhiêu câu chuyện khiến dư luận và nhất là những bậc thức giả, những công dân nặng lòng với tiền đồ văn hóa đất nước không khỏi bức xúc, thậm chí bàng hoàng. Nổi lên trên tất cả là câu chuyện chém lợn làng Ném Thượng.

Từ chém lợn đến chém… người

Mặc cho những ý kiến phản đối của Tổ chức Động vật châu Á (Animals Asia) kêu gọi chấm dứt vì cho rằng tục lệ chém lợn là dã man, người dân làng Ném Thượng (Bắc Ninh) kiên quyết giữ và cho rằng đây là phong tục truyền thống. Nhất là có không ít ý kiến ủng hộ.

Theo *VnExpress*, khi trao đổi về lễ hội chém lợn, Phó

Giáo sư Trần Lâm Biền, Ủy viên Hội đồng Di sản Quốc gia, đã nhận định: "Những người không hiểu về văn hóa lại cho mình quyền phán xét một lễ hội truyền thống là dã man. Nếu chỉ nhìn hình thức mà vội kết luận vấn đề sẽ dễ làm thui chột văn hóa, mất bản sắc địa phương". Vị Phó Giáo sư này cho rằng lễ hội chém lợn là nghi thức tín ngưỡng để người dân cầu mùa màng bội thu, sự phát triển sinh sôi, hạnh phúc cho cộng đồng mình. Ông cũng lý giải, máu đỏ trong tín ngưỡng nguyên thủy là biểu trưng cho sự sống, sinh khí. Từ đó, ông cho rằng phong tục này là để cầu may cho mọi người, nó vượt qua cả khái niệm dã man hay không dã man; và kết luận, *"văn hóa nếu chỉ nhìn hình thức có thể tưởng là dã man nhưng đằng sau lại là tính nhân đạo mênh mông"* (?!). Tiến sĩ Dân tộc học Trần Hữu Sơn, Giám đốc Sở Văn hóa Lào Cai nói: "Can thiệp như thế có quá đáng lắm không? Đừng lấy quan niệm bây giờ để áp đặt cho phong tục truyền thống ngày xưa". Phó Chủ tịch Hiệp hội Du lịch Việt Nam Vũ Thế Bình cho rằng lễ hội đã có truyền thống mấy trăm năm, là đời sống văn hóa tâm linh của người địa phương và một năm mới tổ chức một lần. "Vì vậy, hãy để người dân tự thay đổi ý thức, không nên thúc ép hay can thiệp. Du khách nào thấy việc chém lợn quá phản cảm thì không nên tham dự". Thế đấy, những người có chức trách còn ủng hộ nhiệt thành đến thế, thì hỏi làm sao những người dân trình độ hiểu biết có giới hạn lại dám ủng hộ việc thay đổi hủ tục này. Và thế là người ta vẫn tiến hành đầy nhiệt thành lễ hội chém lợn năm nay, diễn ra trong bối cảnh lượng du khách thập phương, phóng viên đến dự và chứng kiến đông gấp đôi các năm khác. Hãy thử đọc một đoạn văn mô tả trong báo:

"Nắng chang chang nhưng cả ngàn người chen lấn, xô đẩy nhau, bao vây vòng trong vòng ngoài quanh nơi trải bạt để chém lợn. Người xem bắc thang, trèo lên mái nhà, leo lên kín các ngọn cây. Người lớn công kênh trẻ em vây kín sân đình. Nhiều đứa trẻ bám chặt vào hàng rào nhìn đao phủ và 'ông lợn'. Những đôi mắt chăm chú dõi theo nhất cử nhất động của người chủ xướng. Hai đao phủ lăm lăm hai cây đao. Trống chiêng đùng đoàng hòa trong tiếng người dân hò reo, tiếng ông lợn kêu eng éc. Sau hai nhát đao, (kéo dài trong khoảng hơn mười giây) cả hai 'ông lợn' đã được chém xong. Máu lợn bắn tung tóe lên khắp sân đình, bắn cả lên mặt nhiều người quan sát" (www.thanhnien.com).

Nhưng đến lễ hội đền Gióng sáng ngày 24-2 (mùng 6 tháng Giêng âm lịch), tại huyện Sóc Sơn thì không còn là chém lợn mà là chém… người! *Các thanh niên tranh nhau cướp hoa tre đã múa dao, cầm gậy đánh nhau, gây hỗn loạn*.Những người trong Ban tổ chức lễ hội cho biết hiện tượng này đã xảy ra từ nhiều năm nay, nhưng vẫn chưa tìm ra cách khắc phục và chấn chỉnh.

Trở lại lý do mà Tổ chức Động vật châu Á ngày 27/1đã phát động chiến dịch cùng ký tên kêu gọi cơ quan chức năng tỉnh Bắc Ninh và Bộ Văn hóa ban hành quy định chấm dứt lễ hội chém lợn. Theo tổ chức này, việc chém những con lợn còn đang sống khỏe mạnh là lối đối xử tàn ác đối với động vật, nó làm trơ lỳ cảm xúc của người xem khi chứng kiến cách thức động vật bị đối xử dã man, đặc biệt là trẻ em, đối tượng có tâm lý chưa hoàn thiện ổn định và dễ bị ảnh hưởng. Đây lần thứ ba Tổ chức Động vật châu Á có thư phản đối tục chém lợn.

Có ý kiến nào trong nước ủng hộ quan điểm này chăng? Phó Giáo sư Đinh Thị Kim Thoa – giảng viên bộ môn Tâm lý giáo dục, Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội – cho rằng *"Không nên lấy cái gọi là niềm tin, tín ngưỡng để duy trì những hủ tục lạc hậu trong đời sống. Điều đó ảnh hưởng lớn đến sự phát triển văn minh của xã hội, tâm lý con người, đặc biệt là trẻ con, không có lợi cho giáo dục"*. Mặc dù cảnh chém lợn chỉ diễn ra trong lễ hội mỗi năm một lần, nhưng hình ảnh người lớn cầm dao chém giết, máu bắn ra và người dân hoan hỷ hò reo sẽ in đậm trong ký ức của trẻ thơ. Trẻ có thể bắt chước hành vi đó và "sáng tạo" phương thức chém giết, có khi tàn bạo hơn cả cách cha ông đã thực hiện. Chúng ta liên tưởng đến Lê Văn Luyện, sát thủ máu lạnh ở Bắc Giang vốn cũng xuất thân từ một gia đình giết lợn. Điều này được chứng minh qua những thí nghiệm về hành vi con người mà các nhà khoa học thế giới đã tiến hành. Tiến sĩ Vũ Thu Hương – Khoa Giáo dục Tiểu học, Đại học Sư phạm Hà Nội – nói: *"Không ai dễ dàng vượt qua được cảm giác tội lỗi khi lần đầu sát hại một sinh vật. Nhưng khi vượt qua rồi thì lại dễ dẫn tới những sự sát sinh khác. Đây là một bước để có thể tiến tới những tội ác lớn hơn"*. Theo kết quả thăm dò trên *VN Express* đến ngày 30/1/2015 khi được hỏi "Bạn nghĩ thế nào về tục chém lợn?" thì đã có 42.388 câu trả lời với các ý kiến như sau:

- Cần dẹp bỏ: 33.517 phiếu, chiếm 79%.
- Vẫn tổ chức, nhưng chém lợn ở chỗ kín đáo hơn: 2.773 phiếu, chiếm 7%.
- Giữ nguyên truyền thống: 6.098 phiếu, chiếm 14%.

May mắn thay, phần đông trong chúng ta không có nhiều người ủng hộ hủ tục ấy. Ông Nguyễn Tam Thanh thuộc Tổ chức Động vật châu Á giải thích lý do của việc phản đối, ngoài việc tôn trọng "phúc lợi động vật" còn có yếu tố lễ hội văn hóa phải mang tính văn minh va nhân đạo. Căn cứ để tổ chức này này dựa vào là những nghiên cứu thực hiện ở Mỹ về mối liên hệ giữa việc đối xử tàn ác với động vật và hành vi bạo lực ở người. Theo khảo sát thực hiện vào năm 1999 tại một nhà tù, trong tổng số 117 tù nhân, 63% tội phạm thuộc nhóm có xu hướng bạo lực từng có hành vi ngược đãi động vật so với tỷ lệ chỉ 11% ở nhóm không có xu hướng bạo lực. Nên nhớ hành vi tàn ác đối với động vật là một trong những phép kiểm tra được Cục Điều tra Liên bang của

Hoa Kỳ (FBI) thực hiện nhằm đánh giá mức độ nguy hiểm của các tù nhân. Theo nghiên cứu khoa học đăng trên tạp trí *Journal of Emotional Abuse* năm 1998, bài viết 'Animal abuse and family violence' của tác giả J.A. Quinslisk, trong tổng số 72 phụ nữ tại các nhà tạm trú dành cho phụ nữ bị bạo lực gia đình, thì 88% số người cho biết từng chứng kiến việc ngược đãi động vật.

Hành động đâm trâu, chém lợn hay bất kỳ lễ hội nào có lối đối xử tàn bạo đối với động vật có sự chứng kiến của nhiều người, trong đó có cả trẻ em, hoàn toàn trái ngược với bản chất truyền thống đạo lý của người Việt Nam và cũng không thể gọi là văn hóa sống của con người.

Ấn Độ mới đây đã ra lệnh cấm hiến tế động vật vì tính chất độc ác của tập tục này. Ở Đan Mạch, Bộ trưởng Nông nghiệp đã ký một sắc lệnh cấm giết mổ gia súc phục vụ cho nghi lễ tôn giáo mà không gây mê chúng trước khi giết mổ.

Chúng ta nghĩ gì về chuyện chém lợn và con số 6.207 người nhập viện do đánh nhau theo báo cáo của Bộ Y tế chỉ trong 8 ngày nghỉ Tết Nguyên đán, trong tổng số hơn 226.000 lượt khám cấp cứu, tai nạn nhập viện. Chỉ trong đêm giao thừa và mùng 1 Tết có hơn 800 ca chấn thương do đánh nhau nhập viện. Những ngày sau đó số ca cấp cứu chấn thương do đánh nhau tiếp tục tăng cao, như mùng 3 Tết có tới 950 trường hợp phải nhập viện do đánh nhau. Nhân viên khoa cấp cứu các bệnh viện cho biết những người nhập viện do bị đánh phần lớn là thanh niên, đánh nhau trong lúc có uống rượu.

Thủ tướng Việt Nam nói rằng một đất nước hòa bình mà hơn 30 người chết vì tai nạn giao thông mỗi ngày là bất bình thường. Thế thì nói sao về hàng nghìn người đổ máu những ngày qua. Chiến sự Ukraine hay Syrie, Iraq khốc liệt là thế với trọng pháo xe tăng mà cũng đến con số chục ngàn người thương vong trong suốt thời gian qua mà thôi!

Chúng ta nghĩ gì khi tỷ lệ tội phạm vị thành viên ở Việt Nam đang ngày càng có xu hướng gia tăng, cả về số vụ án lẫn mức độ nghiêm trọng, tàn bạo của từng vụ án. Theo số liệu của Ban chỉ đạo Đề án IV "Đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em và tội phạm trong lứa tuổi chưa thành niên" từ năm 2007 đến tháng 6/2013, toàn quốc phát hiện gần 63.600 vụ, gồm hơn 94.300 em vi phạm pháp luật hình sự. Số vụ phạm pháp tăng gần 4.300 vụ. Có 80% trong số 7.861 vụ phạm tội ở lứa tuổi chưa thành niên rơi vào hoàn cảnh gia đình khó khăn; bố mẹ là đối tượng hình sự, rượu chè, cờ bạc, gia đình thường xảy ra bạo lực…

Đi tìm lời giải

Vì rượu bia?

Còn đâu những hình ảnh tốt đẹp ngày Tết, những ngày mà lẽ ra, người ta phải gác lại sau lưng mọi hiềm khích, xích mích, cư xử với nhau sao cho phải đạo. Còn đâu những câu chúc vạn sự lành, trăm sự yên cho năm mới. Có thể việc duy trì những lễ hội đâm trâu, chém lợn là một trong số những tác nhân nuôi dưỡng mầm Ác. Có thể rượu bia cũng là một tác nhân cho tình trạng bạo lực, nhưng giải thích sao khi cha ông ngày xưa vẫn uống rượu mừng xuân, Cụ thể bài hát nào về xuân cũng có rượu: *"Ly rượu mừng"* (Phạm Đình Chương), ngay nhạc nước ngoài "No more champagne and…" (Happy New Year) và người xưa cũng dùng rượu chỉ để quên sầu.

Chị ơi, Tết đến em mua rượu
Em uống cho say đến não lòng.

(Nguyễn Bính)

Khi chén rượu, khi cuộc cờ
Khi xem hoa nở khi chờ trăng lên.

(Nguyễn Du)

Nhưng có lẽ chẳng ai say mà gây sự đánh nhau sứt đầu mẻ trán như bây giờ!

Rượu bia là tác nhân trực tiếp kích động nhưng nếu người ta có sẵn mầm thiện trong tâm hồn thì cũng chẳng ai muốn đoạt mạng người khác. Vậy thì nguồn căn của cái ác nằm ở chỗ khác cho rằng

Vì đứt gãy nhân cách

Giáo sư Phạm Hồng Tung – Viện trưởng Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội – cho rằng lý do chính khiến xảy ra hiện tượng bạo lực bùng phát như những ngày qua là do đã có sự "đứt gãy nhân cách" khi giáo dục trong nhà trường hiện chỉ tập trung dạy về kiến thức, còn những môn như giáo dục công dân, lịch sử thì chỉ hướng dẫn một cách hời hợt, thiếu chiều sâu. Xã hội thiếu sân chơi, thiếu không gian công cộng lành mạnh, ít trò chơi tập thể thu hút thanh thiếu niên. Nhiều gia đình thiếu quan tâm, giáo dục phát triển nhân cách con em mình khiến không ít bạn trẻ bị đứt gãy nhân cách. Ông kêu gọi giáo dục trong nhà trường, gia đình, xã hội phải đổi mới, hướng đến đào tạo, phát triển con người toàn diện. Đoàn Thanh niên nên có những cuộc vận động tập trung vào lối sống, gắn với danh dự, lợi ích của thanh niên để người trẻ tự tạo ra cơ chế kiểm soát hành vi của mình. Nguy hiểm hơn,

ông cho rằng chúng ta đang mất đi "con người đang ở tuổi đẹp nhất cuộc đời, lứa tuổi thể hiện mạnh nhất về thể chất, khát vọng, sức mạnh tạo nên xung lực phát triển đất nước".

Vì tâm thức thời chiến?

Đã không ít ý kiến đề cập việc phải có những giải pháp căn cơ nhằm giải quyết triệt để tình trạng "đứt gãy nhân cách" như nêu trên, trong đó giáo dục là nền tảng, từ gia đình ra xã hội. Tiếc thay, hầu như cả cộng đồng quanh ta, từ người lớn đến con trẻ đều đang ứng xử trong tâm thức thời chiến dù chiến tranh đã qua 40 năm rồi. Người ta vẫn cứ bon chen, chụp giựt, từ chuyện mua vé xe, vé tàu, vé coi bóng đá, đến chuyện tín ngưỡng, xin ấn, xin hoa tre, cướp hoa, hái lộc. Có người – như Phó Giáo sư Tiến sĩ Lê Quý Đức – gọi những hiện tượng trục lợi tại các lễ hội là "tham nhũng tinh thần về tâm linh". Ông cho rằng những cán bộ, người có chức có quyền đến với các lễ hội, đến với các đình chùa miếu mạo để cầu danh, cầu lợi, cầu cho bản thân, thậm chí mong mỏi thần linh tẩy xóa cho những điều xấu mình đã gây ra. Khi họ dùng vật chất của mình để cầu mong "sự đổi chác" của thần linh thì như thế chính là "tham nhũng tâm linh".

Kẻ có chức có quyền đã thế, trách sao tâm thức con người không luôn vọng động, không bình yên. Vô tình chúng ta đang tạo chung một thứ cộng nghiệp bất thiện. Chúng ta là chủ nhân chính mình và của xã hội. Chúng ta đang đánh mất chính mình khi để cho lòng tham, sân hận sai khiến tự tung tự tác. Xã hội mất kỷ cương khi mạnh ai nấy sống, thiếu "tình làng nghĩa xóm", thiếu tình thương giữa người với người đến nỗi ngay trong thân tộc, khi sân hận, người ta cũng sẵn sàng giết nhau!

Trong tuyển tập kinh *Trung Bộ*, Đức Phật đã chỉ dạy con người cần phải loại trừ ba ác nghiệp của thân, trong đó, Ngài nêu rõ: "*Có người sát sanh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi với các loài hữu tình*" và quan trọng hơn là ác nghiệp của ý *"Có người tham ái, tham lam tài vật kẻ khác"* hay *"lại có người có tâm sân, khởi lên hại ý, hại niệm. Mong rằng những loài hữu tình này bị giết, hay bị tàn sát, hay bị tiêu diệt, hay mong chúng không còn tồn tại".*

Một khi những ác nghiệp do thân, khẩu, ý còn tạo ra thì sự khủng hoảng tinh thần trên thế gian này còn kéo dài, ngày một trầm trọng thêm…

Phục hồi giá trị nhân văn cho những lễ hội là việc cần làm. Bên cạnh đó, một việc cấp bách hơn nữa là việc chấn chỉnh giáo dục nhân cách từ người lớn đến trẻ em. Những thứ văn hóa ứng xử, văn hóa giao thông, văn hóa hội hè cần phải đưa vào chương trinh học. Lập lại kỷ cương từ những cán bộ, những công bộc của dân. Xã hội thiếu lễ nghĩa thì không thể phát triển được. Sau cùng và trên hết, nâng cao phẩm chất con người, diệt trừ tính Ác và "tịnh hóa" xã hội trên những thủy chuẩn văn hóa mới: Công bằng-Dân chủ-Văn minh.

Nói cách khác, thiện nghiệp chính là văn minh! ■

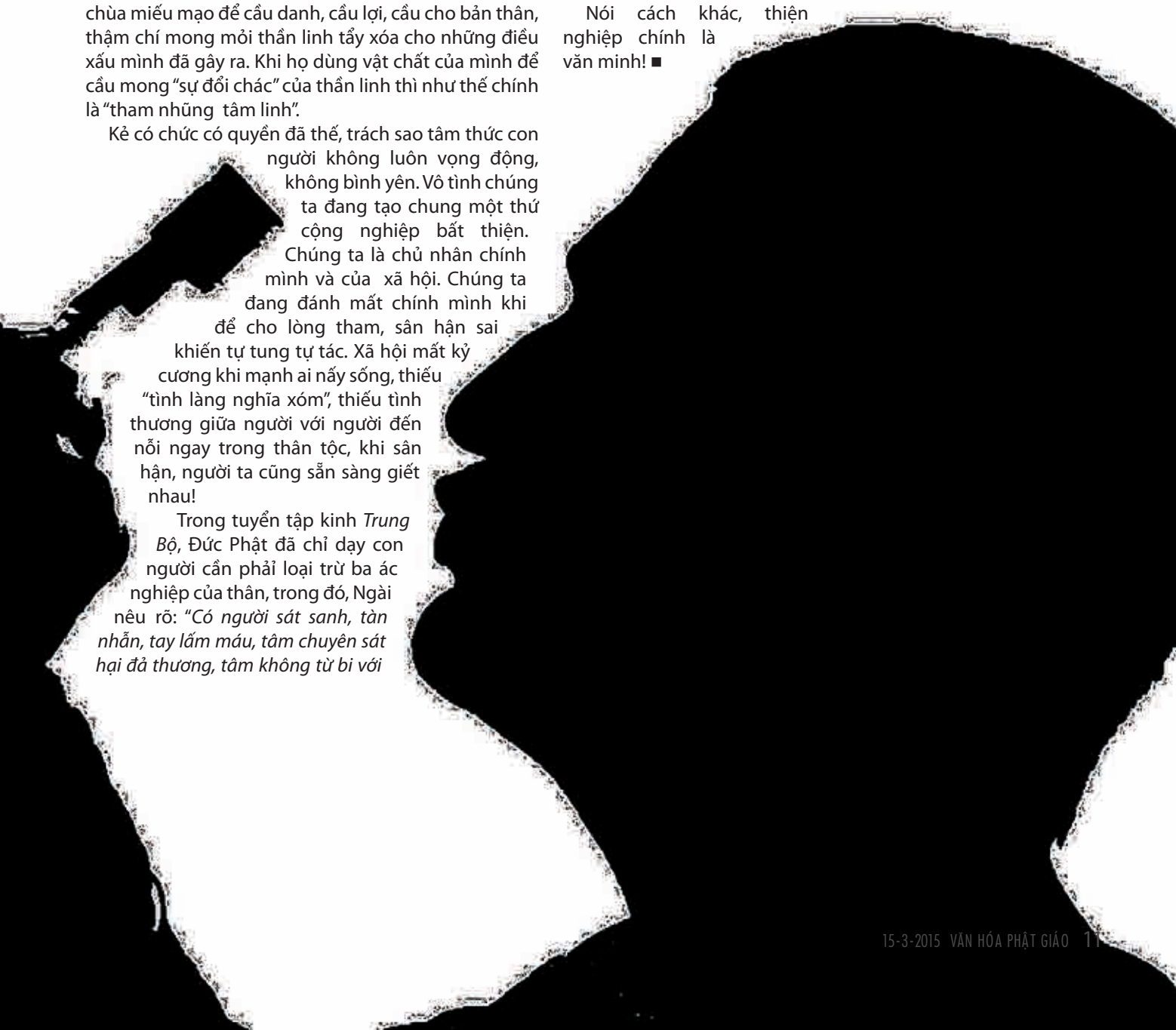

Giới thiệu *Thất Thập Không Tính Luận* của Long Thọ

VŨ THẾ NGỌC

Thất Thập Không Tính Luận (Śūnyatāsaptatikārikā) mà chúng ta có ngày nay chỉ còn trong các bản Tạng ngữ. Tuy nhiên vẫn còn nhiều giảng luận của các đại sư danh tiếng như Thanh Biện (Bhavya thế kỷ VI), Nguyệt Xứng (Candrakirti thế kỷ VIII) và Tịch Hộ (Śāntaraksita thế kỷ VIII) có trích dẫn tác phẩm này. Trước cả thời ngài Thanh Biện chúng ta cũng còn thấy nhiều sớ luận trích dẫn và nhắc đến *Thất Thập Không Tính Luận*, cho nên hầu như tất cả luận sư học giả từ xưa đến nay dù rất bảo thủ về nguyên tắc văn bản, đều đồng ý tác giả của *Thất Thập Không Tính Luận* là Long Thọ[1].

Hiện nay ngoài Tạng bản *sTon pa ñid bdun cu pa'i* (Peking Edition, # 5227)[2] chúng ta còn có các Tạng bản *Thất Thập Không Tính Luận Thích*[3] *(Śūnyatāsaptati-vrtti)* được coi là của chính Long Thọ (Peking Edition, # 5231), một bản khác cùng tên của Nguyệt Xứng (Peking Edition, # 5268) và *Śūnyatāsaptativivrtti* của Thanh Biện (Peking Edition #5269). Bản dịch Hán văn *Thất Thập Không Tính Luận* đã mất từ lâu[4], tuy nhiên người ta thấy trong bản Hán văn *Thập Nhị Môn Luận* do Cưu Ma La Thập (344-416) dịch[5] có trích hai kệ (kệ 8 và 19) từ luận này. Chỉ gần đây chúng ta mới thấy có các bản dịch bằng các ngôn ngữ hiện đại như chữ Nhật, Danish và Anh ngữ; ngoài ra các bản dịch Hoa ngữ, Pháp ngữ và Đức ngữ đã được thông báo là sẽ in.

Phá hủy Thập nhị nhân duyên

Quần chúng Phật giáo đều quen thuộc với giáo lý Thập nhị nhân duyên. Và cũng vì quá quen thuộc nên giáo lý duyên khởi đã bị dung tục hóa, biến thành "giáo điều duyên khởi" xem duyên khởi như là lý nhân quả đơn giản, máy móc và một chiều như là một *định mệnh thuyết*. Nhưng rất ít người hiểu rằng mục đích quan trọng Đức Phật muốn dạy là phải phá hủy mười hai nhân duyên này. Và đó là nỗ lực của Long Thọ.

Thập nhị nhân duyên là giáo lý căn bản của Phật Pháp, được tất cả các tông môn Phật giáo bảo lưu và tôn trọng như giáo lý giao truyền từ Đức Phật, dù cách giải thích có đôi chút khác nhau tùy theo tông môn. Thập nhị nhân duyên là giáo lý nói về mười hai lý do và điều kiện tâm, sinh, và vật lý tạo nên đời sống nằm trong một chuỗi liên hệ. Đó là những lý do (nhân) và điều kiện (duyên) đã khiến con người cứ mãi mãi luẩn quẩn trong vòng sinh tử luân hồi. Vì vậy viết hay giảng về Thập nhị nhân duyên dù có chi tiết và thú vị đến đâu chăng nữa như các luận sư thường thuyết giảng lâu nay, cũng chẳng giúp được gì nhiều cho thính chúng, và chỉ càng xa rời chính đạo của Đức Phật. Vì vậy mục đích của Long Thọ không phải là rao giảng 12 nhân duyên, mà là *nỗ lực phá hủy mười hai nhân duyên* để đưa về mục đích thực sự mà Đức Phật nhắm đến là Giải Thoát. Vì giải thoát chính là sự phá hủy mười hai nhân duyên. *Trung Luận, Hồi Tránh Luận* và *Thất Thập Không Tính Luận* không dạy về Thập nhị nhân duyên mà chỉ nhắm vào một mục đích là phá hủy vòng vây mười hai nhân duyên này.

Trước khi nghe *Thất Thập Không Tính Luận* giảng về con đường phá hủy Thập nhị nhân duyên chúng ta cần hiểu 12 nhân duyên này liên hệ với nhau như thế nào theo giáo lý Duyên khởi:

1 - **Vô minh** (avidyā) là biết không rõ về chính ta và mọi hiện tượng quanh ta, trong đó quan trọng nhất là không hiểu Khổ (*duhkha:* bất toàn) là tính chất căn bản chung của mọi hiện tượng trong đời sống. Vô minh được coi là phiền não của thời quá khứ vô thủy.

2 - Vô minh là duyên sinh[6] **Hành** (saṃskāra, có thể gọi là *Hành nghiệp* hay *Hành lực*) là sức mạnh của các hành động tạo nghiệp. Hành lực có ở cả ba dạng *thân khẩu ý.* Vì nghiệp không chỉ có ở hành vi cụ thể (*thân*) như giết người mà còn *ở khẩu* như dạy giảng sai kinh điển, và ở *ý* như các tư tưởng tàn ác bất thiện. Hành lực được coi là có cội nguồn từ quá khứ (kể cả quá khứ tức thời).

3 - Hành là duyên sinh **Thức** (vijñāna). Được coi là nghiệp thức từ quá khứ mà thụ sinh vào thời hiện tại.

4 - Thức là duyên sinh của **Danh Sắc** (nāmarūpa). Danh Sắc[7] là *toàn bộ* tâm lí và vật lí của hình tướng từ khi còn là bào thai do ngũ uẩn (*pañcaskandha*) tạo thành.

5 - Danh Sắc là duyên sinh **Lục xứ** (Ṣaḍāyatana) hay lục căn, gồm năm giác quan và khả năng suy nghĩ.

6 - Lục căn tiếp xúc với thế giới bên ngoài khởi sinh **Xúc** (sparśa).

7 - Xúc là duyên sinh **Thụ** (vedanā). Thụ là cảm nhận của con người với thế giới bên ngoài.

8 - Thụ là duyên sinh **Ái** (tṛṣṇā). Khi có cảm thụ tất sinh lòng tham ái, ham muốn.

9- Ái là duyên sinh **Thủ** (upādāna). Khi tham ái thì phải sinh ý chiếm giữ.

10 - Thủ là duyên phát sinh **Hữu** (bhāva). Hữu là toàn bộ những gì gọi là tồn tại, là sự hữu, thế giới. Đây là nghiệp gây ra quả tương lai.

11 - Hữu là duyên dẫn đến **Sinh** (jāti). Từ cái nghiệp hiện tại mà có một cá nhân mới xuất hiện ở thời vị lai.

12 - Sinh là nhân duyên của **Lão Tử** (Jarāmaraṇa), vì có sinh nên có lão tử, là già và chết.

Mười hai nhân duyên chỉ rõ tính chất liên hệ lẫn nhau trong dòng chảy của thế giới hiện tượng (1-2 là thời quá khứ, 3-7 là nguyên nhân và điều kiện của đời sau, 8-10 là kết quả của thời hiện tại, 11-12 là đời sống phía trước). Người ta có thể giải thích khác nhau, nhưng tựu trung các tông môn dù Nguyên thủy hay Đại thừa đều thường giải thích 12 nhân duyên là nói về sự bất toàn (khổ) của mọi pháp hữu vi (saṃskṛta) rằng các nhân duyên đều sinh khởi vì do nhiều nguyên nhân và điều kiện, không hề có tự tánh để tự hiện hữu độc lập và vĩnh cửu. Nói cách khác, mười hai nhân duyên cũng như mọi pháp hữu vi đều có thể bị phá hủy.

Chúng ta cần nắm vững lý luận của Thập nhị nhân duyên để thấy học thuyết Tánh Không phá hủy chúng như thế nào. Giảng và học Thập nhị nhân duyên cả ngàn năm cũng chỉ là cái học danh tướng và chỉ thấy các hiện tượng liên hệ trùng trùng. Vấn đề cứu cánh là giải thoát, và chỉ có thể giải thoát khi phá hủy được mười hai nhân duyên này. Đó mới chính là điều Phật dạy mà ngài Long Thọ xiển dương.

Nội dung *Thất Thập Không Tính Luận*

Thất Thập Không Tính Luận gồm 73 kệ tụng, cùng với *Hồi Tránh Luận*[8], được coi là hai luận ngắn Long Thọ viết sau *Trung Luận* để luận thêm về một số đề tài đã thảo luận hay mới phác họa trong *Trung Luận*. Long Thọ viết nhiều luận gồm nhiều đề tài cho nhiều thành phần tu sĩ và tín đồ, nhưng học giới từ xưa[9] cho đến nay[10] đều cho rằng ba luận này làm thành một nhóm luận ngài viết nhắm vào giới trí thức thượng thủ, đặc biệt là các luận sư Nhất thiết Hữu bộ[11]. *Thất Thập Không Tính Luận* không phải là phụ đính để chú thích *Trung Luận* theo nghĩa *vrtti* mà như Nguyệt Xứng cho là nó và *Hồi Tránh Luận* là hai luận đi kèm với *Trung Luận*. Khi truyền giáo lý Trung Quán vào Tây Tạng, Atisha[12] cũng khẳng định hai tác phẩm *Trung Luận* và *Thất Thập Luận* là hai luận quan trọng nhất để giải nghĩa Tính Không của Long Thọ. *Thất Thập Không Tính Luận* là một luận viết theo văn pháp kệ tụng *āryā* giống như *Trung Luận*, theo sát nội dung *Trung Luận* nhưng rất cô đọng nên Santina gọi là "luận viết cho các triết gia, hoặc ít nhất là cho những học giả thông minh"[13].

Thực tế phân tích nội dung, chúng ta sẽ thấy có nhiều kệ của *Thất Thập Không Tính Luận* dù chỉ gồm vài câu nhưng là cô đọng cả một chương của các luận khác. Thí dụ như kệ 5 của *Thất Thập Không Tính Luận* có thể là đã tóm lược 35 kệ của phẩm "Quán về các Pháp Hữu Vi" trong *Trung Luận,* hay kệ 19 của *Thất Thập Không Tính Luận* là cô đọng phẩm "Quán về Thời" trong *Trung Luận* mà Santina ca tụng là "tóm lược mà hầu như không để mất một ý niệm nào của phẩm này"[14]. Vì vậy việc đọc *Thập Thập Không Tính Luận* là một thách thức lớn cho học giả. Cho nên nhiều người đồng ý cho rằng có lẽ Long Thọ viết luận này nhắm vào đối tượng chính là các luận sư triết gia đương thời chưa thấu triệt về Trung Quán chứ không phải cho quần chúng Tăng Ni bình thường.

Vì thế chúng ta đã thấy Phật học Trung Hoa dù đều biết *Trung Luận* từ lâu nhưng cho đến thời cận đại rất ít học giả thảo luận đến *Hồi Tránh Luận* và hầu như không đề cập *Thất Thập Không Tính Luận*. Vì vậy cho đến thời hiện đại, chúng ta không thấy lấy làm lạ khi Lindtner được coi là người thẩm quyền về văn bản tiêu chuẩn của Long Thọ, nhưng ông chỉ thuần túy dịch mà không luận giải. Trong các sách dịch *Thất Thập Không Tính Luận* Lindtner cũng chỉ dịch Luận tụng (*kārikā*) mà không giảng luận, kể cả dịch phần "tự chú" của Long Thọ (*svavrtti* – autocommentary). Mặc dù ông tuyên bố là khi dịch phần chính luận *kārikās* ông hoàn toàn theo sự giải thích của *svavrtti*. Tác phẩm mới hơn và phổ biến hiện nay về *Thất Thập Không Tính Luận* là sách của Komito[15]

có phần luận giải của Lạt-ma Tây Tạng Sonam Rinchen, nên dễ đọc hơn nhưng cũng không giúp ích nhiều cho học giả[16]. Vào năm 2002 Satina có dịch lại *Thất Thập Không Tính Luận* ra Anh ngữ cùng dịch cả phần "tự chú" (*svavrtti*)[17]. Nhưng cuối cùng chính ông cũng nhận là khó phổ biến và không hài lòng[18]. Độc giả khi đọc *Thất Thập Tính Không Luận* nên đọc kèm *Trung Luận* và *Hồi Tránh Luận* của Long Thọ.

Nói chung, đọc luận của Long Thọ, đặc biệt là *Thất Thập Không Tính Luận*, người ta không thể đọc nhanh, đọc để lấy kiến thức. Như thế mỗi kệ trong 73 kệ tụng của *Thất Thập Không Tính luận* có thể là một đề tài riêng; nhưng để tạm tóm lược, chúng ta có thể nhóm chúng thành bẩy tiểu mục[19]:

1. Kệ 1-6:

Tất cả mọi hiện tượng (vạn pháp) chỉ hiện hữu trên thực tại tương đối trong cách tư duy của thế tục (*vyavahara*). Trong thực tại chân lý (*paramārtha*) chúng đều vô sinh (*anutpanna*)[20] nên cũng gọi là bất sinh bất diệt (*anutpāda-anirodha*).

2. Kệ 7-26:

Tất cả hiện tượng hay sự hữu (*bhāva*) đều là duyên sinh *(pratītya-samutpāda)* và trống không (*sūnya*). Cho nên niết bàn (*nivāna*) cũng là bất sinh: Mọi hiện tượng đều không hiện hữu vì tự tánh của riêng nó, mà là hiện hữu tùy thuộc nhân và duyên của chúng (kệ 7). Cho nên các hiện tượng đều không thể nói là thường (vĩnh cửu) và cũng chẳng là vô thường, tịnh hay bất tịnh, lạc hay khổ (kệ 9). Còn nếu các hiện tượng không tùy thuộc vào nhân và duyên, thì chúng không hiện hữu, cho nên khi nói "các hiện tượng tự hiện hữu" (to exist inherently) thì chỉ muốn nói là "chúng không hiện hữu" (kệ 16).

3. Kệ 27-32:

Tất cả hình tướng của mọi sự hữu đều chỉ là tương đối: Các hiện tượng không hiện hữu vì tự tánh, nên ý thức về thế giới hiện tượng cũng không hiện hữu tự thân (to exist inherently): *"Một hiện tượng hiện hữu thì ta có thể nhận được, nhưng thực ra ta chỉ mới nhận thức nó qua các đặc tướng (laksana) biểu trưng cho chúng, chứ không phải chính nó"* (kệ 27). Sống và chết cũng không tự hiện hữu vì không có tự tánh. Thời gian không hiện hữu vì tự tánh, bởi vì quá khứ, hiện tại và tương lai đều tùy thuộc lẫn nhau (kệ 29). Mọi hiện tượng - vốn tùy thuộc thời gian, trong sinh khởi và hủy diệt đều tương lập với nhau - đều không thể hiện hữu một cách tự nhiên vì có cái gọi là tự tánh của chúng.

4. Kệ 33-44:

Nghiệp (*karma*) theo Phật pháp cũng là không (*sunya*).

5. Kệ 45-57:

Phủ nhận các uẩn (*skandhas*), đặc biệt lấy sắc uẩn (*rūpa*) làm thí dụ.

6. Kệ 58-66:

Vô minh (*avidyā*) sẽ biến mất khi thấu thị thật ra không có sự hữu (*bhāva*) hay những gì như thế: Long Thọ nói rằng thấu hiểu vô tự tánh của các hiện tượng là hiểu thực sự tính Không của chúng. Hiểu tính Không của mọi hiện tượng là phá bỏ được vô minh của chúng ta về mọi thật hữu, và đó là giải thoát (nirvana).

7. Kệ 67-73:

Chân lý tuyệt đối *(paramārtha)* đơn giản chỉ là Tính Không *(sūnyāta),* là Vô Sinh *(anutpāda)*. Vì không thể giảng luận, người ta chỉ có thể nương tựa trong chân lý tương đối thường tục *(samvriti)* với tín tâm *(sraddhā)* để tự tri nhận: Hiểu tính không của Tự Tánh

là hiểu lý Duyên Sinh, vốn là thực hữu của mọi hiện tượng (kệ 68).

Tạm kết

Nội dung 73 kệ tụng *Thất Thập Không Tính Luận* của Long Thọ nhằm triệt để phá hủy Thập nhị nhân duyên. Ở đây chỉ mở rộng một chút về kệ tụng số 16 để thuyết minh về "vạn pháp giai không".

Triết học Trung Quán *(Mādhyamika)* thường nói "vạn pháp giai không" *(śūnyāḥ sarvabhāvāḥ)* thì có nghĩa là chúng không có tự tính (sva*bhāva* - own nature/ inherent existence/ substance) nên đều không thể hiện hữu tự nó (to exist inherently), tức là không hiện hữu một cách độc lập và vĩnh hằng - Gọi vắn tắt là tất cả các hiện tượng đều trống không (*śūnya*) và tính chung của vạn pháp là Tính Không (*śūnyatā*). Cho nên trong nhiều bản dịch Anh ngữ, như bản dịch của Lindtner thì khi ông viết "they are empty" (chúng là không) thì nên hiểu là "chúng trống không *tự tánh*" hoặc "it does not exist" (nó không hiện hữu) thì nên hiểu là "nó không *tự* hiện hữu"[21].

Các hiện tượng không "tự hiện hữu" nhưng chúng đều "*có hiện hữu*" trong thế giới thường nghiệm tương đối (*vyavahāravasāt*); cái hiện hữu này là cái *hiện hữu luôn luôn thay đổi tùy thuộc và liên lập với các nhân và duyên* của chúng; có thể gọi là "sự hiện hữu tạm thời" theo điều kiện (duyên/ conditions) của chúng. Chính vì "có hiện hữu" như thế nên chúng vẫn gây ra các hậu quả.

Long Thọ có nói rõ "là không nhưng vẫn tương tác với các sự hữu khác". Kệ 22 thuộc *Hồi Tránh Luận* gián tiếp nêu trở ý đó: *"Vạn pháp do tùy thuộc mà hiện hữu*[22]*, nên nói là Tánh không (śūnyatā)*[23]*. Do tùy thuộc mà hiện hữu, nên nói không có tự tánh".* ■

Chú thích:

1. Lindtner, *Master of Wisdom: Writings of the Buddhist Master Nāgārjuna*, Dharma Publishing 1998, tr. 263. Theo học giới hiện nay thì *Trung Luận, Thất Thập Không Tính Luận* và *Hồi Tránh Luận* là ba luận đứng đầu trong danh sách 13 luận được tin chắc là của Long Thọ. Trong khi đó, *Đại Trí Độ Luận* nổi tiếng, có trong Hán tạng, không gồm trong danh sách này. Hán tạng liệt kê 24 luận của Long Thọ, Phật giáo Tây Tạng liệt kê đến 123 tác phẩm của Long Thọ. Vũ Thế Ngọc, "Long Thọ và Trung Luận", *Suối Nguồn*, số 10, 2013, tr.72-107.

2. Được dịch vào khoảng năm 775-797 (theo Marcelle Lalou, "Les Textes Bouddhiques au Temps du Roi Khri-srong Ide-bcan," *Journal Asiatique*, 1953, tr. 313) hoặc vào khoảng 799-815 (dưới thời vua Khri Ide srong brtsan theo Tucci, *Minor Buddhist Texts*, Part II, tr.52).

3. Thích có nghĩa là bầy tỏ, thich nghĩa, Tiếng Sanscrit là *Vrtti*.

4. Ramanan, Venkata. *Nāgārjuna's Philosophy as Presented in the Mahā-Prajnāpamitā-Sāstra*. Rutland: Tuttle, 1960. Tr.36.

5. *Thập Nhị Môn Luận*, Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh Q. 1586.

6. Mọi người thường viết là "Vô minh sinh Hành, Hành sinh Thức v.v." Đây là thói quen không tốt. Đúng theo nghĩa duyên sinh phải nói là "Vô minh là *nhân duyên phát sinh* Hành, Hành là *nhân duyên khởi sinh* Thức v.v.". Vì đã là "duyên sinh" thì không thể chấp nhận "A sinh B" mà chỉ có "A làm duyên cho B khởi sinh". Kinh điển *Pāli* viết *"paccayā"* rất rõ "*avijjāpaccayā bhikkhave sankhārā, sankhārāpaccayā vinnanam, vinnananpaccayā nāmarūpam, nāmarūpapaccayā salāyatanam, sakayatanapaccayā phasso…*" (Do vô minh *duyên* Hành, Hành *duyên* Thức, Thức *duyên* Danh sắc, Danh sắc *duyên* Lục nhập…) Ở đây *duyên* (*paccayā*) dùng là động từ (nhân duyên phát sinh) thì rất hay.

7. nāmarūpa thường dịch là "danh và sắc" hay "*nāma* and *rūpa*" (name and form) và do đó cũng dễ hiểu sai Danh Sắc là "hai thành phần tâm và vật." Đúng ra *nāmarūpa* là "toàn bộ tâm lý và vật lý bất khả phân của hình tướng từ khi còn là bào thai do ngũ uẩn tạo thành", chỉ rõ "Danh Sắc" là một toàn bộ hỗ tương liên thuộc, không thể hiện hữu thiếu nhau.

8. Xem Vũ Thế Ngọc, *Long Thọ Hồi Tránh Luận*, 2015.

9. Thanh Biện (thế kỷ VI) *Śūnyatāsaptativivrtti* (Peking Edition #5269). Nguyệt Xứng (thế kỷ VIII) *Śūnyatāsaptati-vrtti* (Peking Edition, # 5268).

10. Lindtner (2011) sđd, tr.265.

11. Nhất thiết Hữu bộ (***Sarvāstivāda)*** còn gọi là *Vaibhāsika* (Tỳ-bà-sa) là bộ phái Phật giáo lớn mạnh nhất đương thời. Bộ phái này có tên như thế vì học thuyết của họ căn cứ vào luận Đại Tỳ-bà-sa (*Mahā-Vibhāvā*) tức là bộ luận A-tỳ-đạt-ma (*Abhidharma*). A-tỳ-đạt-ma Câu-xá luận (*Abhidharma-Kosa /*Treasury of Abhidharma) của Thế Thân (Vasubandhu 316-396) chính là bộ luận giảng quan trọng nhất về luận này của Nhất thiết Hữu bộ. Trong Nhất thiết Hữu bộ người ta khám phá ra nhiều yếu tố căn bản của Phật giáo Đại thừa, nhất là quan điểm giáo lý về Bồ-tát.

12. Atisha (A-đề-bà 982-1054), đại sư người Đông Ấn là người có công truyền bá Phật giáo qua Tây Tạng (đặc biệt là giáo phái Hoàng mạo – gelugpa).

13. *"Emptiness: The Seventy Stanzas* is a text written for philosphers, or at least bright students of philosophy." Peter Santina, *Causality and Emptiness: The Wisdom of Nagarjuna*, Singapore: Buddhist Research Society, 2002, tr.133.

14. Santina, ibid, tr.135.

15. Komito, 2010, *Nāgārjuna's "Seventy Stanzas.*

16. Nhận định chung cho thấy tác phẩm của các tu sĩ thường đều là các bài giảng thể hiện bằng "văn nói" được học trò ghi lại. Sau đó có in ấn thì cũng in nguyên như vậy, và người in ấn thì hoặc là quá kính trọng lời thầy, hoặc không có khả năng chú giải.

17. Phần"svavrtti" này cũng không giúp ích gì nhiều ngoài việc lập lại kệ tụng và điểm thêm vài tự khác. Đó là lý do các Lạt-ma Tây Tạng không thấy cần phải dịch "svavrtti" trong sách của Komiko. Tuy nhiên phần svavrtti này lại giúp rất nhiều cho học giả xác định lại các từ Tây Tạng đã dùng trong bản dịch Tạng ngữ, và truy tìm ra nguyên văn các từ Sanskrit (như Lindtner đã làm).

18. Satina 2002, sđd, tr.142.

19. Như Lindtner đã làm trong *Mater of Wisdom*, 1997, sđd, tr.264.

20. Người học Trung Quán thì đều hiểu *sūnya* (không) cũng là *anutpanna* (vô sanh).

21. Không phải chỉ có trong các bản văn Anh ngữ hay Pháp văn, chúng ta xưa nay cũng thường viết là "vạn pháp giai ***không***" thì cũng phải hiểu là "mọi hiện tượng đều **không có tự tánh**" hay khi viết "chúng ***không hiện hữu***" thì cũng nên hiểu là "chúng **không hiện hữu độc lập**".

22. "do **tùy thuộc** mà hiện hữu" nghĩa là "do duyên sinh mà hiện hữu".

23. "Mọi hiện hữu là do duyên sinh, ta gọi là tính Không (***śūnyatā***)" *Trung Luận*, XXIV.17.

Pháp là thiết thực hiện tại

KIM PHƯƠNG

Con đường đi ra khỏi phiền não khổ đau do Đức Thế Tôn chứng ngộ và giảng dạy được mệnh danh là "thiết thực hiện tại" *(sanditthika)*, tức phương pháp tu tập có hiệu quả tức thời, khiến cho người thực hành đạt được thân khỏe tâm an, thoát khỏi tâm khổ tâm ưu ngay trong giây phút hiện tại. Đó chính là diệu dụng của Phật pháp mà bất kỳ người nào biết cách ứng dụng thì đều cảm nhận được, dù đang ở đâu và trong hoàn cảnh nào; vì đó là sự tự do của tâm thức. Đức Phật gọi đó là trạng thái không tham, không sân, không si, sự thanh thản, an lạc của tâm thức thoát khỏi sự đeo bám và chi phối bởi tham-sân-si. Đó là tâm giải thoát, tâm an lạc, không sầu, bi, khổ, ưu, não, hiện diện ngay đây và bây giờ.

Theo lời Phật thì tâm của chúng sanh là chói sáng và thanh tịnh; chỉ do duyên bên ngoài tác động vào mà nó bị mê mờ và ô nhiễm[1]. Do duyên bên ngoài tác động nghĩa là do sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) tiếp xúc với sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) mà tâm bắt đầu chuyển động và biến thể. Nói cách khác, tâm vốn thanh tịnh, vắng lặng, không ô nhiễm, không dao động, không phiền muộn, không khổ đau; chỉ do sự tác động của sáu căn và sáu trần mà nó trở nên vương vấn hệ lụy dẫn đến các phản ứng, hoặc vui buồn hoặc yêu ghét hoặc lạc khổ… khiến cho tập khí tham-sân-si dấy khởi và chi phối. Một khi tâm bị tham-sân-si chi phối thì nó trở nên mê mờ, dao động, căng thẳng, rơi vào mệt mỏi, phiền muộn và khổ não; hết thảy mọi hành vi do tâm ấy dẫn dắt đều trở nên sai lầm và đưa đến khổ đau.

Vì vậy, mục đích của đạo Phật là giúp con người thoát khỏi tham-sân-si, tức các tập khí ô nhiễm gây phiền não khổ đau trong nội tâm đồng thời mở lối cho các hành vi sai trái xấu ác khiến cho phiền não khổ đau tiếp tục diễn ra. Để thực hiện điều đó, đạo Phật đưa ra nhiều cách thức tu tập khác nhau, cốt yếu là nhằm ngăn chặn và loại trừ tham-sân-si, gốc rễ của phiền não khổ đau. Khi tham-sân-si được chế ngự và loại trừ thì ngay lập tức phiền não khổ đau sẽ được khắc phục và loại trừ. Nói cách khác, khi nào tâm không bị tham-sân-si chi phối thì lúc bấy giờ tâm trở nên tự do, giải thoát, thanh thản, an lạc. Đạo Phật gọi giây phút đó là "thời giải thoát" *(samayavimutti)*, "hiện tại lạc trú" *(ditthadhammasukhavihàra)* hay "tịch tịnh trú" *(santavihàra)*, tức sự thanh thản, an lạc, không lo âu, phiền muộn, không sầu não của tâm thức do vắng bóng tham-sân-si. Kinh *Tăng Chi Bộ* lưu một cuộc đàm đạo ngắn giữa Đức Thế Tôn và một vị Bà-la-môn trong đó Đức Phật xác định rất rõ pháp của Ngài là thiết thực hiện tại:

"Rồi một Bà-la-môn đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên

với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm… Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn:

- Pháp là thiết thực hiện tại, thưa Tôn giả Gotama, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa Tôn giả Gotama, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu?

- Bị tham ái làm say đắm, này Bà-la-môn, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, nên suy nghĩ điều hại mình, suy nghĩ điều hại người, suy nghĩ điều hại cả hai, cảm thọ tâm khổ, tâm ưu. Tham ái được đoạn trừ, thời không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ, tâm ưu. Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Bị sân làm uế nhiễm, này Bà-la-môn, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, nên suy nghĩ điều hại mình, … tâm khổ, tâm ưu. Sân được đoạn trừ, thời không nghĩ đến tự hại… không cảm thọ tâm khổ tâm ưu. Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiết thực hiện tại… tự mình giác hiểu.

Bị si làm cho mê mờ, này Bà-la-môn, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, nên suy nghĩ điều hại mình, … tâm khổ, tâm ưu. Si được đoạn trừ, thời không nghĩ đến tự hại… không cảm thọ tâm khổ tâm ưu. Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiết thực hiện tại… tự mình giác hiểu"[2].

Mẩu đàm đạo trên cho ta hiểu thế nào pháp là thiết thực hiện tại. Đó chính là sự ly tham, ly sân, ly si trong nội tâm, tức một tâm tư nhờ tu tập và hành trì theo giáo pháp của Phật mà rời bỏ được tham-sân-si, trở nên thanh thản, an lạc, thoát khỏi khổ ưu, không nghĩ đến hại mình, hại người, hại cả hai. Đó là thiện tâm được Phật pháp đánh thức và vận hành theo chiều hướng khiến tăng trưởng các thiện pháp và giảm thiểu các bất thiện pháp[3], đạt đến trong sáng, thanh tịnh, hân hoan, thanh thản, an lạc, không ô nhiễm, không phiền não, không khổ ưu. Nói cách khác, đó là một tâm tư nhờ hành trì giới đức và thiền định mà thoát khỏi dục tầm, sân tầm, hại tầm hay dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy, thoát khỏi mọi suy tính sai lầm và trạng huống căng thẳng mệt mỏi, cảm nghiệm sự thanh thoát an lạc trong từng giây phút đi qua mà không một chút vấn vương, không một chút buồn phiền, hối tiếc, ray rứt, hy vọng hay thất vọng. Đó là thực tại an lạc của tâm thức đạt được do an trú trong giáo pháp hiền thiện của Phật khiến cho tham-sân-si không có điều kiện dấy khởi; hay sự thanh thản, hân hoan, an lạc của tâm thức đạt đến trong sáng, thanh tịnh, vắng lặng, không còn bị chi phối và sai sử bởi năm triền cái (tham, sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi ngờ). Tính chất thiết thực của giáo pháp Giới-Định-Tuệ hay diễn tiến an lạc của tâm thức nhờ sống theo pháp giác ngộ của Phật được Thế Tôn minh định rất rõ qua cuộc thỉnh vấn của Tôn giả Ànanda[4]:

- Bạch Thế Tôn, các thiện giới có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

- Này Ànanda, các thiện giới có ý nghĩa không có hối tiếc, có lợi ích không có hối tiếc.

- Nhưng bạch Thế Tôn, không có hối tiếc có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

- Này Ànanda, không có hối tiếc có ý nghĩa hân hoan, có lợi ích hân hoan.

- Nhưng bạch Thế Tôn, hân hoan có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

- Này Ànanda, hân hoan có ý nghĩa hoan hỷ, có lợi ích hoan hỷ.

- Nhưng bạch Thế Tôn, hoan hỷ có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

- Này Ànanda, hoan hỷ có ý nghĩa khinh an, có lợi ích khinh an.

- Nhưng bạch Thế Tôn, khinh an có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

- Này Ànanda, khinh an có ý nghĩa an lạc, có ích lợi an lạc.

- Nhưng bạch Thế Tôn, an lạc có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

- Này Ànanda, an lạc có ý nghĩa định, có lợi ích định.

- Nhưng bạch Thế Tôn, định có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

- Này Ànanda, định có ý nghĩa như thật tri kiến, có lợi ích như thật tri kiến.

- Nhưng bạch Thế Tôn, như thật tri kiến có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

- Này Ànanda, như thật tri kiến có ý nghĩa nhàm chán, ly tham, có lợi ích nhàm chán, ly tham.

- Nhưng bạch Thế Tôn, nhàm chán, ly tham có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

- Này Ànanda, nhàm chán, ly tham có ý nghĩa giải thoát tri kiến, có lợi ích giải thoát tri kiến.

- Như vậy, này Ànanda, các thiện giới có ý nghĩa không hối tiếc, có lợi ích không hối tiếc. Không hối tiếc có ý nghĩa hân hoan, có lợi ích hân hoan. Hân hoan có ý nghĩa hoan hỷ, có lợi ích hoan hỷ. Hoan hỷ có ý nghĩa khinh an, có lợi ích khinh an. Khinh an có ý nghĩa an lạc, có lợi ích an lạc. An lạc có ý nghĩa định, có lợi ích định. Định có ý nghĩa như thật tri kiến, có lợi ích như thật tri kiến. Như thật tri kiến có ý nghĩa nhàm chán, ly tham, có lợi ích nhàm chán, ly tham. Nhàm chán, ly tham có ý nghĩa giải thoát tri kiến, có lợi ích giải thoát tri kiến. Như vậy, này Ànanda, các thiện giới thứ lớp dẫn tới tối thượng. Như vậy, này Ànanda, các thiện giới thứ lớp đưa đến tối thượng.

Đức Phật cũng xác nhận rất rõ kết quả lợi lạc hết sức hiển nhiên của công phu tu tập giáo pháp Giới-Định-Tuệ hay diễn tiến hạnh phúc an lạc của nếp sống phát triển giới đức, tâm đức, tuệ đức hướng đến cứu cánh giác ngộ. Với người hành trì giáo pháp của Phật thì mỗi bước đi của công phu tu tập chính là mỗi bước đi của thực tại giải thoát, của tâm thức an lạc:

"Và này cácTỳ-kheo, với người có giới, có giới đầy đủ, không cần phải làm với dụng ý rằng: 'Mong rằng không hối tiếc sẽ sanh khởi nơi ta'. Pháp nhĩ là vậy, này các Tỳ-kheo, với người có giới, có giới đầy đủ, không hối tiếc sanh khởi. Này các Tỳ-kheo, với người không hối tiếc, không cần phải làm với dụng ý rằng: 'Mong rằng hân hoan sẽ sanh khởi nơi ta'. Pháp nhĩ là vậy, này các Tỳ-kheo, với người không hối tiếc, hân hoan sanh khởi. Này các Tỳ-kheo, với người hân hoan, không cần phải làm với dụng ý rằng: 'Mong rằng hoan hỷ sẽ

sanh khởi nơi ta'. Pháp nhĩ là vậy, này các Tỳ-kheo, với người có hân hoan, hoan hỷ sanh khởi. Này các Tỳ-kheo, với người có ý hoan hỷ, không cần phải làm với dụng ý rằng: 'Mong rằng thân ta được khinh an'. Pháp nhĩ là vậy, này các Tỳ-kheo, với người có ý hoan hỷ, thân được khinh an. Này các Tỳ-kheo, với người có thân khinh an, không cần phải làm với dụng ý rằng: 'Mong rằng ta cảm thọ an lạc'. Pháp nhĩ là vậy, này các Tỳ-kheo, với người có thân khinh an, an lạc được cảm thọ. Này các Tỳ-kheo, với người có an lạc, không cần phải làm với dụng ý: 'Mong rằng tâm ta được Thiền định'. Pháp nhĩ là vậy, này các Tỳ-kheo, với người có an lạc, tâm được Thiền định. Này các Tỳ-kheo, với người có Thiền định, không cần phải làm với dụng ý: 'Mong rằng ta biết, ta thấy như thật'. Pháp nhĩ là vậy, này các Tỳ-kheo, với người có tâm Thiền định, biết và thấy như thật. Này các Tỳ-kheo, với người biết và thấy như thật, không cần phải làm với dụng ý: 'Mong rằng ta sẽ nhàm chán, ta sẽ ly tham'. Pháp nhĩ là vậy, này các Tỳ-kheo, với người biết và thấy như thật, nhàm chán và ly tham. Này các Tỳ-kheo, với người nhàm chán, ly tham không cần phải làm với dụng ý: 'Mong rằng ta sẽ chứng ngộ giải thoát tri kiến'. Pháp nhĩ là vậy, này các Tỳ-kheo, với người nhàm chán, ly tham, chứng ngộ giải thoát tri kiến. Như vậy, này các Tỳ-kheo, các pháp khiến cho các pháp khác tăng thịnh; các pháp khiến các pháp khác viên mãn, đưa từ bờ bên này qua bờ bên kia"[5].

Như vậy, pháp của Phật được mệnh danh là thiết thực hiện tại vì đó phương pháp có khả năng ngăn chặn và loại trừ tham-sân-si, căn nguyên của phiền não khổ đau. Tham-sân-si là gốc rễ của phiền não khổ đau; chúng tiềm ẩn trong tâm chúng sanh gọi tùy miên *(anusaya)*, và khi có điều kiện dấy khởi thì chúng quấy rầy tâm tư, khiến cho tâm thường xuyên rơi vào tình trạng dao động và quay cuồng, trở nên mê mờ, căng thẳng, phiền muộn và mệt mỏi. Mặt khác, chúng là nguyên nhân của các hành vi xấu ác bất thiện đưa đến kết quả khổ đau. Vì vậy một khi tham-sân-si được ngăn chặn và loại trừ thì lúc bấy giờ phiền não khổ đau vắng mặt, cũng đồng nghĩa là an lạc xuất hiện, tâm đạt đến "thời giải thoát", "hiện tại lạc trú" hay "tịch tịnh trú", tức tâm thức đạt đến thanh thản an lạc, vắng bóng mọi phiền não khổ đau ngay đây và bây giờ.

Về phương pháp tu tập nhằm ngăn chặn và loại trừ tham-sân-si khiến cho tâm trở nên thanh thản an lạc, thoát ly phiền não khổ đau, đạo Phật nói đến khả năng nhận diện và hạn chế các điều kiện (các duyên) khiến cho tham-sân-si không có lý do dấy khởi quấy rầy tâm tư. Mặc dù được xem là gốc rễ của phiền não khổ đau, tham-sân-si chỉ là các hiện tượng do duyên sanh, không có tự tánh độc lập, phải nương vào ngoại duyên mới hiện hữu và tồn tại. Tham là một hiện tượng tâm lý xuất hiện khi sáu giác quan là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý tiếp xúc với các đối tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp khả ái, hấp dẫn. Sân là một hiện tượng tâm lý phát sinh do không đạt được điều mình mong muốn hay khi đối diện với các vấn đề không khả ái, không thích ý, không hấp dẫn. Si cũng là một hiện tượng tâm lý hiện diện bởi sự mê mờ, tâm dao động, do dự, thiếu hiểu biết, thiếu tỉnh giác. Vì vậy, đạo Phật đề xuất pháp môn phòng hộ các căn *(indriyesu samvarana)* nhằm hạn chế các điều kiện (các duyên) khiến tham-sân-si được ngăn chặn và dần dần đi đến tiêu trừ. Kinh Phật đưa ra lời khuyên như vầy:

"Khi mắt thấy sắc, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì vì con mắt không được chế ngự, khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, vị ấy tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng… mũi ngửi hương… lưỡi nếm vị… thân cảm xúc… ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái ưu bi các ác bất thiện pháp khởi lên, vị ấy tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn"[6].

Thứ nhất là tập cho tâm không bị khuấy động bởi các đối tượng tiếp xúc gọi là không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Nghĩa là tâm chỉ ghi nhận các đối tượng do mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc mà không để cho các đối tượng lôi cuốn, không chạy theo các đối tượng, không đi sâu vào nhận thức các đối tượng, không suy tư, ước lượng, đánh giá, không khởi niệm phân biệt tốt-xấu, hơn-thua, được-mất khiến cho tham *(abhijjhà)* và ưu *(domanassa)* có điều kiện dấy khởi. Đây là biện pháp trực tiếp chặt đứt các duyên khiến cho tham-sân-si không có lý do sanh khởi, được chận đứng, được loại trừ hoàn toàn mà kinh Phật gọi là *"trong cái thấy sẽ chỉ là cái thấy, trong cái nghe sẽ chỉ là cái nghe, trong cái thọ tưởng sẽ chỉ là cái thọ tưởng, trong cái thức tri sẽ chỉ là cái thức tri"*[7]. Tất nhiên đây là cứu cánh của pháp môn phòng hộ căn môn, tức khả năng dứt bặt ngay lập tức các ngoại duyên khiến cho tham-sân-si được chận đứng và tiêu diệt hoàn toàn. Tuy nhiên, trong trường hợp năng lực tâm thức chưa đủ mạnh để loại bỏ ngay các ngoại duyên thì việc phòng hộ các căn, tức sự hạn chế và ngăn tránh các duyên (nhận ra các nguyên nhân hay lý do khiến tham ái, ưu bi, các bất thiện pháp khởi lên để chế ngự các căn môn) cần phải được áp dụng.

Nhìn chung, sở dĩ pháp của Phật được gọi là thiết thực hiện tại vì đó là phương pháp tu tập cụ thể và minh triết do bậc Giác ngộ trực tiếp giảng dạy, có công năng giúp cho người hành trì giảm thiểu và chấm dứt hoàn toàn mọi trói buộc, phiền não, khổ đau, đạt được tâm giải thoát, tâm thanh thản, tâm an lạc ở mọi lúc và mọi nơi. Đó là một tâm tư không bị trói buộc, không bị chi phối, không bị quấy rầy, không rơi vào phiền muộn khổ đau bởi tham-sân-si. Đó là một tâm tư rời xa các vọng niệm và vọng tưởng, không bị ám ảnh bởi các ký ức và toan tính gắn liền với tham dục, sân hận và tà kiến, trở nên trong

sáng, thanh thản, hoan hỷ, an lạc. Đó là một tâm tư không khởi niệm phân biệt, không tư lường, không phán xét, không rơi vào thuận ứng nghịch ứng, đạt đến tịch tịnh, quân bình, hài hòa, buông xả, giải thoát. Nói cách khác, đó là một tâm thức hoàn toàn tỉnh giác, thấy rõ tính chất duyên sinh, hư huyễn của các pháp, không vọng động, không tư niệm, không vướng lụy đối với mọi thứ đang diễn tiến, đạt đến tự do, giải thoát, thanh thản, an lạc.

Kinh *Tương Ưng Bộ* chép một cuộc đàm đạo ngắn giữa Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahà Kotthika trong đó Tôn giả Sàriputta xác nhận rất rõ các pháp ở đời (các căn và các trần) vốn không ngăn ngại, không hệ lụy, không trói buộc lẫn nhau; chỉ do lòng người vọng động mà tham-sân-si phát sinh, trói buộc và chi phối tâm tư, khiến con người rơi vào phiền não khổ đau. Vì thế mà con người có thể hoàn toàn được tự do, thoát khỏi tham-sân-si, thoát khỏi phiền muộn khổ đau một khi biết phòng hộ các căn, nhiếp phục nội tâm, thực hành phương pháp "đối cảnh vô tâm", tức không để tâm rơi vào vọng động khi xúc chạm với mọi thứ trong cuộc đời:

"Thưa Hiền giả Sàriputta, có phải con mắt là kiết sử của các sắc, hay các sắc là kiết sử của con mắt?… Có phải ý là kiết sử của các pháp hay các pháp là kiết sử của ý?".

"Hiền giả Kotthika, con bò đen không phải là kiết sử của con bò trắng. Và con bò trắng cũng không phải là kiết sử của con bò đen. Do sợi dây hay cái ách cột lại, cái ấy ở đây là kiết sử. Này Hiền giả, cũng vậy, con mắt cũng không phải là kiết sử của các sắc, các sắc không phải là kiết sử của con mắt; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử… Ý không phải là kiết sử của các pháp, các pháp không phải là kiết sử của của ý; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử…

"Này Hiền giả, Thế Tôn có mắt. Với con mắt, Thế Tôn thấy sắc. Tham dục không có nơi Thế Tôn. Khéo giải thoát là tâm Thế Tôn… Này Hiền giả, Thế Tôn có ý. Với ý, Thế Tôn biết pháp. Tham dục không có nơi Thế Tôn. Khéo giải thoát là tâm Thế Tôn.

"Này Hiền giả, với pháp môn này cần phải hiểu biết như vậy. Mắt không phải là kiết sử của các sắc, các sắc không phải là kiết sử của mắt; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử… Ý không phải là kiết sử của các pháp, các pháp không phải là kiết sử của ý; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử"[8]… ■

Chú thích:

1. Kinh Tâm đặt sai hướng, *Tăng Chi Bộ*.
2. Kinh Vị Bà-la-môn, *Tăng Chi Bộ*.
3. Đại kinh Pháp hành, *Trung Bộ*.
4. Kinh Có lợi ích gì, *Tăng Chi Bộ*.
5. Kinh Nghĩ với dụng ý, *Tăng Chi Bộ*.
6. Mã ấp Đại kinh, *Trung Bộ*.
7. Kinh Phật tự thuyết, *Tiểu Bộ*.
8. Kinh Kotthika, *Tương Ưng Bộ*.

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO *VHPG* NĂM 2014

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2015, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 44 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Chẩm, Vina Giầy : 45 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa : 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải, Chùa Báo Ân : 12 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT : 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh, Q.5, PD: Diệu Đức : 10 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định : 10 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA) : 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 5 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn, Q.2 : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết : 5 cuốn/kỳ
Lakinh.com : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyên Hòa : 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ninh, USA : 4 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Cháu Thiên An : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền, **Cty TNHH Cơ khí Mê Linh** : 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q.2 : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com : 2 cuốn/kỳ
Cty Nến Hạnh Phúc, Q.BT : 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 2 cuốn/kỳ
Cty TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Cty Tân Hiệp, Q.6 : 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dúng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
Bác sĩ Thanh, Q.3, TP.HCM : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngành : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCPH ĐN : 1 cuốn/kỳ
Cty Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyen Thuan (namgiao1942@yahoo.com) : 1 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
Tổng số báo tặng kỳ này: **454 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội…, xin liên lạc: ***Tòa soạn***, *Phòng Phát hành VHPG :* **(08) 3 8484 335**.
Email: toasoanvhpg@gmail.com

Ban Biên tập

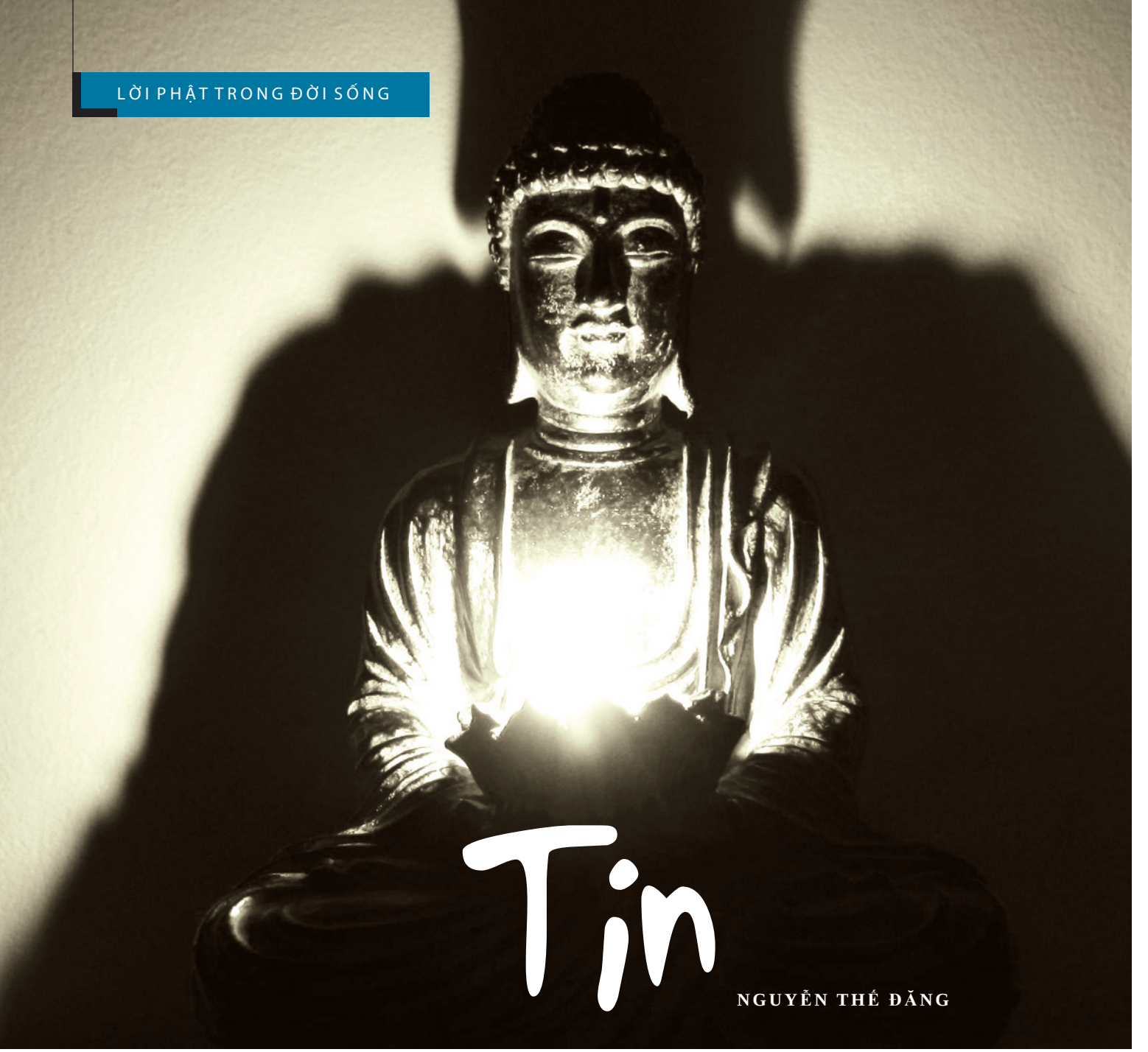

Tin

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Tin là một cửa vào căn bản và rộng lớn của kinh *Hoa Nghiêm*. Kinh nói trong phẩm *Hiền Thủ*, thứ 12:

Tin là nguồn đạo, mẹ công đức
Nuôi lớn tất cả những pháp lành
Dứt trừ lưới nghi, khỏi dòng ái
Khai thị đạo Niết bàn vô thượng.
Tin không nhiễm dơ, tâm thanh tịnh
Là cội cung kính, trừ kiêu mạn
Là pháp tạng sung túc đệ nhất
Là tay sạch sẽ nhận pháp lành.
Tin hay rộng lượng, không bỏn xẻn
Tin hay hoan hỷ nơi Phật pháp
Tin làm tăng trưởng thêm phước trí
Tin bảo đảm đến được giác ngộ.
Tin khiến sáu căn sạch, sáng, bén
Sức tin kiên cố không hư hoại
Tin hay cắt đứt gốc phiền não
Tin hay chuyển thành công đức Phật.

Bài kệ còn rất dài, chỉ để nói về một chữ Tin. Có thể nói, Tin là Tu, và Tu là Tin. Đức tin này là "pháp tạng sung túc đệ nhất", nghĩa là gồm đủ tất cả Phật pháp. Như thế, đức tin cũng cần được hỗ trợ bởi tất cả các pháp khác.

Tin làm cho tâm thanh tịnh, vì xóa sạch được sự chấp ngã và chấp pháp, là hai che chướng khiến chúng ta không ngộ nhập được pháp giới *Hoa Nghiêm*. Tất cả mọi pháp môn trong kinh *Hoa Nghiêm* đều đặt trên một đức tin căn bản: "Tâm, Phật, và chúng sanh; cả ba không sai khác".

Chương thứ nhất là những bài kệ tán thán Đức Phật Thích Ca và pháp thân của Ngài là Phật Tỳ-lô-giá-na của các Thiên vương, các Thần vương, các Thần chủ và các Đại Bồ-tát. Có thể nói rằng tất cả vũ trụ này, các cõi và các chủ các cõi đều tán thán Phật, với lòng sùng tín, sùng mộ không bờ bến. Tán thán Chánh báo, tâm giác ngộ của Phật, và Y báo, quốc độ trang nghiêm với đủ thứ báu trải khắp vũ trụ.

Các Đại Bồ-tát tán thán công hạnh của Đức Phật tu khắp Phật pháp, đầy đủ hai sự tích tập trí huệ và công đức.

Như sự cúng dường rộng lớn:

Ngày xưa Phật tu Bồ-đề hạnh
Cúng dường mười phương vô lượng Phật.

Công đức:

Công đức Như Lai rộng vô lượng
Tất cả trang nghiêm từ đây sanh.

Các ba-la-mật:

Oai thần của Phật khắp mười phương
Thị hiện rộng lớn vô phân biệt
Hạnh Đại Bồ-đề ba-la-mật
Từ xưa đầy đủ đều khiến thấy
Xưa khởi đại bi với chúng sanh
Tu hành Bố thí ba-la-mật
Do đây thân Phật rất tốt đẹp
Chúng sanh thấy Phật đều mừng rỡ.

Sự thuyết pháp giáo hóa chúng sanh bằng mọi phương tiện khắp pháp giới:

Các ngài nên xem nơi chốn này
Nhiều thứ diệu bảo dùng trang nghiêm
Hiển bày biển nghiệp của chúng sanh
Khiến họ biết rõ chân pháp tánh.
Cùng khắp mười phương tất cả Phật
Những cội bồ-đề đều viên mãn
Tất cả đều hiện trong đạo tràng
Diễn nói pháp Như Lai thanh tịnh.
Tùy lòng ưa thích của chúng sanh
Nơi ấy vang ra tiếng vi diệu
Như trên Phật tòa đã diễn thuyết
Mỗi mỗi pháp môn đều nói đủ.

(Phẩm *Thế chủ Diệu Nghiêm*, thứ nhất)

Một khi đạt đến trọn vẹn Pháp thân, mà Pháp thân thì khắp cả vô biên, nên tất cả tích tập trí huệ và công đức của Phật đều khắp cả pháp giới. Sự tu hành của các Bồ-tát về sau là tu hành trong biển ba thân Phật đã thành, trong biển Quả của Phật, Biển Quả ấy là biển công đức, biển trí huệ, biển đại bi, biển đại nguyện, biển đại hạnh…

Tu trong pháp giới *Hoa Nghiêm* là tu trong biển Quả ấy. Để chứng nghiệm được điều ấy, phải có đức tin và sùng mộ. Tu trong pháp giới *Hoa Nghiêm* là tu hạnh Phổ Hiền, hạnh (Hiền) mở ra khắp cả pháp giới (Phổ).

Chúng ta thấy mười đại nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền có nhiều yếu tố tình cảm hơn yếu tố lý trí. Yếu tố tình cảm là đức tin, lòng sùng mộ, sự nhiệt thành, lòng từ bi… Mười hạnh nguyện Phổ Hiền là: lễ kính chư Phật, xưng tán Như Lai, rộng tu cúng dường, sám hối nghiệp chướng, vui theo công đức, thỉnh chuyển pháp luân, thỉnh Phật trụ thế, thường theo Phật học, hằng thuận chúng sanh, khắp đều hồi hướng.

Chúng ta thấy động lực đi tham học của Đồng tử Thiện Tài là sự sùng mộ, lòng cầu đạo nhiệt thành đối với pháp thân, thân của tất cả chư Phật. Cũng từ sự sùng mộ Phật và Pháp ấy, Thiện tài sùng mộ những Đại Bồ-tát, những vị thầy, những thiện tri thức trên suốt con đường cầu học.

Thiện Tài đã nghe theo lời dạy của Bồ-tát Văn Thù khởi hành từ phương Nam. Cuối cùng gặp lại Đức Văn Thù trước khi thấy được Bồ-tát Phổ Hiền, mà thân ngài hiển hiện toàn bộ pháp giới *Hoa Nghiêm*. Trên đường đi, khi gặp gỡ từng vị thiện tri thức, Thiện Tài có những hành động, tình cảm cho chúng ta thấy lòng sùng mộ đối với một vị thầy, từ cách thưa hỏi cho đến sau khi từ giã thì tư duy về vị thầy như thế nào. Với thiện tri thức thì "xu hướng, chiêm ngưỡng, rất tôn trọng, nguyện thường được thân cận để thờ phụng, cúng dường, mong cầu, lòng rất khát ngưỡng…"

Chẳng hạn, khi từ giã trưởng giả Giải Thoát:

"Lúc đó Đồng tử Thiện Tài đảnh lễ dưới chân trưởng giả, đi vòng theo bên phải, quán sát xưng dương ca ngợi, tư duy chiêm ngưỡng, buồn khóc rơi lệ, nhất tâm ghi nhớ nương y thiện tri thức, thờ kính thiện tri thức, do thiện tri thức mà được thấy Nhất thiết trí. Với thiện tri thức chẳng có lòng chống trái, không giả dối. Với thiện tri thức tâm thường tùy thuận. Nơi thiện tri thức tưởng là mẹ hiền vì rời bỏ tất cả pháp vô ích, nơi thiện tri thức tưởng là cha lành vì xuất sanh tất cả pháp thiện. Tư duy rồi từ tạ mà đi".

"Đồng tử Thiện tài nhất tâm chánh niệm lời dạy của trưởng giả Giải Thoát, quán sát lời dạy, ghi nhớ, tư duy, thâm nhập môn pháp giới không thể nghĩ bàn của trưởng giả…" (Phẩm *Nhập pháp giới,* thứ 39).

Mỗi lần gặp một thiện tri thức, Thiện Tài được "nhiếp thọ, thủ hộ, được xoa đầu, được nghe, thâm nhập, được an trụ, tăng trưởng…".

Khi gặp Bồ-tát Di Lặc, Thiện Tài được Bồ-tát ca ngợi "đã phát Bồ-đề tâm, có thể tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, được chư Phật đồng hộ niệm". Rồi Bồ-tát dạy thêm về Bồ-đề tâm bằng một lối nói tán thán, sùng mộ. Ở đây chỉ xin ghi ra ít câu:

"Bồ-đề tâm như hạt giống vì có thể sanh tất cả Phật pháp. Bồ-đề tâm như mặt trăng sáng vì diệt trừ tất cả bệnh lòa vô minh. Bồ-đề tâm như cây kềm vì có thể nhổ tất cả gai thân kiến. Bồ-đề tâm như đệm ngồi thiền vì có thể mở tất cả dây trói của sanh tử. Bồ-đề tâm như tài bảo vì trừ tất cả sự nghèo cùng. Bồ-đề tâm như gương

sáng vì hiện khắp tất cả hình dạng pháp môn. Bồ-đề tâm như mạng căn vì giữ gìn thân đại bi của Bồ-tát… Tóm lại, phải biết Bồ-đề tâm đồng với công đức của tất cả Phật pháp".

"Này thiện nam tử! Bồ-đề tâm thành tựu vô lượng vô biên cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết công đức tối cao. Nếu có chúng sanh phát Vô thượng Bồ-đề tâm thì được công đức tối cao như vậy. Vì thế ngươi đã được lợi lành lớn, vì ngươi đã phát tâm Vô thượng Bồ đề, đã được công đức lớn như vậy".

Phát Bồ-đề tâm, đi trên con đường Phật đạo thì được sự gia trì của chư Phật, chư Đại Bồ-tát:

Mười phương tất cả bậc Tự tại
Thảy đều hộ niệm trí căn bản
An trụ trí này cũng rốt ráo
Tất cả Phật pháp từ đây sanh.

(Phẩm *Thập địa,* thứ 26)

Tin con đường Phật đạo thì phát được thệ nguyện, và thệ nguyện khiến người tu được chư Phật gia hộ, vào trí địa của chư Phật:

"Chư Phật tử! Thệ nguyện của các Bồ-tát khéo quyết định, không tạp, chẳng thể thấy, rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, khắp tất cả cõi Phật, suốt khắp cả vị lai, cứu độ tất cả chúng sanh, được chư Phật gia hộ, vào trí địa của chư Phật ba đời" (Phẩm *Thập địa,* thứ 26).

Sự phát tâm Bồ-đề, phát Bồ-tát nguyện, hành Bồ-tát hạnh sẽ gặp gỡ và tiếp thông với sự gia trì, gia hộ của chư Phật, chư Đại Bồ-tát. Với sự tiếp xúc, tiếp thông ấy, hành giả đi vào và thâm nhập pháp giới *Hoa Nghiêm*.

Tại sao đức tin, sùng mộ đối với pháp giới *Hoa Nghiêm* đưa đến sự ngộ nhập pháp giới? Đức tin và sùng mộ đưa chúng ta đến đối tượng, tiếp xúc, tương thông và hòa nhập vào đối tượng. Đây cũng chính là chức năng của thiền định và thiền quán: hợp nhất với đối tượng thiền định và thiền quán. Chính đức tin và lòng sùng mộ đưa chúng ta vào Thập tín, bước đầu của con đường Bồ-tát. Đây cũng là bước cuối cùng của con đường đó, như chúng ta thấy khi Thiện Tài gặp Đức Di Lặc, Đức Văn Thù và Đức Phổ Hiền.

Trong bài kệ của Bồ-tát Hiền Thủ nói về Tin ở trên, chúng ta trích thêm một đoạn:

Tin là giống công đức không hư
Tin hay sanh trưởng cây Bồ đề
Tin hay thêm lớn trí tối thắng
Tin hay thị hiện tất cả Phật.
Cứ theo công hạnh nói thứ tự
Tin là hơn hết rất khó được
Ví như trong tất cả thế gian
Nếu thường tin thờ ở chư Phật
Thì hay trì giới và tu học
Thì hay đầy đủ các công đức
…
Nếu được lòng tin không thối chuyển
Người này sức tin không dao động
Nếu được sức tin không dao động
Thì được sáu căn sạch, sáng, bén
…
Nếu được hiểu quyết định, tối thắng
Thì được chư Phật thường hộ niệm
Nếu được chư Phật thường hộ niệm
Thì hay phát khởi Bồ-đề tâm.

Khởi từ Tin, và cứ lần lượt như vậy, đức tin đi suốt hết con đường Phật đạo:

Thì khắp mười phương chỗ chư Phật
Đáng thọ quán đảnh được vị cao
Nếu khắp mười phương chỗ chư Phật
Đáng thọ quán đảnh được vị cao
Thì được tất cả Phật mười phương
Tay lấy cam-lồ rưới lên đảnh.
Nếu được tất cả Phật mười phương
Tay lấy cam-lồ rưới lên đảnh.
Thời thân đầy khắp như hư không
An trụ bất động khắp mười phương…

Trong kinh *Hoa Nghiêm*, chúng ta thấy có chương Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, nhưng Thập tín thì không có một chương riêng. Sở dĩ như thế vì Thập tín có mặt trong tất cả mọi chương của kinh, ít nhất từ chương đầu cho đến chương Sơ phát tâm công đức.

Tin và phát tâm đi liền nhau. Tin thì phát tâm, và phát tâm tức là tin. Tin và phát tâm là tin và phát tâm trong ba thân của Phật Tỳ-lô-giá-na; do đó tin và phát tâm bèn tức thời tương ưng với Phật.

"Do phát tâm nên thường được tất cả chư Phật ba đời nhớ nghĩ, sẽ được Vô thượng Bồ-đề. Liền được tất cả chư Phật ba đời ban diệu pháp. Liền cùng tất cả chư Phật ba đời thể tánh bình đẳng. Đã tu pháp trợ đạo của tất cả chư Phật ba đời. Thành tựu lực, vô úy của tất cả chư Phật ba đời. Trang nghiêm Phật pháp bất cọng của tất cả chư Phật ba đời. Được trọn vẹn trí huệ thuyết pháp của tất cả chư Phật ba đời".

"Tại sao vậy? Vì phát tâm như vậy sẽ được thành Phật".

"Nên biết, người này đồng với chư Phật ba đời, bình đẳng với cảnh giới của chư Phật, bình đẳng với công đức của chư Phật, được trí huệ chân thật, một thân cùng vô lượng thân rốt ráo bình đẳng của chư Phật" (Phẩm *Sơ phát tâm công đức,* thứ 17).

Đức tin phá tan những chướng ngại ngăn che, khiến chúng ta có thể trực tiếp ngộ nhập pháp giới *Hoa Nghiêm* của chư Phật:

"Lúc vừa phát tâm liền được tất cả chư Phật mười phương đồng khen ngợi, liền có thể thuyết pháp giáo hóa điều phục chúng sanh trong tất cả thế giới, liền có thể vào tánh của tất cả pháp giới, liền có thể giữ gìn chủng tánh Phật, liền có thể được trí huệ quang minh của tất cả Phật" (Phẩm *Sơ phát tâm công đức,* thứ 17).

"Tâm, Phật, và chúng sanh; cả ba không sai khác".

Thế nên, khi tin thanh tịnh, phát tâm thanh tịnh, nghĩa là không có sự ngăn che của bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng, không có phiền não chướng và sở tri chướng, khi ấy "liền cùng tất cả chư Phật ba đời thể tánh bình đẳng".

Tất cả các địa chỉ có một nền tảng là Phật địa, tức là Phật Tỳ-lô-giá-na. Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa và Đẳng giác, Diệu giác đều được thành lập trên Phật địa tức là Phật Tỳ-lô-giá-na vốn đã viên thành. Cho nên ở bất cứ đâu trong các địa, chúng ta đều có thể gặp gỡ, tương thông với Phật địa một cách trọn vẹn. Đó là ý nghĩa những chữ "liền" của tin và phát tâm trong chương Sơ phát tâm công đức.

Ở đây, nói theo tính cách viên dung vô ngại của kinh *Hoa Nghiêm*, "một Phật địa là tất cả các địa, tất cả các địa là một Phật địa".

Thế nên khi Bồ-tát Pháp Huệ nói về công đức của sơ phát Bồ-đề tâm, "có các Bồ-tát nhiều bằng số vi trần của mười ngàn cõi Phật phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Chư Phật đều thọ ký cho họ: qua khỏi ngàn bất khả thuyết vô biên kiếp, đồng xuất thế thành Phật trong một kiếp và đồng hiệu Thanh Tịnh Tâm Như Lai, ở những thế giới khác nhau".

Khi đã tin và phát tâm được, thì dầu có "ngàn bất khả thuyết vô biên kiếp" cũng chỉ ở trong một Phật Tỳ-lô-giá-na, cũng chỉ ở trong "Tâm, Phật, và chúng sanh; cả ba không sai khác".

Vì lợi thế gian phát đại tâm
Tâm đó khắp cùng cả mười phương
Chúng sanh, quốc độ, pháp ba đời
Phật và Bồ-tát, biển tối thắng
Rốt ráo hư không khắp pháp giới
Chỗ có tất cả những thế giới
Thuận với Phật pháp đều qua đến
Phát tâm như vậy không thối chuyển
…
Đã trụ Như Lai tánh bình đẳng
Khéo tu vi diệu phương tiện đạo
Nơi cảnh giới Phật sanh tín tâm
Được Phật quán đảnh tâm không bám.
Thường nhớ nghĩ báo ân đức Phật
Tâm như kim cương không chướng ngại
Có thể rõ biết công hạnh Phật
Tự nhiên tu tập hạnh Bồ-đề.

(Phẩm *Sơ phát tâm công đức,* thứ 17).

Với tin thanh tịnh, phát tâm thanh tịnh, phạm hạnh thanh tịnh, người ấy bước ngay vào pháp giới thanh tịnh, tức là Phật Tỳ-lô-giá-na, pháp giới tánh, tức là tánh Không, quang minh, như huyễn. Khi ấy, "lúc sơ phát tâm liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác".

"Quán sát (thật tướng của tu phạm hạnh) như vậy, nơi thân không chỗ giữ, nơi tu không chỗ bám, nơi pháp không chỗ trụ. Quá khứ đã diệt, vị lai chưa đến, hiện tại không tịch, không người làm hành động, không kẻ thọ báo, đời này chẳng động chuyển, đời kia chẳng cải đổi. Như vậy, trong đây pháp nào gọi là phạm hạnh? Phạm hạnh từ chỗ nào đến? Của ai? Do ai làm? Là có? Là không? Là sắc? Là chẳng phải sắc? Là năm ấm? Là chẳng phải năm ấm?".

"Quán sát như vậy, vì pháp phạm hạnh bất khả đắc, vì pháp ba đời đều không tịch, vì chỗ y không thể bám nắm, vì tâm không chướng ngại, vì chỗ hành do phương tiện không hai tự tại, vì thọ pháp vô tướng, vì quán pháp vô tướng, vì biết Phật pháp bình đẳng, vì đủ tất cả Phật pháp. Như đây gọi là phạm hạnh thanh tịnh".

"Lại phải tu tập mười pháp, tức là mười trí lực của Như Lai. Phải quán sát mỗi trí lực. Trong mỗi trí lực có vô lượng nghĩa đều phải học hỏi. Sau khi nghe phải khởi tâm đại từ bi, quán sát chúng sanh mà chẳng bỏ lìa, tư duy các pháp không có thôi dứt, thực hành nghiệp vô thượng không cầu quả báo, rõ biết cảnh giới như huyễn mộng, như bóng như vang, như biến hóa".

"Nếu Bồ-tát nào được tương ưng với hạnh quán như vậy, ở trong các pháp chẳng sanh kiến giải nhị nguyên, thì tất cả Phật pháp chóng được hiện tiền. Lúc sơ phát tâm liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Biết tất cả pháp là tự tánh của tâm, thành tựu huệ thân giác ngộ chẳng do người khác" (Phẩm *Phạm hạnh,* thứ 16).

Bài kệ trong chương Sơ phát tâm công đức chấm dứt bằng bốn câu:

Muốn thấy mười phương tất cả Phật
Muốn ban vô tận tạng công đức
Muốn diệt tất cả khổ chúng sanh
Phải nên mau phát Bồ-đề tâm. ■

Di-đà dạy con niệm Di-đà

THÍCH NỮ QUANG TÍNH

Làn mưa lớt phớt của buổi tinh sương như lắng đọng từng giọt trên ngọn cỏ lá cây. Ngoài kia sương mù dày đặc, đâu đó thoảng nghe tiếng "lốp bốp, lụp bụp" của ống tre nứa chuông gió phía trước sân. Sắc trời Tây Nguyên vốn dĩ là "phố bốn mùa một ngày" nhưng nay cái lạnh có vẻ già hơn đến độ tuổi đông về xuân đến. Boong…! Booooooong…! Lắng dịu bên bàn trà liêu xiêu, đừng làm gì cả, cứ vểnh tai để nghe thiên nhiên cây cỏ nói chuyện cho mà nghe. Nghĩ cũng thú vị, thôi thì đối vài ba chữ với khoảnh khắc gọi là:

Sương rơi rơi phủ trắng vùng trời, nhuần thắm sơ tâm, dốc chí nguyện tìm chân thiện mỹ

Trà thoang thoảng tỏa thơm chốn tịnh, mở bừng giác thức, hết lòng cầu gột tham sân si.

Lạnh thật! Cái rét làm tê buốt cả răng.

Nhấp một ngụm trà, dường như thâu tóm cả sắc, hương, vị dần len lỏi bỗng chốc thấm đẫm vào tận ngóc ngách nguồn tâm, làm khơi dậy tiềm thức của bao lớp bụi mù từng phủ. Con niệm ân Thầy! Người đã khơi nguồn cho sơ tâm, bồi đắp niềm tin và ý chí, thôi thúc giới thân huệ mạng của con. Ngày ấy – bây giờ, một khoảng cách không quá ngắn mà cũng chẳng đủ dài để con một mình lặng thinh bên tách trà, ngắm trà, thở trà, cười trà… mặc cho ngoài kia đang ấp ủ mớ hỗn độn của bao lớp lớp người. Con lặng cười!

"Hít vào, con niệm A Di – Thở ra, con niệm Đà Phật – Hít thật sâu, con niệm đây là Vô Lượng Quang – Thở ra nhẹ, con niệm đây là Vô Lượng Thọ."

Ngày ấy Thầy dạy con như thế. Không phụ thâm ân của Thầy, con đã đem theo và hành trì suốt chặng đường con đã đi qua, tận hôm nay và cả ngày mai.

Ngày còn chỏm của thời hành điệu, với độ tuổi gắn liền với công việc "thị giả", con may mắn được Thầy chỉ bảo rất nhiều điều, để hôm nay con nhận ra rằng đó là một loại năng lượng vi diệu vô hình đã được Thầy ban tặng.

Lần ấy, sau khi thỉnh Thầy thời bữa cơm trưa xong, con khép nép đến bên cạnh thỏ thẻ thưa:

"Dạ, mô Phật bạch Thầy! Lần trước Thầy dạy con, với sơ tâm, khi làm việc gì, con cũng phải chánh niệm trong từng cử chỉ oai nghi, phải luôn dán chặt câu thần chú "Nam mô A-di-đà Phật" trong từng hơi thở, bước đi. Vậy bạch Thầy! Có thể trong từng việc hàng ngày, ngoài câu Nam mô A-di-đà Phật ra, con có thể trì các bài kệ chú trong Tỳ-ni Nhật dụng để tương ứng với mỗi công việc được không ạ?"

Thầy mỉm cười, ôn tồn bảo:

"Đúng với lứa tuổi (tương chao chưa thấm) của con thì việc trì tụng các bài kệ chú là lẽ đương nhiên con phải thực hành, nói vậy không có nghĩa là con trả bài thuộc lòng mà cốt yếu là thực tập từng bước để chuyển hóa nội tâm. Niệm Phật cũng vậy, con dán chặt câu Phật hiệu Nam mô A-di-đà Phật vào từng hơi thở, từng bước chân, mọi lúc mọi nơi thì đó cũng là phương pháp để gút chặt vọng tâm, hành chuyên chánh niệm vậy".

Bài học đầu tiên của con bắt đầu từ đó.

Có cần chăng phải bút vở tinh tươm, có cần chăng phải bảng đen phấn trắng…Thầy chỉ cười, một nụ cười bao hàm cốt cách của an lạc, thảnh thơi; cộng thêm những cử chỉ khoan thai, thanh thoát. Hình ảnh chỉ nhiêu đó thôi cũng đủ là cơn gió lốc xoáy sâu vào tâm khảm của con, con học từ đó!

Lần tản bộ thiền hành trước sân, Thầy đi thật nhẹ, mỗi bước chân của Thầy là mỗi dấu ấn khắc trên nền đất niềm an lạc vững chãi. Khép nép bên cánh cửa chùa, mắt hướng ra sân, lòng con kính ngưỡng Thầy vô hạn. Một loại năng lượng gì đó vốn không định nghĩa được bừng sáng trong con, thôi thúc con mãnh liệt. Hình ảnh ấy chính là ngọn vô tận đăng luôn chiếu sáng trong tâm thức con đến tận hôm nay. Và, bài học thứ hai con cũng tập tành từ đó.

Hạnh của Thầy thật cao, nguyện của Thầy thật lớn. Thầy hành trì và học theo hạnh nguyện của Sư ông Làng Mai:

Cải đi thuật ngữ cao siêu, được thể hiện bằng từ bi trí tuệ

Đổi thành ngôn ngữ dân gian được biểu hiện bằng hiểu biết thương yêu.

Quây quần bên đại chúng để chia sẻ nỗi khổ niềm vui trong sinh hoạt hằng ngày, cũng như sách tấn, chỉ dạy cho chúng con tăng thêm niềm tin kiên cố, chí tu học vững bền, Thầy từ tốn, nhã nhặn mà thâm sâu trong từng câu, từng chữ:

…Đi, đứng, nằm, ngồi trong chánh niệm
Vào, ra, cười, nói tướng đoan nghiêm
Mỗi khi tâm buồn giận lo phiền
Nguyện nhiếp niệm trở về hơi thở
Mỗi bước chân đi vào Tịnh độ
Mỗi cái nhìn thấy được Pháp thân

Khi sáu căn tiếp xúc sáu trần
Đem ý thức tinh chuyên phòng hộ
Tập khí năm xưa rồi chuyển hóa
Vườn tâm tuệ giác nở trăm hoa
Niềm an vui đem khắp mọi nhà
Hạt giống tốt gieo về muôn lối…

Thầy dạy mỗi khi trong tâm chứa đựng mầm mống của khổ đau, lo buồn thì ngay lập tức trở về an trú nơi hơi thở, làm mát dịu thân tâm. Không cần làm gì cả, chỉ thở mà thôi: "Thở vào, con niệm Nam mô A-di-đà Phật, con biết tâm hành buồn giận, khổ đau đang có mặt trong con. Thở ra, con niệm Nam mô A-di-đà Phật, con biết tâm hành buồn giận, khổ đau đang có mặt trong con". Mỗi bước chân đi là mỗi bước con trở về với thực tại Tịnh độ hiện tiền: "Bước chân trái, con niệm A Di. Bước chân phải, con niệm Đà Phật". Thầy dạy con đi làm sao để in hằn trên mặt đất dấu ấn của sự ung dung, vững chãi, thảnh thơi. Trong khi đi đứng nằm ngồi, trong thức hay ngủ, luôn quán tưởng hình tượng Đức Phật luôn hiển hiện tỏa sáng trong tâm khảm của mình. Thực hành được như vậy thì con đang ở trong Phật, và Phật đang ở trong con, hai nhưng là một, không sai không khác. Như vậy có khác nào: "Tức tâm tức Phật, Tịnh độ hiện tiền". Phải chăng pháp thân của Thầy là sự hóa hiện của pháp thân đức Phật A-di-đà, bởi thế giới Tịnh độ chính là tự tâm thanh tịnh của mỗi người, Phật A-di-đà chính là tự tánh sáng soi của chính lòng mình. Tinh thần Thiền tông trong " Cư trần lạc đạo phú" của Trần Nhân Tông cũng đề cao tư tưởng này, được đúc kết qua câu: "Tịnh độ là lòng trong sạch, Di-đà là tính sáng soi".

Thầy chính là tự tính sáng soi cũng đồng nghĩa rằng Thầy là Đức Phật A-di-đà, thế nên hạnh phúc trên nẻo đường con đi là được "Di-đà dạy con niệm Di-đà". Dạy rằng: "Miệng niệm Di-đà nghe Di-đà" khi niệm danh hiệu của Đức Phật A-di-đà là con đang tưởng nhớ đến Ngài, từ miệng niệm danh hiệu Ngài, tai nghe rõ ràng từng câu chữ danh hiệu Ngài, sẽ đi đến tâm quán tưởng đức tướng của Ngài, do quán tưởng được đức tướng của Ngài, nên nhiếp thân tâm thanh tịnh, khi cả ba nghiệp thân khẩu ý đều thanh tịnh niệm Phật, thì nhân duyên được "Niệm bất tự niệm", niệm Phật sẽ không còn xa, đức tướng Đức Phật A-di-đà luôn luôn sẵn có trong tâm, chỉ ngay đây thân tâm con luôn đong đầy năng lượng an lạc".

Đức Phật A-di-đà đã từng phát bốn mươi tám lời đại nguyện, một trong những đại nguyện ấy là: "Tất cả chúng sanh trong thập phương thế giới, nếu có người nào xưng danh hiệu Tôi thì người đó nhất định thành Phật; nếu người đó không thành Phật thì Tôi thề không thành Chánh Giác, Tôi cũng chẳng thành Phật". Thầy dạy vì lời nguyện này mà con phải tin chắc rằng, nếu như mình thành tâm tinh tấn niệm Phật thì một ngày nào đó sẽ được Đức Phật A-di-đà tiếp dẫn về cảnh giới Tây Phương Cực Lạc.

Lần nữa, Thầy lại tiếp cho con năng lượng hào hùng của pháp môn "tin sâu, nguyện thiết, hành chuyên". Với Tín đó, Hạnh đó, Nguyện đó, con tin rằng bài học "vô ngôn" của Thầy sẽ mãi là Vô Lượng Quang bừng sáng trong con, tiếp nhận và hành trì bài học ấy là Vô Lượng Thọ để hôm nay đây tạo ra Vô Lượng Công Đức, cả Thầy cả con với niềm tin trong sạch bằng hơi thở của sự tỉnh thức, cùng quỳ kính dưới đấng từ phụ A-di-đà thiết lập trọn vẹn sự truyền thông với Ngài để thắp lên ngọn nến tự cõi lòng. Ngọn nến của hiểu biết – thương yêu – thành tâm – tự tại.

Một thân thị hiện một kiếp hóa duyên, Thầy đã trở về bên mái tranh nhỏ để dìu dắt cũng như tiếp thêm nguồn năng lượng tu tập cho quý chú được một thể vuông tròn. Còn con, trên nẻo đường xa quê học đạo, dù ở phút giây nào đồng thể đại bi con mãi khắc ghi ơn dạy dỗ của Thầy, ân đức ấy ví như núi, tợ biển Đông. Nơi am tranh tóm thâu rừng Thiền vườn Tịnh đó, con thầm nguyện quý chú cũng học được nhiều bài học "vô ngôn" về Thầy mọi lúc mọi nơi để:

Cây khô xuân đến hoa nở rộ
Gió thoảng ngàn xa hương ngát bay.

Là lữ khách tầm phương, là con thuyền lênh đênh vô phương hướng, may thay con gặp được biển yêu thương của Thầy để neo đậu. Giờ này, ngôn ngữ thật vô nghĩa, vô nghĩa vì nó không diễn tả hết tình Thầy, không diễn tả được lòng con. Mỗi tiếng cười của con hôm nay được đánh đổi bằng thân giáo của Thầy, mỗi bước lớn khôn con cảm nhận được từ những bài học "vô ngôn" mà Thầy thầm ban tặng.

Phút giây này, con trọn vẹn bên tách trà nồng để lắng nghe tự cõi lòng, niệm ân Thầy trao cho con đôi mắt để nhìn đời thấy rõ mọi ngõ ngách huyền vi của dòng đời hư huyễn, tạo cho con những bước đi thật vững chãi bước vào không gian bao la vô tận của cuộc sống, chấm dứt mọi chuyến đi hoang.

Bài học năm xưa con đã hiểu nhiều hơn Thầy ạ! Vì con đã có con đường con đi.

Ngày ấy "Di-đà dạy con niệm Di-đà", hóa ra "À ! Thì ra Di-đà cũng niệm Di-đà". ■

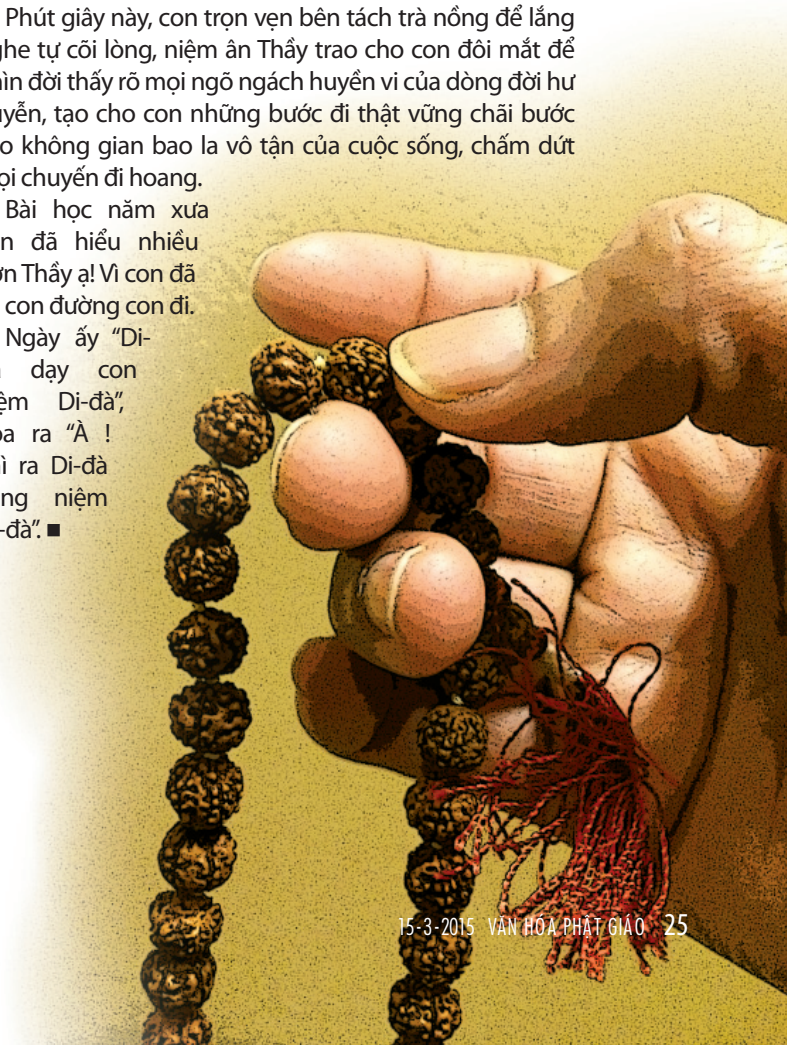

Bên trong pho tượng:

Di hài một nhà sư tịch diệt đã ngàn năm

Bài & ảnh: **HOANG PHONG**

Di hài của một nhà sư sống vào khoảng thế kỷ XI-XII vừa được tìm thấy bên trong một pho tượng bằng sơn mài thếp vàng. Khám phá này do Trung tâm Y khoa Meander ở thành phố Amersfoort (Hòa Lan) thực hiện vào tháng 9 năm 2014 vừa qua, dưới sự chỉ đạo của một chuyên gia Hòa Lan về văn hóa và nghệ thuật Phật giáo là Erik Bruijn.

Pho tượng trước đây được trưng bày tại Bảo tàng viện Drents Museum (Hòa Lan), và trong năm vừa qua (2014) các nhà khảo cứu của bảo tàng viện này bỗng nẩy ra ý kiến nhờ Trung tâm Y khoa Meander trên đây sử dụng các kỹ thuật y khoa tân tiến nhất để tìm xem bên trong pho tượng có cất chứa gì hay không. Sự khám phá thật hết sức bất ngờ.

Sau sự khám phá nói trên, pho tượng được chuyển đến Bệnh viện Rotterdam (Hòa Lan) để các bác sĩ tại đây tiếp tục khảo nghiệm thêm, cũng vẫn tiếp tục dưới sự hướng dẫn của chuyên gia Erick Bruijn. Theo vị này thì di hài bên trong pho tượng là của một thiền sư Trung Quốc tên là Liuquan (刘全 Lưu Toàn). Ngoài ra, tờ *Netherlands Times (Hòa Lan Thời Báo)* số ra ngày 20 tháng 12 năm 2014 còn cho biết thêm là ngoài các phương pháp khảo sát CT-Scan (chụp hình bằng tia X theo từng lớp cắt xuyên qua cơ thể hay vật thể nhằm giúp quan sát các chi tiết bên trong), các bác sĩ của Bệnh viện Rotterdam còn sử dụng cả phương pháp nội soi (endoscope) để lấy mẫu xương nhằm khảo nghiệm các nhân tố di truyền DNA.

Trong khi nội soi, các bác sĩ còn phát hiện bên trong pho tượng có các cuộn giấy viết chữ Hán cổ đặt tận

bên trong nội tạng của di hài. Hiện nay chưa thấy bệnh viện cho biết là các cuộn giấy này đã được lấy ra khỏi di hài để đọc và giải đoán hay không.

Nguồn gốc pho tượng là Trung Quốc, thế nhưng dường như pho tượng này thuộc sở hữu của Bảo tàng viện Thiên nhiên Budapest (Hung Gia Lợi) và còn tiếp tục được trưng bày tại đây cho đến tháng 5 năm 2015. Hiện nay các chuyên gia Hòa Lan đang phân tích và phối kiểm các dữ kiện thu thập được, và sau đó sẽ công bố các kết quả nghiên cứu dưới hình thức một tập chuyên khảo về nhà sư này.

Đây là lần thứ nhất di hài của một nhà sư cất giấu bên trong một pho tượng được khám phá ở Âu châu. Một tập san khoa học của Pháp (*Science et Avenir*, số 700, tháng 6 năm 2005, bài của ký giả và khoa học gia Hervé Ratel) cho biết thêm là trước đây các pho tượng tạc các vị Bồ-tát thuộc thời đại Koryo (thế kỷ thứ X - XIV) của Phật giáo Hàn Quốc đã được khảo nghiệm tại Bảo tàng viện Guimet Paris (Bảo tàng viện Phật giáo Á châu của Pháp) cho thấy bên trong có cất giấu xá-lợi gồm các viên ngọc cùng các vật khác như vải và các hạt ngũ cốc.

Thật ra hiện tượng trên đây không phải là hoàn toàn mới lạ đối với một số các nước Phật giáo Á châu như Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản, Miến Điện, Thái Lan, Việt Nam, Campuchia... Tại các quốc gia này và thường hơn là trong quá khứ, các nhà sư cao thâm, nhất là đối với các vị tu tập theo Thiền học, mỗi khi hòa nhập thật sâu vào thể dạng "định" (samadhi) thì sự hoạt động sinh lý (metabolism, physiology) của cơ thể cũng sẽ giảm xuống thật thấp: hơi thở thật nhẹ, tim đập thật khẽ và chậm. Những người chung quanh thường không nhận thấy được các dấu hiệu của hơi thở nơi mũi và lồng ngực, và nếu bắt mạch thì cũng không nhận thấy nhịp tim đập, do đó họ thường cho rằng người hành thiền đã qua đời, tuy rằng râu tóc và móng tay, móng chân vẫn mọc dài thêm. Khi xảy ra các trường hợp trên đây thì những người chung quanh thường phết sơn mài (một loại nhựa cây) lên thân thể của người hành thiền và biến họ trở thành một pho tượng. Đây cũng là một cách "nhập diệt" của các nhà sư cao thâm khi họ cảm nhận được giây phút ra đi của mình đã đến. Dầu sao thì những nhận xét trên đây cũng chỉ là những sự "phỏng đoán" của người viết bài này - dù cũng đã dựa vào một số tư liệu khác - trong khi thu góp và tổng kết các mẫu tin do các cơ quan truyền thông Tây phương phổ biến, liên quan đến di hài của nhà sư Trung Quốc cất giấu trong pho tượng trên đây. Cũng xin lưu ý là giai đoạn từ thế kỷ XI đến XIII - dưới triều đại nhà Tống - là thời kỳ cực thịnh của Thiền học Trung Quốc, trước khi suy tàn sau đó.

Dưới đây là một vài hình ảnh của nhiếp ảnh gia Jan van Esch về việc khảo nghiệm pho tượng trên đây tại Trung tâm Y khoa Meander Medisch Centrum. ■

Ảnh của Elsevier Stokmans/Drents Museum

Quan điểm của Phật giáo về con người

LIÊN THẢO

Thông điệp đầu tiên mà Thế Tôn tuyên bố khiến loài người nhận biết sự có mặt của Ngài trên thế gian này thì cũng nhằm mục đích cảnh giới loài người quay về và nhận ra chân tánh hay Phật tánh để có được an lạc và hạnh phúc. Kinh *Phật Thuyết Như Vậy* có ghi: *"Này các Tỳ-kheo, Như Lai xuất hiện ở đời… đem lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người".*

Khi chúng ta thọ nhận thông điệp của Thế Tôn và luôn thực hành theo lời dạy của Ngài thì dù sinh ra ở bất cứ quốc độ nào, nhất định niềm vui hạnh phúc sẽ hiện hữu bên ta. Bởi đơn giản, con người đóng vai trò chính trong mục đích tìm và hành Đạo của Thế Tôn. Cái mà gọi là con người ấy, đã là một thực thể, là đối tượng vô cùng quan trọng trong nền giáo lý Phật giáo.

Con người là gì?

Đạo Phật quan niệm rằng con người là tập hợp ngũ uẩn và đặc tính của đời người là sự khổ, một nỗi khổ triền miên trong khi hạnh phúc thì chỉ thoảng qua.

a. Ngũ uẩn: Con người được cấu thành từ những năng lực hằng biến tâm lý và vật lý, thường được gọi là "bản ngã", "cái tôi" hay nói cách khác là một "cá thể". Cá thể này mang trong mình năm nhóm (ngũ uẩn: panca skandha) tuy giả tạm nhưng lại phối hợp với nhau một cách vô cùng chặt chẽ.

Nhóm thứ nhất, "sắc uẩn" bao hàm bốn đại chủng cổ truyền chính là đất, nước, gió, lửa, cũng gọi là "sở tạo sắc". Chúng hình thành sáu căn là *mắt, tai, mũi, lưỡi, thân,* và *ý* cùng những đối tượng ngoại giới tương đương là *sắc, thanh, hương, vị, xúc* và *pháp*. Nói chung, tất cả thế giới thuộc nội tâm và ngoại giới đều nằm trong sắc uẩn này.

Nhóm thứ hai, "thọ uẩn", là tất cả những cảm giác, không phân biệt đó là dễ chịu, khó chịu hay trung tính. Các cảm giác này phát sanh ra các căn tiếp xúc với ngoại cảnh; cụ thể là khi mắt nhìn thấy hình ảnh, tai nghe được âm thanh, mũi ngửi được mùi, lưỡi mếm phải vị, thân tiếp xúc với vật thể có tính chất mềm, cứng… Ý thức hay tư tưởng cũng thuộc trong thọ uẩn; bởi ý cũng được xem như một giác quan, nó có thể phát triển và điều khiển như các giác quan kia. Trong thọ uẩn này thì "Ý" là một phần quan trọng không thể thiếu.

Nhóm thứ ba, "tưởng uẩn", thuộc về tri giác, là các phản ứng xảy ra khi có cảm giác. Khi lục căn tiếp xúc lục trần, tri giác nhận biết cụ thể về các sự vật mang tính chất vật lý và các hiện tượng mang tính chất tâm lý. Từ sự nhận biết mang lại do cảm giác, con người có thể tưởng tượng được những gì mà họ đã từng trải qua.

Nhóm thứ tư, "hành uẩn", là những sự tạo tác của tâm thức. Chúng mang tính chất bất định, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc không tốt không xấu. Hành uẩn này bắt đầu từ "Ý" sai khiến các căn thực hiện theo sự mong muốn của nó, đặc biệt là khi chúng tác động với ngoại giới khởi lên "tác ý" sanh ra nghiệp cảm, tùy theo mức độ phát sanh các tâm sở như dục, thắng giải, niệm, định, tuệ, tinh tấn, tham, hận, si, mạn, thân kiến, biên kiến, tà kiến… Nếu nói đủ thì có đến 50 tâm sở như vậy tạo nên hành uẩn.

Nhóm thứ năm, "thức uẩn", là một phản ứng có căn bản của một trong sáu giác quan với một trong sáu đối tượng ngoại giới tương ứng phù hợp với chúng. Ví dụ, với "nhĩ thức" thì "tai" làm căn bản và một tiếng nói hay âm thanh gì đó làm đối tượng. Tương tự những căn khác cũng sẽ tiếp xúc với đối tượng như thế. Tóm lại, thức liên quan với những căn khác, cũng như tưởng và hành đều có sáu loại được xác định khi có sự tương quan giữa sáu căn và sáu trần. Tuy nhiên, "thức" không nhận ra đối tượng, chỉ rõ biết được sự hiện diện của một đối tượng.

Như vậy, một cá thể hay con người tồn tại cần có sự phối hợp nhịp nhàng, tương quan giữa ngũ uẩn với nhau. Tuy nhiên, vì ngũ uẩn biến động theo luật Vô Thường, tức là chúng không tồn tại mãi mãi, nên bản chất của chúng là vô ngã. Thế nhưng con người đại đa số lại chấp ngã, chấp "cái ta" nên sanh khổ.

b. Khổ: Bài pháp đầu tiên mà Thế Tôn rao giảng khi Ngài vận chuyển bánh xe Pháp tại vườn Lộc Uyển chính là bài pháp nói về *"khổ, nguyên nhân của khổ, trạng thái không có khổ và con đường diệt khổ"* hay gọi là Tứ Diệu Đế, bốn chân lý cao cả. Trong bài pháp đó, Thế Tôn xác định ngay từ ban đầu rằng bản chất cuộc sống của loài người là khổ; tuy vậy, giáo lý của Ngài không có tính tiêu cực vì Ngài đã chỉ ngay con đường diệt khổ.

Từ "Khổ" được dịch từ thuật ngữ "Dukkha" trong tiếng Phạn, nghĩa thông thường là 'khổ', nhưng trong Diệu đế thứ nhất của Tứ Diệu Đế, thuật ngữ này có nghĩa lý sâu sắc hơn để chỉ sự bất toàn, sự trống rỗng, tính cách vô thường, giả tạm… của mọi hiện tượng.

Một cách tổng quát, với tầm nhìn khách quan của Thế Tôn, Ngài hề không phủ nhận hạnh phúc trong đời sống. Tuy nhiên, điều mà thế gian gọi là 'hạnh phúc' thì cũng chỉ là "dukkha" mà thôi, bởi tất cả các pháp thế gian đều vô thường. Còn đi sâu vào chi tiết sống của con người thì có thể tóm gọn sự 'khổ' mà con người cam chịu theo cách tự nhiên là ba trạng thái: khổ khổ, là khổ vì có khổ, có sự tồn tại vốn mang bản chất đau khổ; hoại khổ là khổ phát sinh do vô thường chuyển biến; và hành khổ là khổ vì những giới hạn của sanh tử.

Khổ khổ ở đây chỉ cho tất cả những trạng thái sinh hoạt của con người như sanh, già, bệnh, chết, gần gũi với người mình không thích, xa lìa người mà mình yêu thương, không có được những gì mình muốn, đau khổ, buồn thương từ thể xác lẫn tinh thần (ngũ ấm xí thạnh), những vấn đề này cứ chồng chất với nhau khiến con người quay cuồng trong đó.

Mỗi khi con người có những cảm giác vui vẻ hạnh phúc vì được hưởng thọ những dục lạc thế gian thì rất tiếc, những cảm giác đó đều chỉ thoáng qua; chúng không trường tồn mà sớm muộn đều bị đổi thay, thăng trầm do sự biến chuyển của vô thường. Trạng thái này thuộc về hoại khổ.

Còn hành khổ, thì như trên đã phân tích, chính là "ngũ uẩn". Ai chấp thủ ngũ uẩn là khổ. Bởi cho là có cái 'tôi', nhưng đến khi cái 'tôi' kia thay đổi, biến hoại… khiến con người ta vô cùng đau khổ.

Đây là phần tóm gọn quan điểm của đạo Phật về con người; con người cả về mặt vật lý lẫn tâm lý đều tương quan mật thiết với nhau, và cũng từ đó có thể tạo nghiệp. Có lẽ cũng vì thế mà chư Phật luôn căn dặn chúng ta "không làm các điều ác, nên làm các việc lành, giữ tâm ý trong sạch…" đó là cách thức thoát khổ mà con người cần thực hành. Nếu không hiểu biết đâu là con đường chánh, đâu là việc nên làm và không nên làm thì con người tha hồ tạo nghiệp ác.

Chung quy thì trong Dục giới này, kẻ ác nhiều nhưng người lành lại ít. Đó là môi trường nguy hiểm. Tuy nhiên, con người vẫn có cơ hội giải thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử. Thật vậy, chỉ có loài người, với tình thức, trải nghiệm được tất cả những đau khổ và hạnh phúc ở mọi cung bậc, mới có được khả năng độc đáo của việc chọn lựa những yếu tố đạo đức có ý nghĩa lâu dài, không chỉ tìm kiếm một cuộc sống tốt đẹp hơn trong tương lai, mà còn có mong muốn thoát khỏi toàn bộ vòng luân hồi.

Tuy mọi chúng sanh đều có Phật tính, nhưng chỉ riêng con người là có khả năng thành Phật cao nhất. Từ đây, mọi người đều bình đẳng, không phân biệt giai cấp, giàu nghèo, chủng tộc… Con người lại có quan hệ với nhau qua vô số kiếp, đã từng là anh chị em, bè bạn, cha con hay mẹ con… của nhau, nên giữa người với người dễ phát sinh những tình cảm thân thiết, yêu thương nhau, giúp đỡ nhau… làm cơ sở cho lòng vị tha; một trong những mầm mống của lòng từ bi để phát triển lên mức hoàn hảo trên con đường giải thoát.

Đường hướng giải thoát cho con người trong đạo Phật

Hơn ai hết, Thế Tôn cũng là một con người lịch sử, xuất hiện trên cuộc đời này, Ngài có đủ những gì con người thế gian có, nào là được, mất, hơn, thua, yêu, ghét… Đó cũng là cơ sở giúp Ngài có thể thấu hiểu được sự mong muốn của con người, Ngài đã tìm ra đường hướng giúp nhân loại biết cách xử thế, cả mình và người đều được an vui. Thế Tôn đặt giá trị của kiếp người lên trên, để họ biết tranh thủ thời gian khi còn

có thể tu hành, bằng không, một khi đã mất đi thì khó trở lại thân này được.

Tùy căn cơ con người mà Phật thuyết Pháp giáo hóa, giúp chúng ta đi đúng con đường chánh bằng thực hành "Bát chánh đạo" hay con đường thánh tám ngành, được liệt kê và giải thích ngắn gọn như sau: Thứ nhất, Chánh kiến là thấy, nghe hay biết một cách ngay thẳng, công minh, đúng với sự thật khách quan; thứ hai, Chánh tư duy là tư tưởng, suy nghĩ luôn đúng với lẽ phải, luôn nghĩ về Giới, Định, Tuệ để hướng đến giải thoát; thứ ba, Chánh ngữ là nói lời chân thật, công bằng, hợp lý một cách ngay thẳng; thứ tư, Chánh nghiệp là luôn làm việc chân chính, hợp với chân lý Phật dạy, thận trọng giữ gìn mọi hành động của mình, để khỏi làm tổn thương đến người khác trên mọi lĩnh vực của cuộc sống; thứ năm, Chánh mạng là sống đúng chánh pháp, không mê tín dị đoan, hiểu rõ lý nhân quả để sống lương thiện, không vì sự sống của mình mà chà đạp trên mạng sống của chúng sanh khác, sống trong sạch, biết thương yêu nhân loại; thứ sáu, Chánh tinh tấn là lúc nào cũng chuyên cần, siêng năng thực hiện đường hướng giải thoát mà mình đã chọn theo giáo lý Phật-đà, luôn lấy chánh trí làm sức mạnh hướng thẳng đến Niết-bàn; thứ bảy, Chánh niệm là luôn ghi nhớ những đạo lý chân chánh, biết nhớ đến Tứ trọng ân để báo đáp, biết rõ thực tướng của các pháp là vô ngã mà xả bỏ, nhớ đến việc giải thoát và khả năng giải thoát của mình để phấn đấu vượt qua gian nan thử thách; và thứ tám, Chánh định là tập trung tư tưởng vào vấn đề chính đáng, đúng với chân lý, có lợi cho mình và người.

Giáo pháp của Thế Tôn chú trọng đến sự thực hành của con người chứ không chỉ nói suông. Hành giả phải dựa vào giáo pháp rồi biết tìm vào từng chi tiết cụ thể để tránh các tai họa do ngoại giới tác động, biết cách sống làm lợi lạc cho mình và người, khỏi phải sợ gì đến oan gia, trái chủ… Đó là phía bên ngoài.

Còn điều đáng sợ hơn là việc tự mình làm khổ mình, khi những tác ý xấu khởi lên khiến con người ta làm việc bất thiện, tạo nhân xấu để rồi gặt quả khổ đau. Trong cuộc đàm thoại với vua Pesanadi, Thế Tôn đã cảnh giác mọi hành giả về ba loại pháp khi khởi lên trong nội tâm của một con người sẽ đưa lại bất lợi, khổ não và bất an cho người ấy; đó chính là tham, sân, si, được tổng kết trong bài kệ:

"Tham, sân, si ba pháp,
Là ác tâm cho người,
Chúng di hại tự ngã
Chúng tác thành tự ngã
Như vỏ và lõi cây,
Tự tác thành trái cây."

Giáo lý của Thế Tôn dạy vô lượng, vô biên, nhưng tất cả đều hướng con người đến mục đích duy nhất là giác ngộ giải thoát. Với mọi pháp môn, dù tu tập theo tông phái nào, hành giả đều phải thực hành "Bát Chánh Đạo". Đây là pháp môn thực dụng, bởi chúng có lợi ích thiết thực, giúp con người cải thiện đời sống, mang lại an lạc cho hiện tại và tương lai cả cá nhân lẫn xã hội. Trên hết, đây chính là cơ sở giúp hành giả gặt hái được quả vị Niết-bàn.

Sự ngưỡng vọng của loài người đối với giáo pháp của Đức Phật

Như Rabindranath Tagore viết trong bài Nghĩ về Thánh Phật: *"Bậc đạo sư mà nhân loại đã từng hàm ơn đức linh cảm và tính cao thượng lại trở nên cần thiết đối với con người thời nay, thậm chí còn tha thiết hơn thời đại của Ngài. Sự ngu đần thảm khốc của việc phân biệt chủng tộc, đẳng cấp và những bức rào sắc da độc hại phơi bày như là tôn giáo đã nhuộm bẩn trái đất này với máu; hận thù lẫn nhau, chết chóc nhiều hơn, bạo động đang lăng nhục con người ở mọi ngõ ngách. Ngày nay, trong vùng đất bị nhiễm độc bởi dã tâm giết chóc đồng loại, chúng ta khao khát một lời nói từ Ngài, người đã công bố sự yêu thương từ mẫn như là con đường hướng đến giải thoát cho tất cả chúng sanh"*.

Hiểu rõ rằng giáo pháp của Đức Phật được đặt trên nền tảng của lòng yêu thương, quý trọng kiếp người, Rabindranath Tagore có lẽ rất tiếc vì không được sanh cùng thời với Ngài. Ông đã thốt lên một lời cầu nguyện: *"Cầu sao con người tuyệt thế này lại xuất hiện trong cuộc đời để cứu vớt những điều tốt đẹp trong con người khỏi sự diệt vong. Đức Phật không bao giờ tước đoạt món quà to lớn nhất mà con người có thể hiến tặng cho kẻ khác, đó là sự kính trọng"*.

Đức Phật đã đặt con người vào một vị trí rất cao trong toàn bộ giáo lý giải thoát của Ngài, trên tất cả mọi loài chúng sanh khác. Ngài đã xác định việc thành Phật đối với con người không xa xôi gì, nếu chúng ta biết quay đầu. Trong lúc người Ấn Độ cổ đại chủ trương một hệ thống giai cấp chặt chẽ, đặt ra ngoài xã hội những người cùng đinh gọi là Thủ-đà-la, Đức Phật tuyên bố mọi con người đều bình đẳng, và con người được kính trọng không vì xuất thân mà nhờ vào đức hạnh. Có thể nói đó chính là sự nhiệm mầu trong giáo lý của Ngài, mang lại khả năng chuyển hóa tâm thức theo chiều hướng tích cực cao. Ai đã tu tập và thực hành lời dạy của Đức Phật thì kẻ ấy sẽ vượt thoát được mọi nỗi khổ niềm đau. Đã biết hành trì Phật pháp thì không một hoàn cảnh nào và không một phương sở nào có thể làm chướng ngại sự chứng nghiệm niềm an vui, hạnh phúc trong tâm thức con người. Chính Đức Phật và giáo pháp của Ngài luôn đem ánh sáng từ bi và trí tuệ để soi rọi tâm thức con người, xua tan mọi khổ đau hệ lụy trong cuộc đời này. Giáo pháp ấy giúp chúng sanh phát khởi niềm tin, biết lựa chọn lối sống cho chính mình, từ đó vững tin vào khả năng thành Phật, tin vào sự giác ngộ giải thoát luôn sẵn có nơi mỗi người chúng ta. ■

Lang thang trong chữ

Càng ngày càng, trong mấy phút?

HỒ ANH THÁI

Theo thời gian, người ta nói một con người càng ngày càng đáng yêu. Ban đầu khi mới vào công ty, có thể cô nàng còn chưa đáng yêu đến như thế. Còn khô khan lạnh lùng, còn xa cách. Nhưng hóa ra đó chỉ là sự căng thẳng, sự giữ ý, sự đề phòng ban đầu. Qua nhiều ngày nhiều tháng, sự chia sẻ cảm thông tăng lên, cô trở nên vui vẻ cởi mở. Cô càng ngày càng đáng yêu.

Nhưng người ta khó mà dùng cụm từ *càng ngày càng* trong hai câu dưới đây:

- Căn phòng *ngày càng* tối dù ráng vàng chiều đông vẫn ánh lên (*Thử vai*, Trần Thanh Bình dịch, NXB Hội Nhà Văn 2009, tr.193).

- Shaw tiếp tục di chuyển... Ông đang tiến *ngày càng* gần Katie hơn (*Truy tìm sự thật*, Trần Quý Dương dịch, NXB Văn Hóa Thông Tin 2009, tr.419).

Gần như chỉ trong một vài giờ đồng hồ, như câu trên, và trong mấy phút, như câu dưới. Làm gì dài đến ngày qua ngày ở đây. Đành rằng *càng ngày càng* là một thành ngữ, không đòi hỏi phải chiết tự chi li, nhưng cũng không thể càng ngày càng chỉ trong vòng vài giờ vài phút.

Ta thử thay chữ ngày càng trong hai câu này bằng: mỗi lúc một tối, mỗi lúc một gần, càng lúc càng gần… Từ ngữ thay thế còn có thể nhiều nữa, không hề thiếu.

Chỉ có hai người được gọi là đẻ

Quan hệ huyết thống, người ta còn gọi là quan hệ ruột thịt. Chung một dòng máu, giọt máu đào hơn ao nước lã. Cùng khúc ruột của tổ tiên ông bà cha mẹ, máu chảy ruột mềm. Từ đấy mà gọi là chú bác ruột, cô cậu ruột, cô dì ruột, anh chị em ruột. Ngược trở lên, với người trên, không ai gọi là ông bà ruột, cụ kỵ ruột.

Cũng có khi đây đó người ta còn gọi là cha ruột, mẹ ruột. Chữ mẹ ruột còn khả dĩ, vì con là từ khúc ruột của mẹ cắt rốn mà ra, chứ con đâu có từ khúc ruột nào của cha. Bố ruột, cha ruột, nghe nhiều mà thành quen, thực ra nó vẫn vênh vênh vướng vướng.

Cha đẻ, mẹ đẻ. Cha không đẻ được, tất nhiên, nhưng chắc chắn cha có liên quan đến quá trình hoài thai và sinh đẻ. Không đẻ, nhưng gọi là cha đẻ bố đẻ thì đúng đắn và đúng nghĩa. Và chỉ có hai người được gọi kèm chữ đẻ mà thôi, cha và mẹ.

Cũng chỉ cha và mẹ mới được gọi là thân sinh. Hai cụ thân sinh của tôi, hoặc song thân của tôi. Cha là thân phụ, mẹ là thân mẫu.

Không ai gọi ông đẻ bà đẻ (trừ khi gọi sản phụ là bà đẻ, và cái nhau của sản phụ thì gọi là cái rau bà đẻ). Không ai gọi cô đẻ, dì đẻ, chị đẻ, em đẻ. Đã có cô ruột, dì ruột, chị ruột, em ruột.

Một số vùng quê, con vẫn gọi mẹ là đẻ. Đẻ ơi đừng có lấy chồng, bỏ con ở lại nỗi lòng bơ vơ. Đấy là đứa con thơ khẩn cầu người mẹ góa chồng rằng mẹ đừng có đi bước nữa. ■

Nguồn: khoavanhoc-ngonngu.edu.vn

Đôi điều nghĩ về tiếng Việt

TRỊNH CHU

Tôi nhiều lúc cứ nghĩ ngợi lẩn thẩn, rằng liệu tiếng Việt có còn là tiếng Việt nữa hay không, khi mà hằng ngày người Việt vẫn không ngừng đổ vào đấy đủ các thứ ngôn ngữ, từ tiếng Anh, tiếng Pháp đến tiếng Nga, tiếng Tàu... Sự du nhập những từ nước ngoài vào ngôn ngữ Việt có mặt tích cực là làm phong phú thêm tiếng mẹ đẻ, nhưng sử dụng những từ nước ngoài đã có từ tương đương trong tiếng Việt thì liệu có nên chăng?

Câu hỏi này đã có vị giáo sư người Mỹ trả lời giúp. Trong một lần tham dự buổi tọa đàm khoa học được tổ chức tại Resort Hoàng Anh Gia Lai (TP Đà Lạt), cũng dịp đầu năm mới, tôi đặc biệt chú ý đến bài tham luận của Giáo sư Kim Tơk Chung vì những luận cứ khoa học hết sức thuyết phục và sắc sảo. Vị chủ trì buổi tọa đàm giới thiệu ông là người Mỹ, nhưng tôi vẫn ngờ ngợ rằng ông là người Mỹ, gốc Hàn? Thế rồi, khi buổi tọa đàm kết thúc và mọi người bắt đầu vào tiệc, nhìn thức ăn đã được bày sẵn trước đó, ông buột miệng bằng tiếng Hàn: "Mơ xi ku na!" (thức ăn ngon quá!), thì sự ngờ ngợ của tôi đã có lời giải. Tôi biết chắc giáo sư là người gốc Hàn Quốc nên đã chủ động đến chào ông. Bởi tôi vốn là cựu sinh viên chuyên ngành Hàn Quốc học, nên cũng biết tý chút về tiếng Hàn. Giáo sư thật sự xúc động mạnh và đã bật khóc. Ông bảo: "Ở một nơi xa xôi như Đà Lạt, tôi không ngờ lại có người nói được tiếng nước tôi".

"Tiếng nước tôi" và "tiếng Hàn Quốc" giống nhau về mặt ngữ nghĩa, song lại khác xa về góc độ tình cảm. Vì "tiếng nước tôi" chính là "linh hồn dân tộc tôi". Cách sử dụng từ ngữ của giáo sư đã gây rất nhiều thiện cảm trong tôi. Ông kể, ông rời Hàn Quốc sang Mỹ định cư từ lúc còn nằm trong bụng mẹ. Hiện tại, ông mang quốc tịch Mỹ. Tuy vậy, chỉ khi thật sự cần thiết, ông mới sử dụng tiếng Anh và luôn dùng đúng nơi, đúng chỗ. Trong sinh hoạt, tiếng Hàn vẫn luôn chiếm vị trí ưu tiên. Điều này không có nghĩa ông kém tiếng Anh. Trái lại, không chỉ rành rẽ tiếng Anh, ông còn biết tường tận cả tiếng Pháp, tiếng Đức. "Cộng đồng Hàn ngữ chúng tôi luôn tâm niệm, tiếng Anh đơn thuần chỉ là một công cụ, đúng hơn là một phương tiện cần thiết trong công việc, trong giao dịch, chứ chẳng có liên quan gì đến đẳng cấp hay địa vị của người sử dụng cả. Tiếng Đức, tiếng Pháp cũng vậy! Có nhiều con em người Hàn Quốc sinh ra tại Mỹ, mặc dù chưa biết Hàn Quốc là đâu, nhưng tiếng Hàn luôn là ngôn ngữ chính, bên cạnh tiếng Anh", Giáo sư Kim cho biết.

Theo Giáo sư Kim Tơk Chung, một dân tộc chỉ thật sự là nó, một khi người dân của dân tộc đó nói được bằng chính ngôn ngữ dân tộc mình. Thế giới ngày càng phẳng, thì ý thức gìn giữ bản sắc dân tộc lại càng trở nên quan trọng. Bởi vậy, người Hàn Quốc dù sinh sống ở đâu, luôn có một tâm cảm chung, đó là hướng về cội rễ; đặc biệt, về ngôn ngữ mẹ đẻ.

Qua trò chuyện với ông, tôi hiểu rằng đối với người Hàn, chỉ cần phát hiện một phần dù rất nhỏ những giá trị tinh thần của ông cha (như việc nghe tôi nói tiếng Hàn chẳng hạn), cũng được coi là một việc rất tốt để trả nghĩa tổ tiên. Chả thế mà khi phóng chiếu tâm thức dân tộc Việt vào *Truyện Kiều* của đại thi hào Nguyễn Du, học giả Phạm Quỳnh đã nói một câu bất hủ: "*Truyện Kiều* còn, tiếng ta còn. Tiếng ta còn, nước ta còn", cũng vì một lẽ ấy.

Soi chiếu những sẻ chia của vị giáo sư người Mỹ gốc Hàn vào tiếng Việt và con người Việt, tôi nhận thấy tiếng Việt đang dần bị biến dạng và con người Việt thì lại quá tự ti trong việc tiếp thu văn hóa nước ngoài. Chỉ cần ngồi trước vô tuyến truyền hình, hoặc lật giở vài trang sách trang báo một lúc, là tôi có thể lôi ra hàng đống những câu những chữ Tây không ra Tây, Ta chẳng ra Ta, mà Tàu cũng không ra Tàu, tỷ như: *fan* hâm mộ (đã *fan* sao còn hâm mộ?), một phong cách *style* (đã nói phong cách lại còn thêm *style* chi vậy?), rồi thì các (hộ?) gia đình, (đường?) quốc lộ, (đường?) phi đạo... Đó là thói ba rọi, một kiểu bắt chước rẻ tiền, hổ lốn và đáng buồn. Trong giao tiếp hàng ngày, chẳng biết tự bao giờ người Việt lại có thói quen khi nói thường chêm vài từ tiếng Anh vào và hậu quả là ngày càng xuất hiện tràn lan những từ nửa Ta nửa Tây, kiểu: Cực *hot* (nóng), cực *cool* (mát, lạnh), tuổi *teen* (tuổi mới lớn)... Nguy hại ở chỗ vô hình trung tạo ra tâm lý đám đông kỳ thị, cho rằng mình ở một đẳng cấp cao hơn khi nói tiếng nước ngoài và coi đấy là trào lưu thời thượng. Nếu chẳng may ai đó lỡ miệng nói *căng thẳng thần kinh*, lập tức sẽ bị đám đông người xung quanh cho là nhà quê, nên phải tự "phố hóa" mình bằng cách nói *stress*, cũng như thay vì nói câu lạc bộ thì phải nói *club*, hoặc gọi *kiosque* thay cho quầy sạp, hay nói *restaurant* thay vì phải nói nhà hàng... nghe cho nó oách. Thói quen nói và viết tiếng Việt xen lẫn vài từ tiếng Anh, hoặc tiếng Pháp không chỉ xảy ra ở những nơi tập trung đông du khách nước ngoài như sân bay, khách sạn, nhà hàng, trung tâm lữ hành... mà kể cả những nơi đèo heo hút gió, tiếng nước ngoài vẫn len lỏi chưng ra mọi lúc mọi nơi, trong mọi ngữ cảnh mà tiếng Việt hoàn toàn đủ khả năng diễn đạt. Có điều không phải ai trong số này cũng giỏi tiếng Anh, tiếng Pháp. Phần đông chỉ cố dùng vài từ tiếng nước ngoài để chứng tỏ mình Tây và để hù người khác là chính. Đã thế, nhiều người còn trơ trẽn cho đây là một cách hiện đại hóa tiếng Việt. Nhưng hiện đại kiểu ấy thì... tôi thà mang tiếng lạc hậu để khỏi làm hỏng tiếng Việt.

Tôi nghĩ, đã đến lúc các nhà lập pháp Việt Nam, cụ thể ở đây là Quốc hội, nên ngồi lại bàn bạc và sớm đi đến thống nhất đưa ra một quy chuẩn tiếng Việt bằng Luật hoặc Pháp lệnh, để tránh tình trạng sử dụng tiếng Việt một cách bừa bãi, lộn xộn như hiện nay. Các nhà lập pháp Việt Nam cần hiểu rõ và quy định cụ thể, chặt chẽ cách đặt tên (con) theo chuẩn của người Việt thì như thế nào, tối đa được dùng bao nhiêu chữ? Chứ cái kiểu mạnh ai nấy đặt, đại loại: Honey Tran, Rosa Nguyen, Ninh Trần Nguyễn Quốc..., thì chẳng biết ngôn ngữ Việt sẽ đi về đâu? Nếu là nữ, có bắt buộc tên đệm phải là *thị* hay không nhất thiết phải có *thị*? Còn nhiều, nhiều nữa những bất cập trong văn phạm và chính tả cần phải chú trọng một cách rốt ráo cả trên bình diện giảng dạy cho học sinh lẫn công tác in ấn, xuất bản. Quốc hội sớm chỉ đạo Ủy ban Văn hóa Giáo dục Thanh thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Viện Ngôn ngữ học và các tổ chức xã hội như Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam... có trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Những tổ chức này cần có văn bản yêu cầu, hướng dẫn các biên tập viên các báo, đài, nhà xuất bản đặc biệt hết sức chú ý sửa chữa các sai phạm về chính tả trong sách, báo, tạp chí, bản tin... trước khi đưa đi in, hoặc lên sóng cũng như việc cần hay không cần phiên âm tiếng nước ngoài ra âm Việt. Nếu phiên âm, cần thiết phải thống nhất cách phiên âm, tránh tình trạng mỗi báo, mỗi đài nói một cách, viết một cách. Tôi lấy ví dụ, thủ đô nước Pháp, có báo viết Paris, có báo lại viết Pari, có báo thì viết Ba Lê... Mê-hi-cô là từ người Việt đã quen dùng để gọi tên một quốc gia nằm ở Trung Mỹ, gần đây có đài lại nói là Mexico. Nước Ai Cập, quốc gia nằm ở Bắc Phi, có báo viết là Egypt... Tên những quốc gia, vùng lãnh thổ đã được Việt hóa (Đức, Ba Lan, Pháp, Anh, Mỹ, Thụy Điển, Hồng Kông, Đài Loan...), có nên tiếp tục sử dụng tiếng Việt? Còn tên những quốc gia, vùng lãnh thổ, các thành phố trên thế giới chưa được Việt hóa, cũng cần được thảo luận kỹ lưỡng để đi đến thống nhất nên viết theo tiếng Anh hay tiếng Pháp? Các cơ quan chức năng cần quan tâm chỉ đạo chặt chẽ hơn nữa việc sử dụng tiếng nước ngoài trong quảng cáo, trong việc đặt tên các khu nghỉ dưỡng, khu du lịch, các biển hiệu, nên bắt buộc phải sử dụng tiếng Việt song song với ngôn ngữ nước ngoài. Và, quan trọng nhất, các cơ quan hữu quan phải làm sao cho người trẻ thấy được cái hay, cái đẹp của tiếng Việt; tránh tâm lý tự ti mặc cảm cố hữu ngay trong quan niệm phải nói tiếng nước ngoài thì mới oai, mới sang, mới hiện đại.

Chỉ như vậy, tiếng Việt mới có cơ hội được lành mạnh hóa và dần thoát khỏi nạn lai căng, mất gốc. Khi ấy, người Việt hoàn toàn có quyền ngẩng cao đầu đầy tự tin để hát:

"Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời, người ơi
Mẹ hiền ru những câu xa vời, à à ơi
Tiếng ru muôn đời".

Như trong bài *"Tình ca"* mà cố nhạc sĩ Phạm Duy đã viết ngày nào. ■

Tương lai nào
cho giáo dục mầm non của Phật giáo?

CAO HUY HÓA

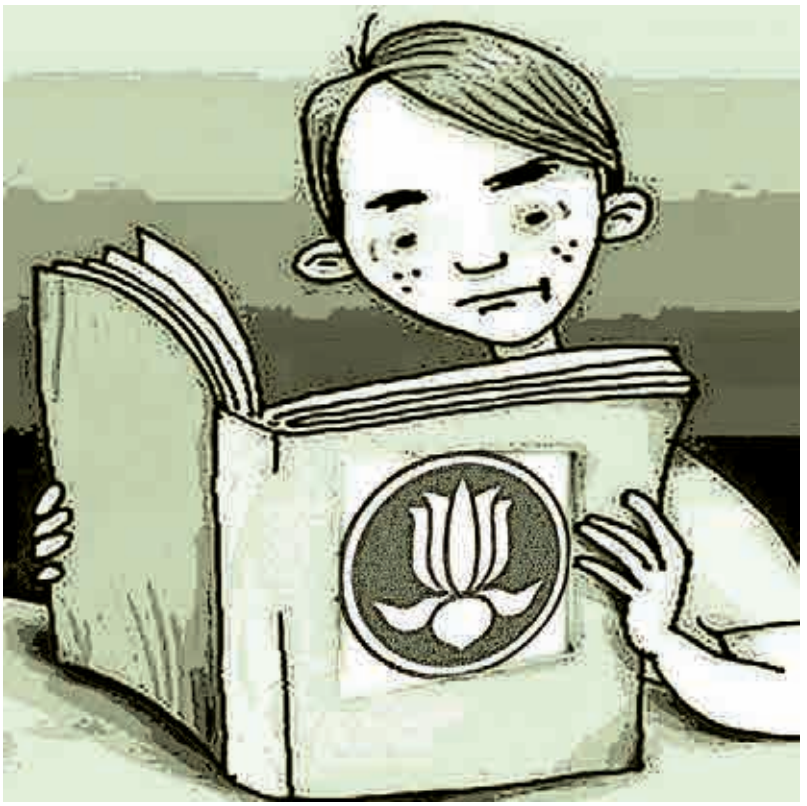

Tôi viết bài này vào ngày kỵ của cố Hòa thượng Thích Đức Tâm (11 tháng Giêng âm lịch), người đã góp phần to lớn vào sự nghiệp chấn hưng Phật giáo, người đã hoạt động không ngừng cho sự nghiệp giáo dục và văn hóa Phật giáo, người đã kề vai sát cánh với các ngài lãnh đạo Phật giáo trong giai đoạn khó khăn sau năm 1975. Đặc biệt, mỗi khi lui tới Trung tâm Văn hóa Phật giáo Liễu Quán, hình ảnh của người luôn luôn sáng rỡ trong tôi như là vị khai sáng, vị giám đốc đầu tiên của trung tâm này, một trung tâm nhắc nhở vai trò văn hóa căn cơ của dân tộc tại đất cố đô.

Thế nhưng lâu nay tôi lại quên, hay nói đúng hơn là chưa thấy đầy đủ hơn vị thầy của chúng tôi; vâng, Hòa thượng nguyên là thầy dạy môn Giáo lý tại Trường Trung học Bồ Đề Thành Nội (Huế); và nếu tôi không lầm, hay tôi có chủ quan, thì Thầy là vị thầy dạy giáo lý hiếm hoi trong hệ thống giáo dục trung học phổ thông của Phật giáo; và chắc chắn là thầy "tự biên tự diễn" khi lên lớp, chứ làm gì có sách giáo khoa, có chương trình từ trên đưa xuống? Một phong thái hiền hòa, gần gũi, một lối nói nhẹ nhàng, thuyết phục, làm cho bất cứ đứa học trò nào, dầu cho hoang nghịch, luôn luôn trở về con người Phật tử để nhận những lời dạy của Thầy, và không những đối với trò, ngay cả người dạy chúng tôi, hình ảnh quý báu của Thầy trong phòng giáo sư đã để lại ấn tượng đẹp mãi đến bây giờ.

Thầy đã gánh vác biết bao Phật sự quan trọng có tầm ảnh hưởng lớn, nhưng Thầy vẫn nhận vai một người thầy giáo khiêm tốn để gieo những hạt giống lành trong tâm hồn thế hệ trẻ; và thật may mắn, trong hoàn cảnh lúc bấy giờ, hệ thống trường Bồ Đề khởi sinh từ Huế đã tỏa rộng trên nhiều tỉnh thành Trung Nam; rồi tiếp đó, song song với trường Bồ Đề, hệ thống các trường mẫu giáo và nhà trẻ Phật giáo đã phát triển khắp nơi, đem lại chất dinh dưỡng tinh thần và văn hóa cho mầm non đất nước, mảnh đất lành cho hạt giống bồ-đề nảy mầm và vươn lên.

Tình thế đã đổi thay, giờ đây không còn các trường Bồ Đề, và hệ thống giáo dục mầm non của Phật giáo chỉ tồn tại phần chính là vì mục đích nhân đạo, từ thiện, tại các địa bàn dân cư khó khăn. Thật quá quý tấm lòng và sự vất vả hy sinh của Ni giới, của quý Sư cô đã xông pha vào lãnh vực khó khăn này; nhưng đã đến lúc mọi người Phật tử đều ý thức rằng, ngoài việc giáo dục vì từ thiện và nhân đạo, còn biết bao nhiêu con trẻ, biết bao phụ huynh đang cần vai trò của quý Ni sư, quý Sư cô trong các trường mầm non tại thành thị và nông thôn; các trường với tính cách chính quy hẳn hoi, với phương tiện dạy học và phương pháp giáo dục hiện đại, với sự đóng góp thỏa đáng của xã hội để cho bước đầu con trẻ phát triển tươi tốt về nhân cách và đạo lý.

Trong một bài đăng trên tạp chí Giác Ngộ ngày 1/12/2014, Hòa thượng Thích Giác Toàn, Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự Trung ương GHPGVN, đã cho biết:

"Trong báo cáo mới đây tại hội nghị nêu trên[1]*, trên địa bàn TP.Hồ Chí Minh có 144 cơ sở giáo dục mầm non do các tôn giáo phụ trách, Công giáo chiếm đa số (141 cơ*

sở), Phật giáo chỉ có 3 cơ sở! Thực tế này không chỉ riêng tại thành phố sôi động nhất nước là TP.Hồ Chí Minh, mà phổ biến ở hầu hết các tỉnh thành khác; ngay tại cố đô Huế, nơi được mệnh danh là trung tâm Phật giáo, có 22 trường mầm non của các tôn giáo thì Công giáo có tới 16 cơ sở, còn Phật giáo cũng chỉ có 6 trường, v.v.

Theo đánh giá chung, có nhiều cơ sở giáo dục mầm non do Công giáo tổ chức đã có sự đầu tư rất lớn về mọi mặt, riêng cơ sở vật chất có nơi đầu tư hàng chục tỉ đồng để xây dựng, và thường các cơ sở trường mầm non đó đều ở trong khuôn viên hoặc nằm ngay bên cạnh cơ sở tôn giáo.

Như chúng ta biết, với nhu cầu của người dân về việc gửi con vào các trường mầm non là rất lớn, và ở tình hình thực tế như hiện nay qua một vài con số trên, người Phật tử dù muốn nhưng rất khó để có thể tìm ra một cơ sở như ý để gởi gắm con cái mình, mà nhiều khi phải bấm bụng đưa vào các cơ sở tôn giáo khác, rồi cũng gặp những chuyện dở khóc dở cười khi các cháu thể hiện những hành vi tín ngưỡng được hướng dẫn hoặc bắt chước một cách tự nhiên, bởi tâm thức trẻ như tờ giấy trắng, hồn nhiên và vô tư…".

Tình hình như thế này, về lâu về dài, làm cho hoạt động giáo dục Phật giáo lu mờ, khiến các Sư cô, vốn rất thích hợp với dạy trẻ mẫu giáo vì giàu tình thương và chịu khó, đã không có "đất" để gieo hạt giống lành, và quý Sư cô phải xa rời hạnh nguyện này. Thực tế là chư Ni ngày càng đông và càng đạt nhiều thành tích trong học tập, đạt được bằng cấp cao, nhưng càng hiếm những vị trẻ dấn thân vào hoạt động xã hội, từ thiện và giáo dục mầm non.

Nhưng đã đến lúc Phật giáo không thể không trở lại giáo dục mầm non với quyết tâm hơn xưa; vì trước hết nhà nước đã khuyến khích các tôn giáo góp phần mở trường, mở lớp để giáo dục con trẻ, như tinh thần của Hội nghị Toàn quốc về Tôn giáo Tham gia Phát triển Giáo dục Mầm non, ngày 8/11/2014 tại TP.HCM. Một thuận lợi nữa là Ni giới đã hình thành tổ chức đàng hoàng, từ trung ương đến các tỉnh thành, sẵn sàng gánh vác trách nhiệm thiết thân này. Chắc chắn các cấp lãnh đạo Giáo hội đã thao thức vấn đề này từ lâu, và nay sự lo toan dần trở thành cụ thể.

Quý thay, Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM đã đi tiên phong bằng cách hợp tác, liên kết với trường Đại học Sư phạm TP.HCM mở khóa đào tạo Cử nhân Sư phạm Mầm non 4 năm, chiêu sinh quý Ni trong cả nước, trước hết là phía Nam. Để khuyến khích người học khắc phục khó khăn vật chất, nhất là những vị ở xa, Ni giới Trung ương và Phân ban Ni giới các tỉnh, thành tài trợ 50% học phí; Hội đồng Điều hành Học viện TP.HCM tài trợ 25% học phí; như vậy người học (và chùa) chỉ còn xoay xở 25% học phí còn lại. Một kỳ thi tuyển đã được tổ chức, và kết quả có 89 chư Ni trúng tuyển (1/3/2015).

TP.HCM với lợi thế là một thành phố lớn, với nhân sự dồi dào và cơ sở vật chất khá đầy đủ chắc chắn lại sẽ đi đầu trong việc triển khai giáo dục mầm non Phật giáo đúng chuẩn, đáp ứng từng bước mong mỏi của các gia đình Phật tử được gởi gắm trẻ nhỏ dưới bóng bồ-đề tươi mát. Về tỉnh Thừa Thiên Huế, khó khăn đang còn chồng chất, ngay cả chư Ni đi học cũng không nhiều. Những người ở phương xa, đến Huế, rất vui mừng tham quan những danh lam cổ tự cổ kính, trang nghiêm, bề thế, những ngôi chùa lớn đã có bề dày lịch sử cũng như những ngôi chùa trùng tu hoặc xây mới sau này, vô cùng uy nghi; nhưng nếu nhìn vào những cơ sở giáo dục mầm non Phật giáo thì hẳn có chút ngậm ngùi, vì nhỏ quá, cơ ngơi không bao nhiêu, diện tích sân chơi quá ít, đồ chơi nghèo nàn. Thế mà quý lắm cho biết bao gia đình khó khăn! Quý lắm cho những vùng xa xôi cách trở! Giờ đây đứng trước nhiệm vụ mới, chính quy, đàng hoàng, cơ ngơi đâu cho giáo dục mầm non? Hòa thượng Trưởng ban Văn hóa Giáo hội tỉnh đã suy nghĩ nhiều về việc hình thành ngôi trường như thế, và cho dầu đất đai đã có, thì vẫn bí về kinh phí. Nếu những doanh nhân thành đạt có đạo tâm, nếu những người trong nước và ngoài nước, từng hết lòng xây dựng các cơ sở thờ tự một cách hào phóng… không ủng hộ thiết thực cho việc xây dựng trường mầm non, thì viễn cảnh giáo dục mầm non Phật giáo vẫn không thể tươi sáng, và như thế có nhiều cháu lớn lên sẽ được cha mẹ đưa vào trường tôn giáo khác, như lâu nay vẫn thế, dầu không muốn cháu về nhà "truyền đạo".

Các trường mầm non Phật giáo, và sau này các trường tiểu học Phật giáo – nếu có – chắc chắn áp dụng hoàn toàn chương trình chính quy của nhà nước, cập nhật phương pháp giáo dục và quản lý hiện đại theo chỉ đạo chung của ngành. Tuy trường ít nhiều mang danh nghĩa Phật giáo, nhưng trường không chủ trương truyền bá đạo Phật cho trẻ thơ, và nếu có chút chất Phật, thì đó chính là không khí trong lành để trẻ phát triển tự nhiên, với sự nuôi dạy tốt, với tình thương bao la và nhẫn nại chịu khó của chư Ni và các cô giáo Phật tử dịu hiền. Trong môi trường như thế, trẻ được học và chơi, cũng đồng nghĩa với được hoằng pháp. Vậy thì hoằng pháp có mặt khắp nơi, và trường mầm non Phật giáo đáng được mọi cấp Giáo hội, mọi người xuất gia và tại gia, những người hằng tâm hằng sản cùng góp phần công đức cho những ngôi trường như thế sớm hình thành. ■

Chú thích:

1. "Hội nghị Toàn quốc về các Tôn giáo Tham gia Phát triển Giáo dục Mầm non", diễn ra vào ngày 8-11-2014 vừa qua tại TP.HCM do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Giáo dục-Đào tạo phối hợp tổ chức, với sự tham dự của đại biểu 12 tôn giáo, đại diện cho các cơ sở từ thiện, giáo dục mầm non trên cả nước.

Niềm ân huệ

của bệnh nan y

NHỤY NGUYÊN

Đã có những bệnh viện và trung tâm lớn hiện đang chữa rất hiệu quả bệnh nan y mà nếu so với phương pháp Thực dưỡng, nó gần như trùng khít. Sự kết hợp giữa Tây y và Thực dưỡng sẽ là năng lượng cho bước tiến dài của ngành y học thế giới.

Nhiều khám phá về y học gần nhất cho thấy, bệnh nan y thực ra không đáng ngại như ta nghĩ. Hiểu nguồn gốc bệnh và đưa ra cách chữa trị hữu hiệu, những căn bệnh từng ám ảnh bao trùm nhân loại sẽ được dỡ bỏ. Sự phát triển của y học hiện đại thật sự thú vị bởi nó "quay lại" tương hợp với triết lý phương Đông từ xa xưa, cụ thể là phương pháp Thực dưỡng đạt đến tinh hoa.

Ngày nay con người quá lệ thuộc vào Tây y, xem nhẹ triết lý phương Đông, đã tự hạ thấp tinh hoa trí tuệ. Bác sĩ Vivien Newbold, giảng viên Trường Y sĩ Cấp cứu ở Mỹ qua nghiên cứu và từ kinh nghiệm bản thân đã rút ra: *"Kiến thức dinh dưỡng hiện đại có thể giúp người ta vượt qua nhiều bệnh, nhưng ăn uống theo phương pháp Thực dưỡng là cách dinh dưỡng duy nhất đảm trách số lớn trường hợp chữa lành nhiều bệnh, trong đó có những bệnh Tây y bó tay!"*.

Thực dưỡng là một lối sống lành mạnh không riêng cho bản thân người thực hành mà còn thiện hưởng đến cộng đồng; nó còn là nghệ thuật về chất lượng sống đưa con người đến an lạc. Theo Tiên sinh ngành Thực dưỡng Ohsawa: *"Trên nguyên tắc thì không cần phải có một kiến thức nào khác hơn Âm Dương để lèo lái con tàu sinh mạng"* và *"Âm và Dương đang vận hành bất tuyệt. Con người phải tỉnh thức để cảm nhận cuộc chơi biến dịch linh đình và thú vị của chúng"*. Chỉ cần điều chỉnh ăn uống, điều hòa âm dương trong cơ thể, tình trạng *đến gần cái chết* sẽ dần hồi sinh. Nguyên lý vô song của Thực dưỡng là *"triết lý rất dễ hiểu đối với những ai sinh hoạt theo lẽ tự nhiên, chưa bị 'khai hóa' nhiều"*. Y học phương Đông xem thiên nhiên chính là người mẹ vĩ đại, là đấng cứu chữa toàn năng. "Bệnh hoạn và khổ đau, cũng như tội ác và hình phạt đều xuất phát từ cách sống sai lầm, nghĩa là cách ăn ở vi phạm Trật

tự Vũ trụ". Một khi bệnh gõ cửa, chính là nhắc nhở bản thân người bệnh đang sai đường; phía trước là vực thẳm. Ăn uống cảm tính sẽ dẫn tới tình trạng máu xấu, chua máu, bệnh từ đó khởi sinh. Khuếch đại một khối u ác tính, sẽ thấy quanh nó hàng tỉ tỉ mao mạch. Kết quả nghiên cứu mới của Đại học-bệnh viện lừng danh John Hopkins: *"Gần như mọi người đều có tế bào ung thư. Nhưng chúng chỉ được phát hiện chừng nào phóng đại lên gấp vài tỉ lần"*. Ăn uống đúng, tế bào ung thư không có cơ hội phát triển; ăn uống sai là tiếp tay cho tế bào ung thư "phóng đại".

Thời nay người đời thường áp dụng ăn theo tiêu chuẩn phân tích vitamin A, B. C…; cái gì "bổ dưỡng" liền được lựa chọn. Kiểu ăn uống "thượng lưu", hệ thống miễn dịch sẽ không đủ sức phong tỏa và tiêu diệt các mao mạch xấu, tế bào ung thư sẽ trương nở, lần mò đến các mao mạch tốt, theo thời gian lưu chuyển tới nhiều bộ phận khác, tức di căn. Thức ăn công nghiệp, đóng gói, thức ăn sẵn sử dụng nhiều hóa chất, thức ăn bán ở vỉa hè vốn nhiều màu mè gia vị độc hại; các thực phẩm bị phun thuốc trừ sâu, thuốc kích thích tăng trưởng; bia rượu, thuốc lá, cần sa ma túy, cà-phê v.v, dùng thường xuyên là tiếp "thức ăn" cho tế bào ung thư hủy hoại chính mình. Cách ăn uống khôn ngoan nhất là theo đúng quy luật Âm Dương, sẽ đưa con người đến sự an toàn và chữa lành gốc bệnh. Nếu vậy cần hiểu thức ăn thức uống nào có tính Âm hay tính Dương. Như đã dẫn, một số thứ nêu trên đều đưa đến kết quả âm; sự bành trướng của tính âm tạo nên cái gọi là *nan y*. Thực tế gọi đúng tên, chúng chỉ là *triệu chứng*, những triệu chứng (*quả*) khác nhau song bắt nguồn từ cái *nhân* trong ăn uống.

Không truy cội gốc, ung thư vĩnh viễn là căn bệnh gieo nỗi kinh hoàng khắp thế giới. Nhiều bác sĩ, tiến sĩ y khoa nghiên cứu về Thực dưỡng từng lên tiếng: *"Thuật ngữ 'bất trị' là ảo tưởng của y khoa hiện đại. Nó là chân lý đặc sắc của các chuyên gia ung thư. Họ tạo nên nỗi ám ảnh về ung thư, hay một sự 'sợ hãi cộng đồng"* và *"Ngăn chặn triệu chứng mà không xử lý gốc rễ nguyên nhân căn bệnh nên chỉ làm cho bệnh thêm trầm trọng"* (Bác sĩ Morishita). Hãy hình dung bệnh nan y như một nhóm mafia sống trên ốc đảo, với đầy đủ sức mạnh và phương tiện di chuyển. Trừ diệt hiệu quả nhất là cắt đứt liên lạc, cắt lương thực; khi đó lẽ nào chúng sẽ ăn đất và không khí để tồn tại? Điều này tương hợp với nguyên lý *"bỏ đói tế bào ung thư"* mà y học phương Tây đã nêu ra và áp dụng rất hiệu quả ở nhiều bệnh viện uy tín.

Đối chiếu vào Thực dưỡng, ta phải cắt các nguồn thực phẩm âm tính; rồi dương hóa cơ thể bằng gạo lứt muối mè; *Trợ phương*: áp nước gừng, dán cao khoai sọ, uống hơi nước hấp cách thủy lá trinh nữ hoàng cung trong nồi đất, v.v. Tiêu chuẩn tối yếu trong Thực dưỡng trị bệnh là *nhai kỹ* cơm lứt, phải thành nước mới nuốt, tức khoảng 120 lần nhai trở lên. Người viết từng tiếp xúc với một hành giả niệm Phật; ăn mỗi chén cơm gạo lứt muối mè thời gian độ 30 phút. Ông bảo nhai một lần liền khởi niệm "Nam", thêm lần nữa là "Mô", thêm nữa là "A", "Di", "Đà", "Phật". Niệm một lượt mười câu tức miếng cơm đó được nhai 60 lần; thường ông niệm vài ba lượt mới nuốt. Thức ăn được nhai kỹ sẽ hút toàn vẹn dưỡng chất, điều mà *nhai dối* không có; tuyến nước bọt tiết ra từ hàm và mang tai sẽ giúp dạ dày đỡ tiêu hóa, nó còn là "bửu bối" của sức khỏe, giúp ngừa và trị bệnh (dưỡng thân); nhai kỹ còn tạo cảm giác thư thái, dưỡng tâm. Nhiều người khác vừa nhai cơm lứt vừa nghe kinh, pháp. Chúng ta từng biết đến *Thiền trong nghệ thuật bắn cung* (tác giả Eugen Herrigel), *Thiền trong hành động* (Meditation in action - tác giả Chogyam Trungpa), và bây giờ: *Thiền trong ăn uống*. Con đường về bờ Giác được rút ngắn.

Điều nan giải: hiếm ai tin và đủ nghị lực theo Thực dưỡng ngay từ lúc bệnh được phát hiện. Thiển nghĩ bàn về Thực dưỡng trong việc đẩy lùi nan y, cũng khó như nói chân lý giải thoát luân hồi với người cố chấp về tấm áo hư danh họ đang khoác. Nói vậy ai cũng dễ gay gắt phản pháo. Họ sẽ mỉa mai, rằng chính bạn đang ảo tưởng. Âm Dương - triết lý tinh tế và thâm thúy trở thành "một cái gì đó dị đoan, thần bí". Họ sẽ giơ ra nào tri thức, tiền tài. Họ nhớ đến những bệnh viện lớn. Và hơn hết, họ cần hưởng thụ trong quá trình điều trị. Ngừng sự khoái khẩu trở thành bóng ma. Nhai gạo lứt muối mè cũng đòi chữa căn bệnh ở thời kỳ con người đã lên thấu mặt trăng? (Cũng như trong giới tu luyện vẫn hoài nghi: chuyên niệm mỗi câu hồng danh "A-di-đà Phật" cũng vượt ra ngoài Tam giới?).

Theo xu thế phát triển của ngành công nghiệp, bệnh chủ yếu do thặng Âm gây ra; bệnh do thặng Dương ít hơn. Trong phân loại Âm Dương, không có loại gì thuần âm và ngược lại. Nói âm tức là âm hơn; dương tức dương hơn. Giữa thức ăn động vật và thực vật, thì thực vật là âm, động vật là dương. Tại sao bệnh nan y do *phát âm* lại ăn thứ âm. Chính là nguyên lý: lấy dương trong âm, cơ thể mới được điều hòa ở mức vi diệu; trong đó không gì sánh nổi gạo lứt muối mè.

Ohsawa từng bị dương quá trong mấy mươi năm, dẫn đến cơn đau dữ dội suốt tháng trời. Rồi cuối cùng ông cũng phán đoán ra. Thuốc là gì? Thật khó tin - đó là một ít rượu whisky *nguyên chất* và ông sảng khoái uống lai rai cả ngày. Lành hẳn. Ngược lại Tiên sinh từng chữa một người bệnh do âm nặng. Được đưa vào bệnh viện mổ, nhưng tình thế càng tồi tệ, mười ngày sau mạng sống của ông ta nguy cấp. Các bác sĩ lắc đầu ái ngại, "nhường" cho Thực dưỡng chữa. Liều thuốc Ohsawa kê chỉ là bảy viên mơ muối ba năm (mang tính dương). Kết quả: mười tiếng đồng hồ sau sự sống con bệnh trỗi dậy. Dĩ nhiên bây giờ đã khác so với thời đại Thực dưỡng được khám phá, thịnh hành. Chẳng hạn sẽ khó kiếm loại lúa trồng không phun thuốc trừ sâu và bón phân hóa học, loại lúa trồng trong phạm vi khoảng 60km cách nơi ta sống; và rau củ có còn siêu sạch? Theo kinh nghiệm của người ăn Thực dưỡng chữa bệnh, hiện chỉ tin tưởng

một số thứ như: quả mít non mua lúc người ta chưa gọt vỏ ngâm vào thau (vì trong nước ngâm có hóa chất tẩy trắng), hoặc trái vả, trái chuối xanh, chiên lên cho vào một ít tương Tamari hoặc tương cổ truyền (tương đậu nành để từ hai ba năm trở lên), tuyệt đối không dùng mì tinh và bột nêm. Hoặc ăn rau hoang, loại rau không chịu bất kỳ tác động nào của con người, nó sống mãnh liệt giữa thiên nhiên, sẽ truyền tinh chất và tinh thần đó vào cơ thể người ăn. Đừng nghĩ đây là cách ăn khổ hạnh. Ai từng theo Thực dưỡng một thời gian, vị giác sẽ khôi phục công năng, chỉ ăn rau luộc chấm muối không cũng rất ngon; còn nếu bỏ thêm mì tinh họ sẽ thấy quá "ngọt", rất lợm. Đây cũng là yếu tố đo lường sức khỏe. Người từng ăn chay trường nhiều năm sau nâng lên ăn chay-Thực-Dưỡng, dẫu có mang đến món chay chế biến đạt mức "sơn hào hải vị" họ cũng chả màng.

Thời @ bệnh nhân chỉ cần lên Google gõ người chữa lành nan y bằng Thực dưỡng, hay những danh sách dài ghi kèm sau một số quyển sách (trong khoảng 300 cuốn sách) của Ohsawa, gọi điện nhờ tư vấn. Họ sẽ giúp bạn nhiệt tình đầy hứng khởi. Vì sao? Bởi họ đã nhận được điều mầu nhiệm, đã thấy ánh sáng từ cõi mù mịt, sẽ rất hân hạnh sẻ chia. Ai do dự, nên xin ở lại nhà những người vẫn theo Thực dưỡng cùng ăn cùng sống với họ. Lúc đó không phải ai khác mà chính bạn chữa bệnh cho bạn. Ý chí. Nghị lực. Tất cả đều sẵn trong mỗi người. Nhưng sức ỳ qua năm tháng, sự giải đãi, chấp chặt về tri kiến và vật chất luôn trì níu ta. Giả như bạn không "nhập lưu" được Thực dưỡng, chưa đắm mình vào không gian nghệ thuật sống này tận hưởng niềm hạnh phúc, mắc bệnh cứ nên "trì giới" nhai gạo lứt muối mè một cách máy móc, đã tốt lắm. Còn bệnh nhân nan y đứng bên vực chết, lại *không thể* [trước hết] nhịn ăn trong ít ngày (theo lời khuyên và tinh thần của tổ ngành Tây y Hippocrate, của Chúa Giêsu, của Thánh Gandhi, của Đức Phật), sau đó thuần ăn gạo lứt muối mè theo số 7 trong mươi ngày, rồi sau nữa [được phép] ăn thêm chút rau củ (số 6)..., sẽ hiểu sâu sắc câu nói của Napoleon "chiến thắng một vạn quân không bằng chiến thắng bản thân mình", và thấm thía nhường nào lời dạy của bậc Toàn Giác: "Kẻ thù lớn nhất đời người là chính mình". Bất lực với chính mình, cái chết bắt đầu ám ảnh. Nỗi ám ảnh về bệnh nan y sẽ tạo nên một quái ác khác: *ung thư ý chí*.

Ohsawa là một tấm gương chói sáng. Ông từng tuyệt thực hai tháng ròng; từng hiến thân cho tế bào ung thư xâm nhập rồi chữa lành làm minh chứng cho Vô Song Nguyên Lý. Với ông: "Ý chí chúng ta là ý chí của toàn vũ trụ. Càng thấu hiểu vũ trụ này vĩ đại, lộng lẫy và vô cùng vô tận thay thì ý chí của chúng ta càng trở nên lớn lao". Bị ung thư lúc còn thanh niên, Ohsawa chẳng những tự chữa lành cho mình, sau này còn chữa cho hàng nghìn người cùng mắc căn bệnh này. Qua châu Âu, Tiên sinh đến nhiều bộ tộc chữa bệnh miễn phí. Những cộng đồng người bao đời sống yên bình, cho đến lúc văn minh phương Tây du nhập với những thức ăn đóng chai đóng hộp và đặc biệt là đường sữa, người dân bắt đầu lâm bệnh thảm khốc. Một dạng viêm nhiễm nền văn minh chồng ngược. Chính Ohsawa cũng mắc căn bệnh *u sang nhiệt đới* mà y học vùng đó từ lâu tránh xa. Ông vẫn bình thản ở lại chịu chung số phận với bao người, bắt đầu chữa cho mình trong thời gian rất ngắn, nhằm khuyên mọi người chỉ cần sống đúng Âm Dương, *bệnh sẽ âm thầm rời bỏ chúng ta như một cuộc chia tay không vướng mắc hận thù*. Đây là cách đối xử hoàn hảo với bệnh, một lối trị liệu đầy nhân nghĩa. Rồi Osawa đến gặp vị bác sĩ giỏi nhất vùng mong tiếp thu Thực dưỡng, hợp tác giúp người. Vị này không dám thừa nhận mình yếu kém. Lắc đầu! Nguyên lý đơn giản trở nên "rất khó hiểu đối với những người đầy ắp định kiến chuyên nghiệp".

Lòng tự cao của nhiều bác sĩ Tây y càng tăng trưởng khi được sự hỗ trợ của phương tiện tân tiến. Trong bảy nấc thang của bệnh, Ung Thư chỉ được Ohsawa xếp thứ ba, thời đó nhiều người lành hẳn trong vài tuần. Mức nặng nhất xếp thứ bảy là bệnh Kiêu Căng Ngạo Mạn, phải mất hàng chục năm trời mới có thể chữa khỏi. Như vậy kiêu căng ngạo mạn ở đây cũng xem là bệnh vật lý cần kê đơn bốc thuốc chứ không đơn thuần tâm lý nữa. Bác sĩ Anthony J. Sattilaro, mắc bệnh ung thư; đương chức giám đốc một bệnh viện lớn ở Philadelphia (Hoa Kỳ) nhưng bất lực, lờ mờ nhìn thấy ngõ cụt cuộc đời. Có người giới thiệu gạo lứt muối mè, ông liền cho đó là "lối ăn uống điên khùng". Nhưng trước đường cùng, Sattilaro cũng thử đọc một cuốn sách xem Thực dưỡng có mang lại điều như người ta ngợi ca. Vẫn hồ nghi, không chịu thực hành. Ông đang muốn ném cuốn sách vào sọt rác, chợt thấy dòng tên của một *bác sĩ*... Hai chữ "bác sĩ" bước đầu dẫn đường ông. Vẫn có bác sĩ Tây y tin Thực dưỡng? Đằng nào thì cũng *"hoặc là chết hoặc là phải thử một cái gì đó khác với những cái mà tôi đã thử"*. Câu chuyện này được Sattilaro kể lại, lan tỏa trên toàn cầu. Và đây là lời chia sẻ tận đáy lòng của ông: *"Chỉ với sự từ bỏ óc vị ngã cố chấp, buông xả sức cưỡng trì cải đổi và mở lòng đón nhận những tặng phẩm mà thiên nhiên ban cho cuộc đời, chúng ta mới hưởng được ân huệ đích thực"*.

Từ năm 1972, trong Luận án Tiến sĩ Y khoa, bác sĩ Nguyễn Văn Thụy đã viết: "Nếu y học hiện đại không thay đổi chiều hướng thì bệnh ung thư sẽ trở thành chứng bệnh hiểm nghèo không những cho con người, mà còn cho cả nền y học vì những ảnh hưởng tai hại của nó trên toàn xã hội. Chính vì vậy mà bệnh ung thư có một sứ mệnh lịch sử cho thế kỷ này, *cái sứ mệnh sửa sai nền y học hiện đại*" (xin được nhấn mạnh - NN). Một cuốn sách về chữa bệnh nan y xuất bản cuối năm 2013, cho biết một bệnh viện ung thư hàng đầu thế giới ở Mỹ qua nhiều năm điều trị ung thư đã đưa ra những kết luận đáng chú ý. Họ cho rằng bằng phương pháp xạ trị và hóa trị, các tia phóng xạ trong khi tiêu hủy các tế bào ung thư cũng đốt cháy gây theo hoặc làm tổn thương các tế bào khỏe

mạnh, các mô và các bộ phận cơ thể khác; đồng thời có thể làm nguy cơ dẫn tới bệnh ung thư máu.

Máu là thành tố tối quan trọng, theo y học phương Đông nó lưu chuyển đến mọi tế bào trong mọi ngóc ngách của cơ thể. Ăn uống chủ yếu ngũ cốc nhai kỹ sẽ cho ra loại máu tốt. Ngược lại dẫu được thần y chữa trị, người bệnh vẫn ăn uống theo hướng trái với nguyên lý Thực dưỡng làm máu xấu, bệnh đó không thể nào trị lành tuyệt đối; cũng như ta chỉ chặt cây chứ không bứng rễ, vừa uống thuốc cai rượu vừa uống rượu.

Không tìm rõ nguồn cơn của bệnh, dẫn tới sự "đè nén lò xo" các loại tế bào; chúng không bị tận diệt lại còn bật lên bệnh khác và cứ thế phân chia mãi ra. Dễ nhận thấy, ai đến bệnh viện đều mua sữa thăm người đau. Phương Tây từ rất lâu rồi đã chỉ mặt đường sữa là kẻ thù của sức khỏe. Nhất là với bệnh ung thư. Người mắc bệnh nan y, đường sữa cần cắt đầu tiên, sau đó là các sản phẩm từ thịt động vật. Đưa sữa vào, xương phải tiết can-xi để trung hòa, gây bệnh loãng xương. Sữa đường chứa hóa chất, nhiều a-xít lại có "công năng" tạo nước (rất âm) còn góp sức phá hủy não trạng, lục phủ ngũ tạng, làm con người ù lì mụ mị. Ở đây không ai muốn triệt tiêu đường sữa, song việc mê tín đường sữa, thổi phồng giá trị của nó hay đúng hơn là quá lạm dụng đã khiến vấn đề thêm nghiêm trọng. Vừa mới đây nghiên cứu của nhóm khoa học người Anh và Đức lại cảnh báo nếu uống sữa nhiều sẽ có nguy cơ tử vong cao. Mặt khác cũng cần hiểu, trí tuệ phần lớn được khởi sinh từ Thiền định, niệm A-di-đà Phật, từ lòng từ bi, từ tâm thanh tịnh không ô nhiễm, từ sự lắng lòng trước mọi bể dâu, chứ không quá đơn giản là sự tẩm bổ tân thời phi Thực dưỡng. Hẳn ít ai cãi lại việc cứ nóng là uống nước đá giải nhiệt; với cơ thể (luôn ở khoảng 37 độ), đó chẳng khác một khuôn mặt đang tươi vui rạng rỡ bỗng bị tạt gáo nước lạnh. Vận động viên thể dục thường ra nhiều mồ hôi, mất muối, tức cơ thể đang Dương suy Âm thịnh, lẽ ra nên uống nước ấm pha muối biển nguyên chất vốn rất Dương và nhiều khoáng chất, lại uống nước ngọt sản xuất kỹ nghệ và nước đá (vốn rất Âm)? Kinh nghiệm của Ohsawa, "một người mắc bệnh thạch huyết, hoặc bần huyết (âm) mà cho nước hoặc nước đá là những thứ âm vào người thì họ có thể chết". Lắng nghe cơ thể, sẽ hiểu đau mắt có thể gốc nằm ở gan; đau tai đau lưng gốc có thể ở thận; thoa dầu và dùng cao dán lưng dài ngày thận phải tiết một loại chất để điều hòa khiến nó cạn dần nhựa sống; uống nước nhiều cũng khiến thận ngập nước, mệt phờ, không còn đủ sức lọc ra loại máu tốt; lạm ăn măng, cà, giá, nấm, bánh kẹo, *trái cây* tươi, những thứ âm này tích đường tạo nước, sẽ khiến cơ thể không điều hòa nổi. Lúc bệnh gõ cửa, không cần biết nguyên nhân, điều người ta nhớ ngay là thuốc tây. Cùng đau dạ dày, song người thì chóng mặt buồn nôn, người kia lại đầy hơi khó thở; gan thận nóng hay lạnh? Chẳng lẽ cứ giơ ra một loại thuốc. Khá nhiều căn bệnh buộc phải uống thuốc trường kỳ. Câu hỏi đặt ra: họ phải dùng thuốc đến bao giờ? Câu trả lời: đến chết, (có thể lắm!). Nói ngược lại, không ăn uống đúng để giảm dần lượng thuốc rồi đi đến cắt khẩu phần của bệnh, nguy cơ họ phải nuôi con bệnh đến lúc xuống mồ, là dễ hiểu. Con cái hễ ho hen cha mẹ liền đưa đi khám, mua một mớ thuốc bắt con uống bằng hết. Rồi họ còn dựng cả tủ thuốc trong nhà; chiếu theo tư tưởng *ý niệm làm chủ* của Phật giáo hay thuyết *niệm lực* trong vật lý lượng tử, ấy là sự đầu hàng con bệnh sớm nhất. Cơn ho dẫu là kinh niên nếu ăn gạo lứt muối mè, chỉ cần thêm vài muỗng bột hạt sen rang với ít cà-phê Thực dưỡng cộng chút muối nấu lên ăn là dứt. Một cơn nóng sốt ọe nôn, một cơn cảm nặng nếu tỉnh táo chỉ cần vài muỗng bột sắn dây (nguyên chất), một muỗng tương lâu năm, một quả mơ muối, vài lát gừng khuấy đều nấu lên uống rồi đắp chăn tránh gió, đợi mồ hôi toát ra thì lau sạch người bằng khăn ấm, vấn đề đã được giải quyết. Ohsawa cũng từng cứu một bệnh nhân chín phần chết một phần sống chỉ với vài thứ "lặt vặt" kiểu như trên.

Chữa bệnh theo Tây y hoặc Đông y hay thuần Thực dưỡng đều tốt, tùy vào mức độ của bệnh, vào hoàn cảnh thực tại, còn tùy thể trạng và duyên, nghiệp người bệnh nữa. Không nên quá chấp vào Thực dưỡng để rồi nhất nhất tuyệt đường tới bệnh viện. Sự phát triển của khoa học y thuật thật sự cần thiết, đã đẩy lùi nhiều căn bệnh, tạo nên tính năng động của xã hội. Một người dẫu là tín đồ của Nguyên Lý Vô Song, trong trường hợp cần thiết cũng nên theo Tây y hay đến Đông y bổ thuốc. Điều thiết yếu tạm thời là biết điều chỉnh trong quá trình chữa trị nên và không nên dùng thứ gì. Đó cũng là biểu hiện của sự hợp tác hiệu quả và vô cùng ý nghĩa giữa Tây và Đông y trong thời đại khoa học kỹ thuật lấn lướt mọi thứ.

Hiểu Âm Dương là hiểu Cơ Thể. Và bên cạnh vật chất, mặt *tinh thần* cũng có âm dương. Ta nghĩ xấu nghĩ ác, nghĩ theo hướng chia rẽ bè phái,… là Âm. Ngược lại, lối suy nghĩ (hành động) theo hướng thiện là Dương. Thế nên nhiều người cầu nguyện, tu Niệm Phật đã lành bệnh nan y, là không có gì lạ.

Hoài nghi, tẩy chay chân lý được gạn lọc qua nhiều ngàn năm, là một dạng bệnh; và một khi niềm tin vẫn lui sụt trước vô vàn minh chứng sinh động về những chân lý ấy, là căn bệnh xuyên thế kỷ. ■

Mang ngöôi trong chieán tranh

HOÀNG TÁ THÍCH

Cách đây không lâu, một chiếc máy bay dân sự của hàng không Mã Lai bị hỏa tiễn bắn rơi ở Ukraine, giết chết gần ba trăm người, làm bàng hoàng cả thế giới. Vùng đất này đang có chiến tranh giữa chính phủ với quân ly khai, và quốc gia có quan hệ trực tiếp về một phía là nước Nga. Nạn nhân là những người vô tội không dính dáng gì đến cuộc chiến này nên đã làm cho cả thế giới sôi động. Và cũng vì vậy mà vụ việc đã được đưa ra quốc tế để quy trách nhiệm cho những phe liên hệ. Dù sao thì cũng đã có gần ba trăm mạng người vô tội không liên hệ đến cuộc chiến đã bị tan xác.

Cách đây mười mấy năm, thế giới cũng đã phải bàng hoàng vì vụ khủng bố 11 tháng 9 lịch sử làm hàng ngàn người Mỹ vô tội thiệt mạng. Không có một quốc gia nào bị kết án, vì đó là tác phẩm của một nhóm khủng bố mà kẻ đứng đầu là Bin Laden. Mấy năm sau thì một nhóm đặc nhiệm của Mỹ đã theo dõi và bắn chết Bin Laden tại Pakistan.

Cả hai sự việc kể trên đều là hậu quả của chiến tranh. Chiến tranh có nhiều hình thức: chiến tranh quy ước, chiến tranh lạnh, chiến tranh ủy nhiệm, chiến tranh ngầm, chiến tranh chủng tộc và cả chiến tranh khủng bố. Bây giờ lại còn có một loại chiến tranh mà bất cứ người nào không liên quan đều có thể chết một cách vô tội vạ, đó là chiến tranh tôn giáo, gọi là "Thánh chiến" của một nhóm người Hồi giáo quá khích.

Một cuộc chiến tranh giữa hai quốc gia xảy ra có thể đem đến cái chết cho hàng triệu người. Những quân nhân đã hy sinh có thể được vinh danh như những bậc anh hùng của bên này hoặc cũng có thể bị nguyền rủa là kẻ sát nhân bởi phe đối nghịch. Dù sao thì họ cũng đã nằm xuống, và chẳng có ai bị quy trách nhiệm cho hàng triệu cái chết đó.

Người Mỹ chấm dứt chiến tranh với Nhật Bản bằng hai quả bom nguyên tử đã làm chết hàng trăm ngàn người vô tội, để rồi thì mọi chuyện cũng rơi vào quên lãng, chỉ thỉnh thoảng lại tổ chức lễ tưởng niệm. Trái lại, trùm Đức Quốc xã Hitler cùng những đồng phạm đã bị toà án quốc tế xét xử như những tội phạm vì đã giết hơn sáu triệu người Do Thái, cũng như Pol Pot phải chịu trách nhiệm vì đã tàn sát mấy triệu dân Campuchia.

Trong khi truy lùng một kẻ khủng bố đã từng giết hàng ngàn người vô tội, nếu những quân nhân đặc nhiệm vô tình bắn phải một thường dân thì chuyện đó được quy trách như một tội ác, và đôi khi trên dư luận quốc tế, quốc gia có liên quan còn chịu những hậu quả về quan hệ quốc tế với những quốc gia khác.

Xem ra như thế thì cũng rất khó để bàn đến chuyện có tội và vô tội. Công luận kết tội những kẻ liên quan đến những cái chết vô tội cũng chỉ là để kết tội trên mặt nhân đạo; vì thực ra thì những cái chết đó đối với công luận cũng chỉ là bàng quan. Lúc xẩy ra vụ 11 tháng 9 ở Mỹ, tôi có một người thân có con làm việc trên tòa nhà cao tầng đó được thoát chết, vì hôm đó người con đến chỗ làm việc trễ mất mấy phút. Bố mẹ người đó lúc vừa trông thấy những hình ảnh vụ khủng bố trên truyền hình, đinh ninh là con mình đã chết, nên ngoài sự đau đớn còn dấy lên niềm hận thù với kẻ đã gây ra tội ác đó. Nhưng khi biết được tin con mình thoát chết, thì không những họ không còn đau đớn, mà cũng không còn lòng hận thù. Cái khác nhau là bản thân mình có liên hệ đến hậu quả những chuyện đó hay không.

Hồi còn trẻ, một hôm tôi đi xem phim với một vài người

bạn, trong đám bạn có một cô bạn gái. Tôi còn nhớ đó là phim *La Mousson*. Trong phim có hai cảnh tượng: một là một đập nước bị vỡ, cuốn theo hàng ngàn người chết; và cảnh thứ hai là một cặp tình nhân phải chia lìa nhau. Thấy cặp tình nhân yêu nhau tha thiết mà phải đau khổ chia lìa, rất nhiều người chắt lưỡi như muốn chia sẻ nỗi khổ đau của cả hai; riêng cô bạn gái trong đám thì nước mắt đầm đìa. Trong khi cảnh hàng ngàn người bị nước cuốn đi chẳng làm cho ai mất một giọt nước mắt nào cả. Lúc ra về, tôi có hỏi đùa cô bạn tại sao lại như thế, cô ta chỉ cười bẽn lẽn và trả lời: "Không biết nữa".

Thế mới biết, có những cái chết của chỉ một người nào đó có thể động vào tâm can sâu thẳm của người khác, và có những cái chết của hàng ngàn người vô can với mình chỉ là một cảnh tượng chết chóc, thương tâm nhưng rồi cũng qua đi.

Những thứ tình cảm bên ngoài tưởng như lòng khoan dung, tha thứ hay thương cảm như trên không phải phát xuất từ Tâm mà chỉ do lòng vị kỷ vì những chuyện đó thực ra không chạm đến bản thân mình.

Một thường dân bị đội đặc nhiệm vô tình bắn chết trong khi làm nhiệm vụ truy lùng khủng bố là chuyện lớn, trong khi một quả bom được thả xuống một vùng chiến trận vô tình giết chết hàng trăm thường dân thì lại là chuyện nhỏ, thế mới là lạ. Mới thấy là có tội hay không, ác hay không cũng chỉ do quan niệm của con người để biện minh mọi hành động đã làm mà thôi; mặc dù đều là việc lấy đi những mạng người.

Gần đây, vụ một người Mỹ đen bị một cảnh sát da trắng bắn chết ở Ferguson, bang Missouri Mỹ tiếp tục gây ra những biến cố làm cho chính quyền Obama phải đối đầu một cách khó khăn. Dân chúng ở thị trấn này phần lớn là dân da đen. Họ đã nổi loạn, đập phá các cửa hiệu và... hôi của. Chuyện dân chúng - hầu hết là da đen - kết án người cảnh sát da trắng để đưa ra vấn đề kỳ thị chủng tộc cũng chỉ là cái cớ để làm loạn. Giá như lãnh đạo người da đen phản đối chính quyền một cách có tổ chức thì không nói làm gì, nhưng đây chỉ là một cuộc nổi loạn vô trật tự để cướp bóc làm mọi người cảm thấy bị đe dọa an ninh. Nói cho cùng, anh da trắng là người Mỹ, anh da đen cũng là người Mỹ, anh da vàng cũng là người Mỹ. Hoa Kỳ là hợp chủng quốc mà. Cảnh sát bắn chết một người da đen vì kẻ này phạm pháp hay bị nghi ngờ phạm pháp, thì cũng là chuyện một người Mỹ bắn chết một người Mỹ, phải trái bên nào chưa biết. Nếu nạn nhân cũng là người da trắng hay ngay cả người da vàng thì có lẽ không có chuyện ầm ĩ. Nhưng đây lại là một anh da đen. Anh cảnh sát có thể bị kết tội vì bắn chết một người không có vũ khí hoặc vô tội, nhưng không thể bị kết tội vì màu da của kẻ bị bắn chết, thế mới là luật pháp. Vậy mà không phải như thế dù chuyện xảy ra ở Mỹ, nơi được coi là tự do nhất trên thế giới.

Không phải là lần đầu mà nước Mỹ bị rối loạn vì cái cớ kỳ thị chủng tộc, và cái chuyện kỳ thị nói cho cùng cũng chỉ là cái nhìn sai lầm về chủng tộc. Tổng thống Abraham Lincoln bị ám sát cũng vì tranh đấu cho dân nô lệ da đen. Sau một quá trình đấu tranh, năm 1963, sinh viên da đen đã được vào đại học. Tổng thống Kennedy bị ám sát một phần cũng vì muốn xóa bỏ nạn kỳ thị chủng tộc. Nhưng bây giờ quân đội Mỹ đã có tướng lãnh da đen, chính phủ Mỹ cũng có viên chức cao cấp da đen, trường đại học cũng có giáo sư tiến sĩ da đen và rõ ràng nhất là tổng thống người Mỹ cũng là một... người da đen. Người da đen hạ tầng nuôi mãi cái mặc cảm chỉ vì phần nhiều họ lười biếng, thiếu đấu tranh để vượt lên khó khăn đạt tới thành quả như người có màu da khác.

Mới đây khủng bố Ả Rập hành quyết dã man một nhà báo Mỹ làm rúng động dư luận cả thế giới. Ấy chỉ vì một bên là bọn khủng bố vốn khét tiếng dã man, một bên là một nhà báo quốc tế, nhưng sự thật thì cũng chỉ là chuyện lấy đi một mạng người mà thôi. Cũng có lúc dư luận thế giới rùm beng vì những tin tức CIA tra tấn "dã man" tội phạm chiến tranh khiến Chính phủ Mỹ bối rối. Thế nhưng trong Thế chiến thứ hai, phát-xít Đức hành hạ, nhổ răng người Do Thái để lấy vàng rồi cuối cùng nhét họ vào phòng hơi ngạt. Tra tấn còn có mục đích tìm ra sự thật, chứ giết người vô tội vạ thì quá tệ. Nhưng Mỹ chịu những dư luận đó chỉ vì Mỹ là cường quốc, thế thôi. Trong bóng tối cũng xảy ra những tội ác dã man như thế. Như ở Việt Nam chẳng hạn, nhưng kẻ giết người không có chiêu bài như bọn khủng bố và nạn nhân cũng không nổi tiếng, mà chỉ là chuyện cha tẩm xăng đốt con cháy như ngọn đuốc hay một thanh niên cứa cổ người tình để cướp của, và diễn ra một cách lén lút, đến khi người ta biết rồi thì cũng sớm đi vào lãng quên. Cũng là chuyện ác đức và cũng là một mạng người, nhưng lại hoàn toàn khác nhau. Chẳng khác gì hàng trăm con gà, con heo bị giết trong lò máy thì không sao; nhưng nếu phải chứng kiến một con vật bị chọc tiết thì không ít người khó chịu vậy.

Cuối cùng, hai chữ "dã man" để kết tội cái dã man của con người lắm khi cũng chỉ là một hình thức bên ngoài, một quy ước do con người đặt ra mà thôi. Thường thì không thể kết luận dứt khoát được cái gì là hợp lý và không hợp lý cả; chỉ vì cái vô minh làm con người không dùng cái Tâm để có thể thấy được biên giới giữa Thiện và Ác mà thôi.

Bây giờ cả thế giới đang sống trong nỗi sợ hãi vì tổ chức Hồi giáo quá khích IS đang có dã tâm gieo rắc sự chết chóc cho những người mà họ gọi là ngoại đạo ở bất cứ quốc gia nào.

Càng ngày càng thấy Phật giáo đúng là một tôn giáo hoàn hảo. Nếu nhân loại có thể thấy được, hiểu được những gì Đức Phật dạy để đưa con người ra khỏi dục vọng đen tối thì có lẽ thế giới sẽ bớt khổ đau hơn. Chỉ có chân lý của Phật giáo với hai chữ "Từ bi" và "Trí tuệ" mới có thể giải quyết được những mâu thuẫn nầy. Chỉ có Từ bi song hành với Trí tuệ mới có thể dẫn con người ra khỏi những dục vọng, những chấp ngã đều là nguyên nhân gây ra chiến tranh, tranh giành nhau những điều mà cuối cùng chỉ đưa con người đến chỗ diệt vong mà thôi. ■

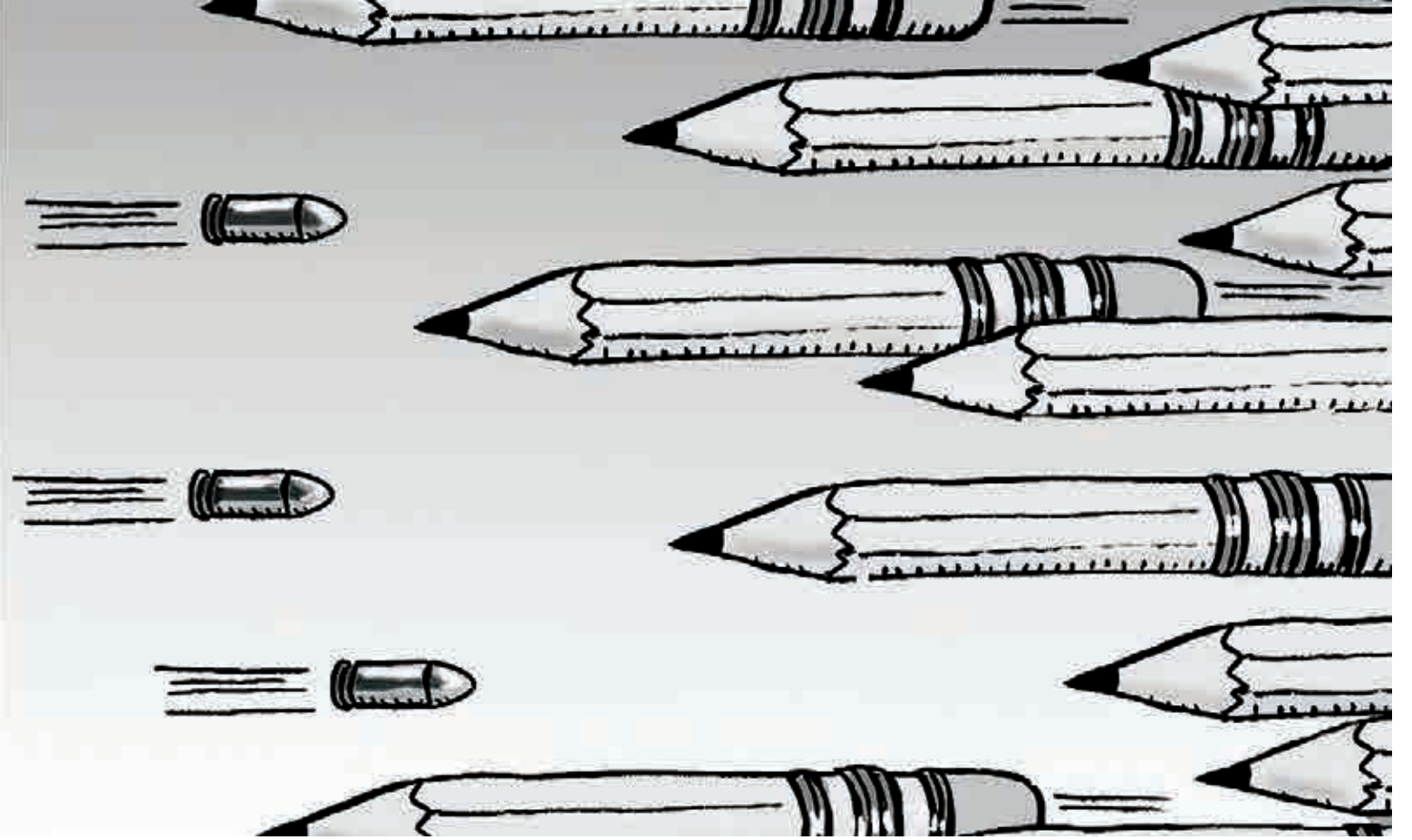

Tôi là cây kiểng có gai

NGUYỄN HỮU ĐỨC

LTS: Nhân sự kiện tấn công tuần báo Charlie Hebdo *ở Pháp ngày 7/1/2015, Phó Giáo sư Tiến sĩ Dược học Nguyễn Hữu Đức phát triển bài viết của ông có tựa đề* Biếm họa: Cây kiểng có gai *đã đăng trên tạp chí* Người Đô Thị *số 23 phát hành trong tuần lễ từ 3-9/7/2014 thành bài viết dưới đây mà* Văn Hóa Phật Giáo *giới thiệu với quý độc giả. Tác giả cũng là một họa sĩ biếm, ký tên* Đức *ở những bức biếm họa xuất hiện trên nhiều tạp chí trong nước.*

Văn Hóa Phật Giáo

Thời gian qua có hai sự kiện cho thấy biếm họa có thể góp phần làm đẹp cuộc sống. Thứ nhất là cuộc triển lãm tranh biếm họa *Hướng về biển Đông* được tổ chức tại Hà Nội vào cuối tháng 6-2014. Khi đó, không ai không thấy phẫn nộ khi chủ quyền biển đảo nước ta bị xâm phạm trắng trợn, và các tranh triển lãm đã khơi dậy lòng yêu nước, sự căm ghét chủ nghĩa bá quyền. thứ hai là vụ đăng cai tổ chức Asiad 18 gây ồn ào trong dư luận đã được kết thúc có hậu. Trước đó, nhiều họa sĩ biếm đã hì hục múa bút để cho dư luận thấy rằng việc tổ chức sự kiện thể thao tầm châu lục này là không thực tế và lạc lõng giữa những cảnh đời khổ sở như cầu treo bị sập làm chết người, cô giáo và học sinh chui vào bao nilon qua suối, nhiều trẻ con ăn cơm không có thịt… Các họa sĩ biếm có thể tự hào về nét bút của mình đã góp phần làm cho bức tranh đời có thêm chút màu hồng, bớt đi chút màu xám. Biếm họa có thể được ví như cây kiểng có gai. Và người vẽ tranh biếm rất mong gai của cây kiểng không làm cho ai chảy máu, chỉ làm người ta nhột để nhìn lại mình, nếu có thói hư tật xấu sẽ sửa chữa để đời đẹp thêm.

Gần đây, vụ tấn công thảm sát ngày 7-1-2015 vào tòa soạn tuần báo biếm *Charlie Hebdo* ở Pháp khiến nhiều người đặt câu hỏi về vai trò của biếm họa trong cuộc sống. Có câu hỏi gợi nhiều suy nghĩ: "Phải chăng biếm họa biểu hiện tích cực nhất cho quyền tự do ngôn luận tuyệt đối và do tận dụng nó mà bốn họa sĩ biếm người Pháp trong số 12 nạn nhân đã bị bắn vào đầu không thương tiếc?".

Trước đây, người viết bài này đã có nhận định về tranh biếm hoàn hảo như sau: *"Ở người phụ nữ gọi là đẹp thật sự, sự phối hợp dáng vẻ kiều diễm, tâm hồn thông minh và cách cư xử đáng yêu là không thể chia cắt. Biếm họa cũng thế, ba yếu tố mỹ thuật, tư tưởng và gây cười là không thể chia cắt, cùng tồn tại và tạo nên bức*

biếm họa hoàn hảo…". Tuy nhiên, giữa biếm họa và cô gái đẹp có sự khác biệt mà nhờ nó, biếm họa là biếm họa. Cô gái đẹp là cây kiểng có hoa rất đẹp, tỷ như cây quỳnh hương đang nở hoa hương sắc vẹn toàn. Còn biếm họa là cây kiểng có gai tua tủa, tỷ như cây xương rồng thân đầy gai nhọn nhưng cũng nở hoa rực rỡ trông thật tuyệt vời. Sự kiện đau buồn *Charlie Hebdo* khiến người viết – cũng là một người vẽ biếm họa – phải suy gẫm, nếu biếm họa được ví như "cây kiểng có gai", gai càng nhọn có nghĩa sự đấu tranh chống lại cái xấu càng sắc sảo (chống cái xấu chứ không chống và làm hại con người), và người vẽ biếm họa rất mong gai của cây kiểng không làm cho ai chảy máu, chỉ làm người ta nhột… thì biếm họa có đáng bị thảm sát không? Chắc là không.

Với trích dẫn trên, người viết muốn mạnh: biếm họa là một bộ phận của mỹ thuật; và với ngôn ngữ đặc trưng, nó đã góp phần đưa mỹ thuật chan hòa và nâng cao chất lượng cuộc sống của con người; bên cạnh đó, biếm họa là con đẻ của báo chí, thậm chí là một loại báo chí rất đặc biệt.

Nói biếm họa là con đẻ của mỹ thuật vì hình hài được cấu tạo bởi yếu tố mỹ thuật hay yếu tố tạo hình. Yếu tố tạo hình được xem như hình thức, phương tiện gây xúc cảm thẩm mỹ của biếm họa. Khác với các bộ môn nghệ thuật tạo hình khác đòi hỏi chủ yếu là phản ánh chính xác, các nhà biếm họa toàn quyền sử dụng các thủ pháp đặc trưng của biếm họa như: phóng đại, bóp méo, phiến diện hóa, lạ hóa hình tượng nhân vật để thể hiện, làm bật lên ý tưởng của mình.

Biếm họa cũng là con đẻ của báo chí bởi vì trong nó luôn có hai yếu tố tạo nên tâm hồn của nó được báo chí gửi gắm và kỳ vọng: yếu tố tư tưởng và yếu tố gây cười. Yếu tố tư tưởng (gọi tắt là ý) được xem như là nội dung, linh hồn của biếm họa. Đây là yếu tố chủ đạo và không có gì đáng ngạc nhiên khi tính trí tuệ càng cao thì tranh biếm họa càng có giá trị. Đối với tranh biếm họa chính trị thì yếu tố tư tưởng càng phải được xem trọng. Nếu đả kích chính trị, biếm họa chỉ làm tròn chức năng đâm thẳng vào địch thủ như con dao nhọn một khi ý tứ đã được mài sắc. Lưỡi dao thật ra vô hình nhưng tác dụng thì có thật. Ở đây cần suy gẫm, để đả kích chính trị (chứ không phải tôn giáo), biếm họa được ví như con dao nhọn thật ra vô hình (vì có đâm vào con người đâu, mà chỉ đâm vào thói hư tật xấu), dùng đâm thẳng vào địch thủ một khi ý tứ đã được mài sắc thì nó có đáng bị nổ súng vào đầu hay không? Chắc là không.

Còn gây cười, đây là yếu tố xác định sự khác biệt giữa biếm họa với các bộ môn nghệ thuật tạo hình khác, nó được xem như lý do tồn tại của biếm họa. Có thể nói cái cười là cơ sở tồn tại của biếm họa. Nếu không tạo được cái cười, một bức tranh sẽ không được thừa nhận là biếm họa, và cái cười được tạo ra bởi biếm họa cũng đa dạng. Đó có thể là tiếng cười ròn rã, là cái nhếch mép với đôi mắt ánh lên niềm vui, nhưng cũng có thể là cái cười bùng nổ trong đầu đem lại sự thích thú ẩn tàng trong khi nét mặt không thay đổi. Vụ thảm sát *Charlie Hebdo* xảy ra vì có những bức biếm họa chẳng mang lại nụ cười cho nhiều người mà lại tạo ra những con người bị tổn thương và sinh ra thù hận.

Một bức tranh biếm họa hoàn hảo phải hội đủ ba yếu tố mỹ thuật, tư tưởng và gây cười. Đối với người xem, rất mong muốn xem tranh và cảm thụ cả ba yếu tố, tức thích thú vì nét vẽ độc đáo, cảm phục vì ý tứ quá thâm sâu, cười nghiêng ngả vì tranh quá hài hước. Họa sĩ biếm họa phải luôn cố gắng trau dồi để tranh đạt: vẽ tốt, ý sâu, gây cười. Vụ thảm sát gây chấn động *Charlie Hebdo* làm người viết ngẫm nghĩ đến những *giới hạn* có thật trong việc múa bút để cho ra đời tác phẩm gọi là biếm họa. Để vẽ tốt, ý sâu, gây cười, nhất là để tranh có ý sâu sắc, chắn chắn nhà biếm họa phải có quyền gọi là tự do ngôn luận. Nhưng tự do ngôn luận dành cho biếm họa có phải tuyệt đối như nhiều người tự xưng "Je suis Charlie" (Tôi là Chalie) đòi hỏi? Liệu có chăng tự do ngôn luận 100% để dựa vào đó gây tổn thương, làm nhục, báng bổ, xúc phạm những gì liên quan đến dân tộc, tôn giáo và văn hóa khác? Trong cuộc sống, ta không thể nào thực hành tự do tuyệt đối để đi ngược lại quy luật tự nhiên mà không bị thiệt thân. Biết rằng "khủng bố" là điều ác không có gì để biện minh, là sự tàn bạo không thể chấp nhận, nhưng không thể đánh đồng những kẻ cực đoan, thậm chí là tuyệt vọng vì niềm tin tôn giáo, với đông đảo con người đại diện cho một tôn giáo thật sự mà xúc phạm những gì đông đảo trân trọng và xem là bản sắc của họ. Chẳng có gì là hài hước và trí tuệ khi châm biếm những gì được xem là bản sắc của một con người mà người đó rất trân trọng. Tự do ngôn luận không thể được đánh tráo bằng tự do xúc phạm các cảm xúc sâu sắc của con người để biện minh cho chính nó. Cũng như biếm họa không thể là phương tiện gieo rắc hận thù tôn giáo, là vẽ trần truồng ai đó vốn linh thiêng với nhiều kẻ khác. Biết rằng tự do ngôn luận thiêng liêng với rất nhiều người nhưng đó không phải là một thứ đức tin phải tôn thờ bằng bất cứ giá nào. Biếm họa có thể là biểu hiện tích cực nhất cho quyền tự do ngôn luận nhưng không phải tuyệt đối mà có những *giới hạn* xuất phát từ lòng từ bi và tâm trí huệ. Nghệ thuật tạo ra cái đẹp và Vincent Van Gogh đã cho rằng không có gì mang tính nghệ thuật hơn là yêu người khác. Người vẽ biếm họa phải biết tự giới hạn vì lòng yêu người khác.

Chính vì những điều kể trên, nếu "Je suis Charlie" ngụ ý bảo vệ tự do ngôn luận tuyệt đối, là sự khiêu khích vì bản thân sự khiêu khích, là đồng nghĩa với biếm họa khiếm nhã thì người viết, mặc dù rất đau buồn trước sự kiện *Charlie Hebdo*, không tự nhận như thế đâu. Mà "tôi là cây kiểng có gai" (Je suis un bonsai épineux), thế thôi. ■

Tượng thờ trong Miếu Bà chùa Phước Lâm

Vết tích văn hóa Chăm trong Phật giáo Quảng Nam-Đà Nẵng

Bài & ảnh: **LÊ XUÂN THÔNG**

Quảng Nam-Đà Nẵng, ở phía Nam đèo Hải Vân, vốn là đất cũ của người Chăm. Đến cuối thế kỷ XV, những đoàn di dân người Việt mới đến đây khai phá, lập làng xã; và theo một nghĩa nghiêm ngặt nhất, lúc bấy giờ, vùng đất này mới thực sự hoàn toàn thuộc về quốc gia Đại Việt.

Như một lẽ tự nhiên, những di dân mở đất đã mang theo hành trang văn hóa vùng đất gốc từ phía Bắc dãy Hoành Sơn để xây dựng cuộc sống mới, và họ cũng "mở lòng" đón nhận hoặc thừa hưởng di sản văn hóa mà lớp chủ nhân trước – những người "khác mình" – để lại. Nói rõ hơn, trên vùng đất này đã diễn ra các hiện tượng tiếp biến, giao thoa và hỗn dung về mặt văn hóa giữa các tộc người, mà trước hết và nổi trội hơn cả là giữa hai tộc Việt – Chăm, ở nhiều lĩnh vực như nghệ thuật, ngôn ngữ, ẩm thực, tín ngưỡng và cả tôn giáo. Với Phật giáo Quảng Nam-Đà Nẵng, chúng ta có thể nhìn thấy những vết tích văn hóa Chăm đọng lại, là kết quả của các hiện tượng nói trên ở một số lĩnh vực. Bài viết này sẽ đề cập việc sử dụng lại di tích Chăm để xây dựng chùa chiền và việc thờ tự các vị thần trong văn hóa Chăm hoặc có nguồn gốc Chăm.

1. Người Việt khi đến vùng đất mới, cùng với quá trình mở mang cương vực, dựng xây làng xã… đã quan tâm thiết lập các thiết chế văn hóa tín ngưỡng nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần của kẻ tha phương lập nghiệp. Đình, chùa, miếu… lần lượt mọc lên. Để xây dựng những công trình như thế, theo truyền thống, người Việt có sự lựa chọn vị trí, địa thế mà họ cho là phù hợp, dĩ nhiên không thể thiếu yếu tố dịch lý và thuật phong thủy. Và, trong sự lựa chọn đó, lạ lùng thay, đã xảy ra sự tương hợp giữa hai tộc người, khi không ít những nơi vốn là công trình văn hóa của người Chăm đã được người Việt tiếp nhận để xây dựng công trình tín ngưỡng cho riêng mình.

Với chùa làng, có thể dẫn chùa An Sơn làm một ví dụ. Chùa tọa lạc tại phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, cách trung tâm hành chính thành phố khoảng 8km về phía Tây. Cho đến nay, chúng tôi chỉ đủ căn cứ xác định ngôi chùa này có lịch sử thời Thiệu

Trị, năm 1842, mặc dù theo dân gian và một vài tài liệu xuất bản gần đây, nó phải được xây dựng từ thời chúa Nguyễn (thế kỷ XVII). Những năm cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, khi tiến hành xây dựng lại ngôi chùa mới, nhiều di vật văn hóa Chăm đã được phát hiện. Hiện vật gồm có:

- Bốn trụ đá sa thạch hiện được nhà chùa chôn xuống đất làm trụ cờ, trong đó có hai trụ dài ở giữa chạm khắc hoa văn xoắn kết thành từng băng chạy chéo quanh thân trụ. Đây được coi là hai cột cửa của vòm cửa dẫn thuộc kiến trúc tháp Chăm. Hai trụ ngoài ngắn hơn, có mặt cắt hình tứ giác;
- Bảy chân đá tảng kê cột thiết diện hình vuông và một chân đá tảng kê cột thiết diện hình tròn; tất cả đều bằng sa thạch màu nâu xám;
- Hai cột cửa tháp, cũng bằng đá sa thạch màu nâu xám;
- Một bệ yoni khối vuông, kích thước lớn (114cm x 114cm x 16cm), chính giữa mặt bệ có họng hình vuông để dựng thành phần phía trên vào;
- Một viên gạch màu đỏ kích thước 32cm x 17,5cm x 6,5cm.

Ngoài ra, trong khuôn viên chùa hiện tại vẫn còn cái giếng Chăm và ngôi miếu thờ thần Thiên Y A Na, trong đó đặt một pho tượng thần Shiva kích thước nhỏ đã được người Việt sửa lại.

Đó là những chứng cứ xác quyết về một công trình kiến trúc của người Chăm ở đây trong quá khứ, niên đại khoảng thế kỷ IX-X.

Không chỉ có chùa làng do cư dân thuộc các làng xã xây dựng trên những di tích Chăm, mà ngay cả các tự viện do các thiền sư tạo lập cũng được hình thành tương tự; thậm chí, hiện tượng này còn cho thấy đó là một sự kế thừa hết sức tương hợp. Ngũ Hành Sơn là một dẫn dụ điển hình.

Ngũ Hành Sơn thuộc làng Quán Khái, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, cách trung tâm thành phố khoảng 8km về phía Đông nam. Ở đây có sáu ngọn núi đá vôi gồm Thủy Sơn, Mộc Sơn, Kim Sơn, Âm Hỏa Sơn, Dương Hỏa Sơn và Thổ Sơn, với nhiều hang động hết sức kỳ thú, là một danh thắng nổi tiếng cả nước. Quanh chân núi có hai di tích khảo cổ học Vườn đình Khuê Bắc và Nam Thổ Sơn cho thấy đây là nơi sinh sống của người Chăm vào khoảng các thế kỷ I–II và IX-XI. Còn trên các ngọn núi, đặc biệt tại Thủy Sơn, là hàng loạt các di tích, di vật cũng thuộc văn hóa Chăm mà từ đầu thế kỷ XX đến nay đã được những người Pháp và người Việt ghi chép, khảo cứu. Rõ ràng, các ngọn núi Ngũ Hành Sơn đã từng là một trung tâm tín ngưỡng của người Chăm.

Sau khi thuộc về Đại Việt, Ngũ Hành Sơn lại trở thành một trung tâm Phật giáo quan trọng trên vùng đất Quảng Nam-Đà Nẵng trong suốt chiều dài lịch sử. Chính nơi đây là những điểm đến của nhiều danh tăng cả người Việt và người Trung Hoa để tu trì, xây dựng chùa chiền, tôn tạo tượng Phật làm cho Phật giáo nhanh chóng cắm rễ sâu và lan rộng ảnh hưởng trong các miền đất lân cận.

2. Ngoài việc thừa hưởng, tiếp nhận di tích Chăm để xây dựng cơ sở thờ tự và tu trì, Phật giáo Quảng Nam-Đà Nẵng còn tiếp nhận và thờ tự các vị thần trong văn hóa Chăm hoặc có nguồn gốc Chăm, tiêu biểu là tín ngưỡng Thiên Y A Na, tạo thêm một nét khác trong sắc diện của Phật giáo nơi đây so với đất Bắc.

Cho đến nay, giới nghiên cứu văn hóa đều thống nhất cho rằng Thiên Y A Na vốn là Mẹ xứ sở mà người Chăm tôn xưng là Pô Inư Nagar, được người Việt tiếp nhận trong quá trình tương tác văn hóa giữa hai dân tộc. Ngoài cách gọi trên, thần còn được gọi với nhiều danh hiệu khác như Thiên Y A Na Chúa Ngọc, Thiên Y Thánh Mẫu, Ngọc Phi, Bà Chúa Ngọc hay đơn giản và dân gian hơn là Bà Chúa, Bà Ngọc. Nơi thờ Bà được người dân Quảng gọi phổ biến là miếu Bà Chúa Ngọc, miếu Bà Ngọc hoặc miếu Bà.

Từ một vị thần có nguồn gốc Chăm được Việt hóa và trở thành mẫu thần quan trọng trong tín ngưỡng dân gian, Thiên Y A Na đồng thời cũng là vị thần được tôn kính trong Phật giáo Quảng Nam-Đà Nẵng, thể hiện ở sự tồn tại của các miếu thờ thần trong ngôi chùa và những hành vi tín ngưỡng của tín đồ Phật giáo. Dưới đây là những minh chứng.

Chùa Phổ Khánh nằm ở thôn Nghĩa Nam, xã Đại An, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, cách thị trấn Ái Nghĩa – trung tâm hành chính huyện Đại Lộc – khoảng 4km về phía Nam, và cách thành phố Đà Nẵng khoảng 30 km về phía Tây Nam. Đây là một ngôi chùa làng được xây dựng từ khoảng nửa sau thế kỷ XVII[1], một trong những ngôi chùa có lịch sử lâu đời và còn giữ được lối kiến trúc nhà rường đặc trưng xứ Quảng. Nằm chếch về phía trước, bên trái tòa chính điện có một ngôi miếu nhỏ. Miếu có mặt bằng 2m x 3m, xây gạch, kiến trúc theo lối vòm cuốn – một kiểu kiến trúc phổ biến thời Nguyễn (cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX). Trong lòng miếu, chính giữa là khám thờ đặt một pho tượng nữ thần bằng sứ, kích thước nhỏ, cao 30cm. Tượng còn rất mới. Người dân địa phương cho biết đây là miếu Bà, thờ một vị thần người Chăm, rất linh ứng. Cùng thuộc huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, từ thị trấn Ái Nghĩa ngược lên phía Tây khoảng 8km có ngôi chùa Phước Định thuộc thôn An Định, xã Đại Đồng. Theo văn bia lập năm Duy Tân thứ 6 (1912) hiện còn đặt tại chùa thì đây nguyên thủy là một ngôi chùa làng có từ lâu đời, đã được trùng tu vào năm Tự Đức thứ 30 (1877) nhưng chưa đủ tôn nghiêm, nên đến năm Duy Tân nguyên niên (1907) việc tôn tạo lại được tiếp tục và hoàn chỉnh. Chùa cũng có một ngôi miếu Bà nằm phía trước góc phải nhà chính điện, quay mặt ra ngoài. Không giống với miếu Bà chùa Phổ Khánh còn giữ được lối kiến trúc cổ, miếu Bà ở đây vừa được xây dựng lại bằng xi-măng cốt sắt, song

quy mô mặt bằng cũng chỉ 6m^2. Nóc mái gắn lưỡng long triều nguyệt theo kiểu hồi long. Trong lòng miếu đặt một bàn lễ chính giữa; sát tường sau là một ban thờ xây gạch nằm ngang, ốp gạch men khang trang. Trên ban thờ có cả thảy bảy pho tượng nhỏ, đều là nữ thần mà theo lời Đại đức Thích Hạnh Quang – trú trì chùa – thì ở giữa là tượng Diêu Trì Kim Mẫu, bên trái là tượng Bà Chúa Xứ, còn năm tượng bên phải là Ngũ Hành Nương Nương. Song, cũng theo vị sư trú trì, những pho tượng này là do một tín hữu của chùa, quê tại địa phương nhưng đã vào định cư tại thành phố Hồ Chí Minh sau năm 1975, mang về cung tiến khoảng cuối thập niên 80 của thế kỷ XX, chứ xưa kia miếu không có tượng thờ. Rồi ông kể thêm về nhiều chuyện linh ứng của một nữ thần và các hoạt động cầu cúng của người dân địa phương tại miếu mà khi còn nhỏ ông thường được nghe và chứng kiến[2]. Những điều ông kể, nói chung không khác mấy với những gì mà chúng tôi đã nghe, đã biết về Bà Chúa Ngọc trong quá trình điền dã tại Đà Nẵng và một số làng xã ở các huyện Điện Bàn, Duy Xuyên, và Đại Lộc của tỉnh Quảng Nam. Rõ ràng, cho dù ngày nay do quá trình giao tiếp văn hóa mạnh mẽ giữa các vùng miền, nguồn cung cấp tranh tượng thờ tự rất đa dạng, nên việc an trí nhiều tượng nữ thần với nhiều kiểu thức khác nhau vào điện thờ diễn ra phổ biến, gây nên những khó khăn nhất định cho người nghiên cứu, nhưng từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau, đã cho phép khẳng định, trong truyền thống, vị thần chủ ngự trị tại ngôi miếu này không ai khác ngoài thần Thiên Y A Na.

Rời miền trung du Đại Lộc xuôi về đô thị Hội An miền hạ du, chúng ta bắt gặp miếu Bà Thiên Y A Na trong các ngôi cổ tự lớn của Phật giáo Quảng Nam-Đà Nẵng, đó là chùa Chúc Thánh và chùa Phước Lâm. Chùa Chúc Thánh (thuộc phường Tân An, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam) là một tổ đình khai tông của thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh, do danh tăng Minh Hải Pháp Bảo khai sơn vào cuối thế kỷ XVII. Còn tổ đình Phước Lâm (thuộc phường Cẩm Hà, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam) do danh tăng Thiệt Dinh – Ân Triêm (thế hệ thứ hai của thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh) khai sơn vào khoảng nửa đầu thế kỷ XVIII. Tại chùa Chúc Thánh, miếu Bà nằm phía sau lưng thư viện, bên phải tiền đường, mặt bằng khoảng 3m x 3,5m, xây gạch, lợp ngói âm dương. Trong lòng miếu thờ sáu pho tượng nhỏ trong tư thế ngồi mà theo nhà chùa đó là các nữ thần Thiên Y A Na và Ngũ Hành. Với chùa Phước Lâm, việc thờ thần Thiên Y A Na đã được ghi rõ trong bản kê của vị sư trú trì tục danh là Lê Văn Thể (Chân Thể - Đạo Viên – Phổ Minh) ngày 29 tháng 1 năm Khải Định thứ 8 (1923)[3]. Bấy giờ gọi là Thiên Y miếu, thờ gồm cả Ngũ Hành và Thổ Địa. Ngày nay, miếu nằm phía bên phải trước tòa tiền đường chùa. Trong miếu có hai lớp tượng: phía trong, chính giữa là tượng Thiên Y A Na ngồi trên ngai, choàng áo đỏ, đội mũ hoa, hai bên là tượng Cậu Tài, Cậu Quý đứng; lớp ngoài, thấp hơn là sáu pho tượng ngồi nhỏ.

Trở lại với chùa An Sơn và Ngũ Hành Sơn. Tại đây không chỉ có sự tiếp nhận các thần linh Chăm hay nguồn gốc Chăm, mà nó còn thể hiện cách phối trí thờ tự với sự đan xen, dung hợp rất thú vị.

Như đã trình bày ở phần trước, trong miếu Bà chùa An Sơn, trước đây có thờ pho tượng thần Shiva. Do tượng bị gãy mất đầu và tay trái nên nhà chùa đã tô đắp thêm bằng thạch cao. Lâu ngày, phần đắp thêm bị vỡ, năm 2014, nhà chùa đã thay thế bằng một tượng gỗ theo mô thức của pho tượng cũ[4]. Tuy vậy, xin nói thêm là đặc điểm nhân diện của pho tượng lại thể hiện rõ yếu tố của tượng Phật giáo Việt hiện đại với khuôn mặt bầu bĩnh, mắt khép hờ, miệng vừa, môi mỏng. Trước ban thờ Shiva là ban thờ thần Thiên Y A Na với một pho tượng tương tự như ở chùa Phổ Khánh và chùa Chúc Thánh. Đặc biệt, về phía đối diện trong cùng không gian nội điện chật hẹp của miếu, lại đặt một ban thờ tượng Bồ-tát Quan Âm đứng, tay cầm bình cam-lồ. Hiện tượng này cho thấy có một sự hòa hợp giữa các tín ngưỡng tôn giáo, hầu như giúp cho tín đồ khi đến đây cầu cúng có cảm giác được tăng thêm sự chở che của nhiều thế lực siêu nhiên chứ không phải là sự đối chọi quyền uy.

Với Phật giáo ở Ngũ Hành Sơn, dưới triều Nguyễn, những ngôi chùa ở đây đều được liệt vào loại chùa quan do nhà nước bao cấp và quản lý, nên việc thờ tự bao giờ cũng phải được triều đình chuẩn y. Và, thần Thiên Y A Na cùng nhiều vị thần khác cũng đều được phối hưởng sự thờ tự bên cạnh những vị Phật và Bồ-tát. Lúc bấy giờ, trong động Huyền Không – nơi có miếu thờ Thiên Y A Na như ta thấy hiện nay – được gọi là chùa Trang Nghiêm, gồm có nhiều án thờ tôn trí các vị như Phật Thích-ca, Phật A-di-đà, Phật Di-lặc; các Bồ-tát như Văn Thù, Phổ Hiền và Quán Thế Âm; các vị Hộ Pháp; lại có cả các vị như Ngọc Hoàng, Bà Chúa Ngọc, Bà Chúa Xứ[5], Thiện Hữu, Ác Hữu. Sau hơn một trăm năm biến động, không còn ai biết đến tên gọi chùa Trang Nghiêm; cách thức thờ tự ở đây cũng đã đổi khác nhiều; nhưng riêng vị thần Thiên Y A Na thì vẫn được phối hưởng sự thờ tự với chư Phật và Bồ-tát.

Hãy xem cách thức thờ tự ở động Huyền Không hiện nay: nhìn lên cao, lưng chừng vách động đối diện với lối vào, là tượng Phật Thích-ca ngồi kiết già. Thấp xuống dưới, sát với vách động bên trái tượng Phật, là miếu Bà Chúa Xứ, đến một ngôi miếu nhỏ ba gian thờ Bồ-tát Quan Âm ở gian chính giữa, hai bên là tượng người hầu và Quan Thánh; còn sát vách động bên phải là miếu Bà Chúa Ngọc, rồi đến miếu Quan Thánh ngoài cùng. Chính giữa sân động, nằm trên trục ngang với miếu Chúa Ngọc và Chúa Xứ là án thờ Bồ-tát Địa Tạng. Ở lối cửa động là bốn tượng hộ pháp Thiện và Ác. Qua sự sắp đặt thờ tự này, dễ dàng nhận thấy một mối quan hệ trên dưới gần gũi giữa thần Thiên Y A Na và Phật, cũng như vai trò của thần đối với Phật giáo – thần được xem như một vị Bồ-tát hộ trì Phật pháp, dĩ nhiên là bằng thần lực

và cách xử sự của một vị thần thượng đẳng trong tâm thức dân gian. Sau đây là một chi tiết mà Alber Sallet đã ghi lại trong tập ghi chép của ông về Ngũ Hành Sơn vào đầu thế kỷ XX. "Người ta kể là có một chàng trai gây thiệt hại cho chùa Tam Thai bằng cách ăn trộm trầu của nhà chùa, cậu ta bị bắt ngay lập tức, bất động, ngồi trơ một cục, không nhúc nhích, dường như bị trói bởi một sợi dây vô hình. Bà con khiêng cậu ta đi. Bà Ngọc giao trách nhiệm cho các đệ tử vô hình dưới quyền bà trừng phạt tên trộm. Và sau khi đã cúng cầu trân trọng thì bà mới tha cho". Kỳ lạ, tại sao tên trộm lấy cắp của nhà chùa mà lại bị bà Ngọc (Thiên Y A Na Chúa Ngọc) trị tội?

Đã có miếu thờ ắt hẳn phải có niềm tin và nghi lễ. Ở bất cứ ngôi chùa nào có Bà thì ở đó, từ xưa đến nay, ngoài việc cầu bái gần như thường xuyên của đạo hữu thập phương, đối với nhà chùa, họ cũng soạn bày lễ vật chay cùng hương hoa dâng cúng, nhất là vào các ngày sóc, vọng hay dịp lễ của chùa. Tại miếu Bà chùa Phước Lâm, hiện nay thường có các đôi vợ chồng hiếm muộn đến đây cầu tự, mỗi lần như thế đều có sư tăng trong chùa ra hộ niệm.

Đặc biệt nhất, cũng từ trong bài viết của A. Sallet về Ngũ Hành Sơn, cho biết một nghi lễ hết sức đặc trưng, đó là "lễ thề gà trống". Lễ thề gà trống được thực hiện khi có sự kiện tụng lẫn nhau giữa các người dân có nảy sinh một vấn đề mâu thuẫn nào đó mà một bên bị cho là giả dối. Để thực hiện buổi lễ, "Các bên tranh nại đi theo thầy tu mặc áo lễ vào trong động lớn nhất, đến trước pho tượng đá uy nghi của Thiên Y A Na - Chúa Ngọc, tức là tượng bà Ngọc Phi, để thực hiện nghi lễ. Con gà trống với cái cổ bị cắt được mang đến dâng lễ, và máu của nó được đựng trong một cái bát trước pho tượng. Người nguyên cáo hay khiếu nại cầu khấn nữ thần chứng tri và khẩn khoản nói với đối phương: "Nếu những lời nói mà đằng ấy sắp nói ra là sai và xấu thì máu này đối với đằng ấy là thức độc ghê gớm làm chết người tức khắc". Và đối phương nói lại: "Nếu lời thề mà không đúng với lẽ công bằng, và không đúng với sự thật thì người thề sẽ phải chịu chết". Người ta tạ ơn sự tham dự tự tại của bà Chúa Ngọc bằng cúng lễ hương đèn; và thầy tu nhận được cái trả ơn công lao cho hội Phật". Lại một câu hỏi nữa được đặt ra: thật lạ lùng, một nghi lễ diễn ra trước một vị thần ngoại đạo, ít nhiều mang yếu tố ma thuật mà lại được chủ trì bởi nhà sư Phật giáo?

Tất cả đều không thể trả lời được nếu không thừa nhận rằng, Thiên Y A Na – vị thần gốc Chăm này – không chỉ ngự trị trong tín ngưỡng dân gian mà còn in hằn vào Phật giáo Quảng Nam-Đà Nẵng. Chúng tôi cho đó cũng là điểm rõ nhất trong những vết tích bàng bạc của văn hóa Chăm trong Phật giáo xứ Quảng. ■

Chú thích:

1. Căn cứ vào văn bia chùa Phổ Khánh hiện vẫn còn tại chùa. Bia lập năm 1678, nội dung nói về việc dâng cúng ruộng vào chùa của các tín hữu. Văn bia bằng chữ Hán - Nôm; được phiên dịch bởi Thạc sĩ Đinh Thị Toan. Từ đây, các tài liệu chữ Hán – Nôm được dẫn trong bài viết đều do Đinh Thị Toan phiên dịch.
2. Đại đức Thích Hạnh Quang năm nay 83 tuổi, là người địa phương (thôn An Định, xã Đại Đồng).
3. Tài liệu bằng chữ Hán ghi trên giấy dó, hiện được lưu trữ tại chùa Phước Lâm.
4. Pho tượng đá đã được chuyển về lưu giữ tại Bảo tàng Điêu khắc Chăm trong năm 2014.
5. Dân gian thì gọi là Bà Lồi Phi, được cho là có quan hệ chị em với Bà Chúa Ngọc.

Tài liệu tham khảo:

Tiếng Việt

1. Lý Kim Hoa (2003), *Châu bản triều Nguyễn - tư liệu Phật giáo qua các triều đại nhà Nguyễn 143 năm từ Gia Long 1802 đến Bảo Đại 1945*, Nxb Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội.
2. Sallet, A (2002), "Núi đá hoa cương (Ngũ Hành Sơn)", *Những người bạn cố đô Huế (B.A.V.H)*, tập XI, 1924, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.5-209.
3. Võ Văn Thắng (chủ biên) (2014), *Di tích Chăm tại Đà Nẵng và những phát hiện mới*, Nxb Đà Nẵng.
4. Lê Xuân Thông (2013), "Chùa dân gian ở Đà Nẵng dưới triều Nguyễn (thế kỉ XIX)", *Huế Xưa & Nay*, số 117, tr.68-76.
5. Lê Xuân Thông (2014), "Ngũ Hành Sơn: Một trung tâm Phật giáo của Quảng Nam-Đà Nẵng thế kỷ XVII", *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 7, tr.66-77.
6. Lê Xuân Thông (2014), "Đất cổ Ngũ Hành Sơn trong tiến trình Phật giáo Quảng Nam-Đà Nẵng", *tạp chí Khoa Học Xã Hội*, số 9, tr.71-78.
7. Trung tâm Quản lý Di sản Văn hóa Đà Nẵng, Viện Khảo cổ học (2014), *Quy hoạch các địa điểm khảo cổ thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2015 – 2020*, tài liệu đánh máy lưu tại Trung tâm Quản lý Di sản Văn hóa Đà Nẵng.

Chữ Hán - Nôm

8. Lê Văn Thể (1923), *Bản kê việc thờ tự và tôn tạo chùa Phước Lâm*, tài liệu viết trên giấy dó, chùa Phước Lâm, Cẩm Hà, Hội An, Quảng Nam.
9. *Văn bia chùa Phổ Khánh* (1678), chùa Phổ Khánh, Đại Hòa, Đại Lộc, Quảng Nam.
10. *Văn bia chùa Phước Định* (1912), chùa An Định, Đại Đồng, Đại Lộc, Quảng Nam.

Di vật Văn hóa Chăm chùa An Sơn

Dòng sông "nắng đục mưa trong!"

Bài & ảnh: **TÔN THẤT THỌ**

Đầu thế kỷ XIX, sau khi thống thống nhất đất nước, cùng với việc kiến thiết xây dựng kinh đô, củng cố triều chính, phát triển kinh tế, vua Gia Long (1802-1820) sắc cho Bộ Công đào sông An Cựu theo ước nguyện của dân trong vùng. Đến thời vua Minh Mạng (1820-1840), vua đã đặt tên sông là "Lợi Nông"(Lợi Nông hà), đồng thời căn dặn: "Hãy làm lợi cho nông dân, đã có danh thì lo lấy phận"…

Sông An Cựu đầu thế kỷ XX

Sông An Cựu (Lợi Nông) nằm về phía Nam thành phố Huế, là một chi lưu của sông Hương đổ ra đầm Hà Trung – một đầm nằm trong hệ thống đầm phá Tam Giang-Cầu Hai, thông thương với biển Đông bằng hai cửa Thuận An và Tư Hiền. Khi chưa có con sông này, cả vùng đất An Cựu đều bỏ hoang, mỗi năm đến mùa hè, nước biển tràn về, đất đai thành hoang phế!

Sách *Đại Nam nhất thống chí* chép:

"Sông Lợi Nông: Ở phía Bắc huyện Hương Thủy, cửa sông từ Đông nam xã Phú Xuân ở bờ Nam sông Hương, chia chảy chừng 17 dặm qua hành cung Thần Phù, lại 28 dặm qua hành cung Thuận Trực, vào phá Hà Trung.

*Xét: Một dải ven sông, ruộng đất có hàng ngàn vạn mẫu, trước kia là nước mặn, năm Gia Long thứ 13, xa giá đến Thanh Thủy, xem xét hình thế, cho triệu phụ lão đến hỏi và dụ bảo việc đào sông, phụ lão thưa rằng, "Khai con sông này thật là lợi cho nông dân", bèn sai quân đào. Lại đặt cửa đập ở hạ lưu Thần Phù để ngăn nước mặn. Từ đấy đất thành màu mỡ, được lợi rất nhiều. Nguyên tên là sông An Cựu, năm Minh Mạng thứ 2 đổi tên hiện nay, phía trên và phía dưới cửa sông có lập mốc đá để ghi dấu. Năm thứ 17 đúc Cửu đỉnh, khắc tượng vào Chương Đỉnh" (*ĐNNTC *T1, tr.127).*

Sông An Cựu hiện nay

Sông Lợi Nông khắc trên Chương Đỉnh

Lịch sử từng ghi lại, trên dòng sông Lợi Nông xưa từng xảy ra một sự kiện "trọng đại": Lần đầu tiên, người nông dân sử dụng "xe trâu" để dẫn nước vào ruộng thay vì phải tát bằng sức người. Sử chép rằng, sau khi Phạm Phú Thứ (1821–1882) và phái bộ đi sứ từ Pháp về, ông có làm một bài thơ tả cảnh xe trâu đạp nước trên dòng sông Lợi Nông. Đây là kết quả của những điều ông học tập được từ sau chuyến đi. Trong chuyến đi sứ năm đó, sứ bộ đi tham quan đất nước Ai Cập, thấy một bánh xe đưa nước vào ruộng do ngựa kéo. Lúc đoàn trở về, Phạm Phú Thứ hỏi ai có thể vẽ được hệ thống bánh xe đó thì chỉ có một mình Lương Văn Tấn làm được một cách rành mạch. Khi về đến Huế, ông tâu sự việc lên vua Tự Đức. Vua cho Lương Văn Tấn hướng dẫn Bộ Công đóng một cỗ xe như thế và chạy thử bằng trâu tưới nước vào đám ruộng tịch điền phía sau vườn Ngự uyển để vua xem. Lương Văn Tấn được thưởng ngân tiền. Vua còn sắc cho phủ Thừa Thiên chế tạo hơn 10 cỗ xe mẫu gởi cho các phủ huyện, đồng thời bảo Vũ khố (Cục Quân giới) đóng kiểu mẫu đưa về các tỉnh đạo khác.

Mùa hạ năm Mậu Thìn (1868) trời hạn gắt, Phạm Phú Thứ theo vua đi xem mùa màng ở các cánh đồng Thừa Thiên, thấy dọc hàng trăm dặm, nông dân đều dùng gàu sòng tát nước. Về đến xã An Cựu, nơi có dòng sông Lợi Nông, thấy một ông bá hộ tên là Lê Văn Giang dùng xe nước kéo bằng trâu. Chủ nhân nói, lúc trước dùng gàu sòng tát nước cho 2 mẫu, tốn 150 quan, nay dùng xe nước này tưới 3 mẫu chỉ tốn 15 quan. Nhân dịp này ông có làm bài thơ có tựa "*Lợi Nông hà bạn khiến cấp thủy ngưu xa, hữu hoài biểu đệ Lương Văn Tấn*" (Đứng trên bờ sông Lợi Nông xem xe trâu, nhớ em con cô là Lương Văn Tấn). Lương Văn Tấn chính là người vẽ kiểu xe trâu đã kể ở trên. Bài này được ông Tạ Quang Phát dịch[1] như sau:

Nướng đá, đốt rừng hè nóng gay,
Ba vùng bứt rứt đợi mưa ngay.
Cách xưa: cần vọt ngàn người tát,
Máy mới: bánh xe nhất tiện bày.
Tổn phí, nhọc lao đều đỡ được,

Vụng về tăm tối, há ôm hoài?
Mạch Tây việc đẹp, ai ghi nhớ?
Biển Việt xa xôi, nhớ chú thay!

Dòng sông được khơi thông từ vũng eo dưới mũi cồn Giã Viên. Truyền thuyết kể lại rằng: do khơi dòng đúng vào nơi hang động của một con thuồng luồng khổng lồ nhiều năm ẩn nấp dưới lòng sông Hương, mỗi khi trời nắng không chịu được, nó trở nên dữ tợn, vẫy vùng, khuấy đảo phù sa, làm đục ngầu cả dòng nước nguồn, vì thế sông An Cựu trở nên đục vào những ngày nắng nóng. Còn những ngày mùa thu, tiết trời mát mẻ, thuồng luồng nằm im trong hang động, dòng sông không bị khuấy đảo, nước An Cựu trở nên trong vắt như mặt nước Hương giang.

Vì thế ở Huế có câu ca:

Núi Ngự Bình trước tròn sau méo
Sông An Cựu nắng đục mưa trong…

Trên thực tế, vì con sông này là sông đào, nhận nước từ sông Hương trong xanh chảy về phá Hà Trung rồi đổ ra biển, nên ngay cả những ngày mưa nước vẫn ít khi đục, vì không có nước nguồn trên núi chảy về. Trái lại, mùa nắng hạn, nước sông cạn, có khi cạn gần đến đáy sông, vì thế nước sông có màu vàng đục của lớp phù sa phía dưới. Ngoài ra, còn có một cách giải thích khác: sở dĩ sông An Cựu *nắng đục mưa trong* là do dưới lòng sông chứa một hàm lượng lớn nguyên tố sắt, vào mùa nắng sông cạn nước, nhiệt độ lên cao khiến xảy ra phản ứng khử tạo ra oxit sắt kết tủa có màu nâu đỏ; chính hàm lượng oxit sắt này lơ lửng trong dòng nước đã làm cho nước sông có màu đục ngầu. Đến khi trời mưa lạnh, lớp oxit sắt này lắng xuống, nên dòng sông lại trong xanh… Cách lý giải này mặc dù chưa được kiểm chứng nhưng có một chi tiết liên quan đến nó, đó là một trong những cây cầu bắc qua dòng sông này có tên là cầu Kho Rèn. Theo cách gọi tên cây cầu này, phải chăng nơi đây xưa kia đã có một *kho rèn* hoặc một *lò rèn* lớn hoạt động, vì thế vùng đất ở đây có vụn sắt, hoặc giả sắt từ lò rèn này trôi xuống lòng sông?

Từ khi có dòng sông này, hai bên bờ sông hình thành những vườn hoa thật quyến rũ, đồng thời xuất hiện một nơi chốn mới thật náo nhiệt. Nhất là ở đoạn nhà thờ Phú Cam: tiếng dệt vải, tiếng quay tơ, tiếng ngâm thơ, xen lẫn tiếng hò khoan, hay tiếng hò mái đẩy... Sau khi dời nhà về ở bên bờ sông Lợi Nông, nhà thơ Tùng Thiện vương Miên Thẩm (1819-1870) khi ngắm nhìn dòng sông đã viết nên những câu thơ rất thi vị (trích trong tập thơ *Hà Thượng*):

Yên ba tận nhật vô nhân quản,
Bán thuộc ngâm châu, bán điếu châu
(Yên ba ai choán làm gì,
Nửa thì ngâm khách, nửa thì điếu ông).

Hoặc:

Khoản nãi ngư nhân khúc,
Dư âm thính bất cùng.
Chính đa thương hải ý,
Huống tại nguyệt minh trung.
(Điệu hát trên thuyền cá,
Nghe xa tiếng lại gần.
Dọc ngang trên biển cả,
Huống ở giữa sông trăng).

Nhà thơ Tuy Lý vương (1820-1897) khi nhìn phong cảnh bên bờ sông Lợi Nông đã cảm tác bằng hai câu (trích trong tập *Vỹ Dạ*):

Đông xá tao ti tây xá độc
Hương thôn tả xuất thái bình niên.
(Nhà này đọc sách nhà kia dệt
Tả rõ tình dân lúc thái bình).

Cũng trên dòng sông này, vua Tự Đức thường hay đến vãn cảnh, ông đã làm hai câu thơ lấy hai chữ tên sông làm hai chữ cuối:

Sơ tạc Võ công thùy địa lợi
Dự du Hạ ngạn cẩn xuân nông.
(Đời trước đào sông, dân hưởng lợi
Ngày nay thăm ruộng, chúa cần nông).

Vào thập kỷ 50 của thế kỷ trước vẫn còn những chuyến đò dọc từ làng Hà Trung - Hà Trữ, từ Lương Điền - Lương Phú, từ Thần Phù - Giạ Lê về Huế. Những con đò dọc mang đầy ắp cây trái, lúa khoai, đặc sản của vùng đầm phá Cầu Hai - Bạch Mã. Giọng hò đối đáp từ những con đò dọc này vang lên giữa đêm khuya, nhất là vào những đêm trăng rằm trên sông Lợi Nông nghe thật lạ lùng, quyến rũ; phải là cư dân sống hai bên bờ sông này mới cảm nhận hết cái đẹp vô ngần ấy. Tiếng hò trên sông An Cựu êm đềm và ấm cúng hơn trên sông Hương vì sông Hương quá rộng, tiếng hò không bay xa, không ngân vang như trên sông Vĩ Dạ, Như Ý, hay An Cựu. Và cũng mấy chục năm về trước, cánh đồng An Cựu nhận nước từ dòng sông Lợi Nông đã sản xuất thứ gạo nổi tiếng, mang hương vị đặc sản của quê hương: "gạo de An Cựu để nuôi mẹ già!".

Bây giờ gạo de An Cựu không còn nữa. Cánh đồng xưa đã thành phố thị. Những người Huế xa quê lâu năm trở về nhìn dòng sông quê hương, trong lòng ai cũng thoáng chút bồi hồi nhớ về cảnh cũ người xưa… ■

Chú thích:

1. Trích trong *Nhật ký đi Tây.*

Tài liệu tham khảo:

- *Đại Nam nhất thống chí,* tập 1, Quốc sử quán triều Nguyễn, Nxb KHXH, 1969.
- *Đại Nam thực lục,* tập 7, Nxb Giáo Dục, 2007.
- *Nhật ký đi Tây,* Phạm Phú Thứ, Quang Uyển dịch, Nxb Đà Nẵng,1999.

Miếng ăn và tâm hồn

TRẦN KIÊM HẠ

Chiều thứ Bảy, điện thoại tôi reo lên và đầu dây bên kia giọng thủ trưởng đơn vị tôi oang oang: "Anh sắp lên sân bay, trước chuyến đi nước ngoài tự nhiên lại thấy thèm… thịt chó. Món ngon không có bạn hiền thì nuốt không vô. Em bỏ chút thời gian ra cái quán gần sân bay ngồi với anh tí nha". Tôi phát hoảng, trước chuyến đi xa người ta thường ăn những món nhẹ nhàng để tâm thanh tịnh, ai lại ăn cái món "nặng nề xui xẻo" đó. Tôi chân tình: "Em không ăn được thịt chó. Thú thật trước có ăn thử, nhưng sau lần ấy cái cảm giác tội lỗi cứ tràn ngập mãi. Thôi cố nhịn đi anh…". Giọng thủ trưởng tôi không vui: "Chú mày cao đạo quá. Nói như vậy thì các quán thịt chó bán cho ai. Chẳng lẽ những thực khách như anh đây lại không có tâm hồn à?"…

Câu chuyện miếng ăn

Câu chuyện gợi cho tôi nhớ về thời dĩ vãng. Thời ấy, vợ chồng tôi với gia đình người bạn đồng nghiệp sống bên nhau trong một mái nhà tranh ngăn đôi, nằm biệt lập trên ngọn đồi vùng trung du Quảng Trị. Cùng cảnh ngộ thời bao cấp, công việc nhọc nhằn, ăn uống kham khổ nên hai gia đình chúng tôi thân nhau lắm. Hai con chó của hai gia đình cũng quấn quýt nhau như hình với bóng. Con chó bạn tôi tên là Út, mới ba tháng tuổi đã rất tinh khôn. Trời bỗng dưng mưa, chủ ung dung ngồi trong nhà xơi nước, Út chạy ra sân kéo áo quần của chủ phơi trên dây đưa vào nhà. Cỗ bàn, thức ăn, có để hớ hênh cũng không sợ bị chó mèo, gà vịt quấy phá vì đã có Út canh chừng…

Một ngày cuối tuần, bạn tôi ngồi dưới giàn mướp xanh mượt trước sân nhà chơi đùa với con Út. Anh ta cầm một mẩu gỗ, đưa Út ngửi ngửi rồi đem đi giấu thật xa để cho nó đi tìm. Sau một hồi lùng sục, con Út hí hửng tha mẩu gỗ ấy về đặt dưới chân chủ, ngoắc đuôi nhảy cỡn lên ra chiều hãnh diện ta đây là kẻ thắng cuộc. Đáp lại, chủ nâng chó lên vuốt ve khích lệ. Bỗng chủ phát hiện ra một điều mà bấy lâu nay mình chờ đợi, bèn reo lên: "Á, mày nặng lắm rồi Út ơi. Gà lấm lưng, chó sáu bát đấy nha!". Câu nói tưởng chừng là lời đùa thân thiện giữa người và chó. Con Út hồn nhiên ngoắc đuôi, nó có ngờ đâu đó là lời tuyên án tử cho mình!

Chiều ấy xong phiên trực, tôi từ công trường vừa về đến nhà là đã nghe mùi thịt nướng thơm phức từ bếp nhà bạn lan sang. Và bàng hoàng khi nghe vợ mình thì thầm: "Anh ơi, lúc bị trói con Út không kêu một tiếng, có lẽ nó nghĩ chủ mình chỉ đùa thôi, ai ngờ…!". Nghe chưa hết câu thì anh bạn hàng xóm tôi đã chạy sang, phấn khởi nói: "Chú đi tắm nhanh, kẻo anh em đang đợi đấy". Đời người Thủy lợi lênh đênh kiếp sông hồ, bạn bè sống chết có nhau trong mưa gió bão bùng, tôi nén cảm xúc qua ngồi chơi với anh em để khỏi mang tiếng là thành phần… cá biệt. Nhìn những miếng thịt con Út "được" chủ nó chế biến thơm lừng, bày biện đẹp mắt mà miệng tôi đắng ngắt.

… và con vật nghĩa tình

Con Út bị giết thịt, con chó Lu nhà tôi bỏ nhà đi biệt. Mất chó, vợ tôi đay nghiến chồng: "Lòng dạ nào mà anh ăn thịt con Út chứ? Chứng kiến cảnh con Út bị giết thịt, lòng em quặn thắt, còn con Lu thì sợ mất mật cứ quanh quẩn chân em. Từ khi anh qua ngồi "chén" thịt con Út, nó lặng lẽ bỏ nhà đi mất". Tôi an ủi vợ: "Con không chê cha mẹ khó, chó không chê chủ nghèo. Nó sẽ trở về với mình thôi mà". Vợ tôi vẫn ấm ức: "Không chê chủ nghèo nhưng sợ chủ bạc ác. Làm cha mẹ mà nói một đường, làm một nẻo, từ đây anh đừng có mà mở miệng rao giảng con cái rằng sống phải có tâm hồn, biết thương yêu súc vật nữa. Nghe mà phản cảm lắm!".

Khó khăn lắm tôi mới tìm được con Lu về nhà. Nó đói lả nằm trong bụi cây trên đồi hoang, chờ chết. Dỗ dành thì thầm mãi, rằng tao chẳng bao giờ giết thịt mày đâu, nó mới chịu liếm tay tôi. Từ đó - sống cảnh rừng núi, ngoài việc giữ nhà cho chủ, Lu mấy phen quyết chiến với lũ rắn hổ mang đang đêm lẻn vào nhà tôi gây họa. Tôi cũng liều mạng cứu Lu thoát khỏi miệng những con trăn hoang dã mấy lần. Nghĩa tình giữa chủ và chó càng thắm đậm. Vậy mà chính tay tôi phải giết con Lu mới đau lòng kia chứ!

Hôm ấy vào mùa nắng nóng. Nóng nhất trong những năm tháng mà tôi từng sống và làm việc ở vùng trung du Quảng Trị. Con Lu và lũ chó hàng xóm quyết chiến với mấy con chó hung dữ từ đâu chạy đến, chúng sủa vang cả công trường. Sau trận "đại thắng" ấy, không lâu thì cả bầy chó công trường đều lên cơn dại. Công trường thành lập đội diệt chó. Chỉ con Lu là còn sót lại nhờ tinh khôn lủi vào những bụi cây rậm rạp ven sông lẩn trốn. Trưởng ban chỉ huy công trường gặp tôi phân tích và đề nghị: "Tôi biết chú rất quý con

Lu, song nó đã mắc bệnh dại, chắc chắn sẽ chết. Nếu không nhanh tay giết nó thì nó sẽ gây họa cho người khác. Chỉ có chú mới gần được nó. Tôi để nghị chú hãy làm việc này". Vừa là lý trí vừa là lệnh của cấp trên, tôi buộc phải thi hành.

Lúc ấy, Lu mắt đã đỏ ngầu. Nhưng khi nghe tiếng tôi gọi nó ngoan ngoãn chui ra từ bụi rậm đến với chủ. Giấu cái đùi sau lưng mà tim tôi đập thùm thụp. Đợi nó đến gần và… tay tôi vung tay lên… giáng xuống đầu nó nhưng run quá mà trượt xuống lưng. Bị đòn con chó kêu lên tiếng "Ự", ngạc nhiên nhìn trân chủ với ánh mắt ngỡ ngàng. Chỉ khi bị cú đánh thứ hai, thứ ba, nó mới biết ý chí chủ quyết giết mình. Bèn vùng chạy, cố lết vào những lùm cây rậm rập ở triền đồi. Tôi không nỡ truy sát con vật thương yêu của mình. Và tin rằng bị đòn nặng như vậy nó sẽ chết.

Cả ngày hôm đó tôi bần thần với cảm giác bất nhẫn, bâng khuâng thương cho con chó nằm chết đâu đó dưới triền đồi. Trằn trọc cả đêm rồi ngủ thiếp đi, sáng ra tôi vừa đặt chân xuống sàn nhà thì giật thót người vì giẫm phải một vật bùng nhùng. Định thần nhìn kỹ thì không thể tin nổi mắt mình. Con Lu! Con vật nghĩa tình đã làm cho tôi lặng người trong nỗi tê tái, khâm phục. Mang mầm bệnh dại trong người, bị chủ ra tay sát hại, vậy mà vẫn cố lê lết về nằm phủ phục bên chủ để trút hơi thở cuối cùng!

Miếng ăn và tâm hồn

Quan niệm ăn uống thế nào là hợp lẽ thì tùy theo sở thích, tùy theo tính cách mỗi người. Còn tùy theo thói quen ăn uống của mỗi gia đình, tùy theo sắc tộc, tôn giáo, phong tục tập quán nơi người đó sinh trưởng. Kể câu chuyện trên tôi không nhằm phê phán bạn tôi giết thịt con vật thương yêu của bạn. Vì như thế sẽ động chạm đến đất lề quê thói. Bạn sinh ra và lớn lên ở vùng quê xuất phát hai câu "thơ" truyền cửa miệng:

"Sống trên đời không ăn miếng dồi chó
Chết xuống âm phủ biết có mà ăn".

Có lẽ xuất phát từ sự đói nghèo mà người quê bạn thích ăn thịt chó. Không tiền thì họ phải giết thịt chó nhà mình nuôi là chuyện thường tình. Tôi sinh ra và lớn lên vùng ngoại ô thành phố Huế, nơi mà làng nào có chùa nấy. Bao đời nay, người dân quê tôi tuy lam lũ nhưng giác ngộ Phật pháp, lấy tiếng chuông chùa ngân lên đều đặn mỗi chiều tà giữ nhịp điệu thanh bình cho cuộc sống. Đêm thanh vắng, đếm 108 tiếng chuông công phu từ chùa Thiên Mụ vọng về để an trú lòng mình. Lẽ đó mà người làng tôi thương yêu những con vật thân thiện như chó mèo…, không ăn thịt chúng cũng là chuyện bình thường.

Ăn gì, uống gì là quyền tự do của mỗi người. Để đảm bảo tính nhân văn cộng đồng, luật pháp nước nào cũng có vài điều "khoanh vùng" phạm vi ăn uống của công dân họ. Tuy nhiên, những điều cấm kỵ đó phải phù hợp với phong tục tập quán mỗi nước mới được lòng dân đón nhận. Một số nước phương Tây cấm công dân họ không được ăn thịt chó, mèo… Cấm đánh đập gia súc trong lúc giết thịt; cấm đánh bắt những con vật thiên nhiên dưới quy chuẩn cho ăn thịt. Cấm hành hạ vật nuôi trong nhà, thậm chí mua gà về nhà nuôi phải bỏ trong lồng, nếu nắm chân gà xách ngược lên là bị cảnh sát "hỏi thăm" ngay. Một số quốc gia phương Đông, trong đó có nước ta, luật pháp cấm công dân không được ăn thịt đồng loại, không săn bắt những con vật có nguy cơ tuyệt chủng. Còn lại ăn uống gì, hành xử đối với vật nuôi, chim thú như thế nào thì còn bỏ ngỏ cho phạm trù đạo đức cá nhân. Từ đó mà trong dân gian có câu "vật dưỡng nhơn", nghĩa là con người có quyền "xơi" tất mọi con vật.

Trước thiên nhiên, con người thật là bé nhỏ; sở dĩ người thống soái được muôn loài là nhờ tạo hóa ban cho khối óc thông minh. Sóng đôi với sự ban tặng đó, con người còn có một trái tim biết rung cảm trước nỗi đau thể xác và tinh thần của đồng loại. Cái đức tính này chúng ta thường tự hào chỉ có con người mới có, nên mới có tên gọi là tính nhân văn (tính người), nhân ái (tình người), nhân đạo (đạo làm người)… Và cao hơn nữa là những trái tim biết thương cảm trước nỗi đau của loài vật, cảm thụ được cái hay, cái đẹp trong đời sống, yêu thiên nhiên và cây cỏ… - Người có đức tính này gọi là người có *tâm hồn*. Người có tâm hồn thì không bao giờ chiếm hữu, cưỡng đoạt miếng ăn của bất kỳ ai, kể cả của tập thể. ■

Huyền nhiệm hương xuân

TRẦN QUÊ HƯƠNG

Bao la *trời* thăm thẳm
Bát ngát *biển* thậm thâm
Trôi trôi *mây* lợt đậm
Trong mát *nước* diệu trầm

Đất ươm đời mầm sống
Đá ươm người chí thiêng
Cỏ biêng biếc hương dại
Cây trổ cành nhiệm huyền

Người thăng hoa nhân văn
Thú thăng hoa hung hiểm
Thiên địa trời đất ơi…
Nhiên hạo như thị huyễn!

Hiền nhân bi tâm cảm
Thánh nhân từ mẫn tình
Trời thương người khuyến giảm
Phật thương đời lặng thinh!

Đầu xuân đi vãn cảnh chùa

NGUYỄN CÁT CHUYỂN

Đầu xuân đi vãn cảnh chùa
Ngàn dâu xanh mướt nắng vừa trổ hoa
Bao năm mê mải đường xa
Thầm mong chùa ngát hương hoa dâng đời.

Nét văn gìn giữ người ơi!
Phúc Linh tự có từ thời xưa xa
Tu tâm cầu phúc nhân hòa
Khơi nguồn hướng thiện muôn nhà bình an.

Một thời mưa gió phũ phàng
Tiếng chuông giục bước vượt ngàn bể dâu
Ru người thức trắng đêm thâu
Khuê Văn Các ấy bạc màu tao nhân.

Vào chùa vãn cảnh đầu xuân
Nghe trong gỗ đá cố nhân vọng về
Người quê giữ lấy hồn quê
Nén hương cầu Phật độ trì cho ai...?

Giọt sữa quê hương

TRÀ KIM LONG

Nắng ôm siết xuống mặt đường
Vốc hơi nóng ngược lên phương trời này
Giọt mồ hôi nhiều mắt cay
Người đi cõng nặng tháng ngày trên lưng.

Nghiêng thân bóng đổ chập chùng
Bóng xe và bóng người trùng lên nhau
Cây già trái chín vùng sâu
Mang hương về phố chia nhau chút tình.

Thoảng nghe màu đất quê mình
Vừa qua mấy cuộc hành trình phương xa
Khơi nguồn mạch sống nở hoa
Hạt gieo lòng đất người hòa nắng sương.

Chắt chiu giọt muối giọt đường
Làm nên giọt sữa quê hương ngọt ngào
Trên đầu nắng đội trời cao
Người mang nghĩa sống đi vào nhân gian.

Chuông chùa Hương Vân

NGUYỄN THÁNH NGÃ

Về quê mây cũ nao lòng
Chuông chùa vọng thức vào không mấy tầng
Cánh cò trắng đến bâng khuâng
Trời xanh nứt một nửa trăng nhạt nhòa

Sương mờ ảnh hiện nẻo xa
Áo lam thấp thoáng đôi tà nắng phai
Đường quê bụi đỏ nghiêng vai
Dòng sông quảy một chiếc hài Tổ sư

Chùa xưa trầm tỏa đồng lư
Vàng hoa mướp rụng an cư mấy mùa
Hỏi thăm người đã nắng mưa
Mà chuông vẫn tiếng khoan thưa không già...

Thoảng qua. Chuông mõ thoảng qua
Ai người trong mộng tỉnh ra mộng trần
Khói lồng sương tỏa chuông ngân
Hồn quê cong mái Hương Vân ráng chiều

Hỏi lòng đã thức bao nhiêu
Hỏi tâm quái ngại là điều sơn khê
Trần gian là những cơn mê
Tiếng chuông thức một nẻo về trong tâm...

Ký ức Hội Lim

SÔNG HƯƠNG

Anh về thăm lại Hội Lim
Bước chân vô thức lần tìm dáng xưa
Trời xuân nhẹ lất phất mưa
Em anh cứ ngỡ như vừa hôm qua

Áo dài mớ bảy, mớ ba
Quai thao, nón thúng mặn mà trúc xinh
Năm xưa bên góc sân đình
Trầu têm cánh phượng chút tình gởi trao

Giờ em biền biệt phương nao
Lụa sồi yếm thắm hôm nào còn chăng?
Sông Thương nước chảy dùng dằng
Liền anh lạc bước giữa dòng dân ca

Trời Âu tuyết trắng mờ xa
Câu hò giã bạn đêm qua lỗi vần
Hội Lim lòng chợt tần ngần
Cơi trầu còn đó… biết dành trao ai?

Chiều Trúc Lâm

PHAN THÀNH MINH

Rừng chiều
Tia nắng lim dim
Khẽ thôi kẻo động trái tim hồng trần
Thông lên dốc lạnh dừng chân
Rửa tay sương khói
Gieo vần thơ không

Xanh xa
Cây cỏ trải lòng
Gió đưa
Từng tiếng chuông đồng
Ngân nga
Vườn chùa xuân đã vào hoa
Mùa quên thay sắc cho tà áo lam.

Luân hồi

NGUYỄN VĂN ĐÔN

Bình minh rực rỡ mắt người
hạt sương tán sắc mặt trời long lanh

Vỡ òa theo nắng lên nhanh
nhập nhòe nhân ảnh kết vành mây trôi

Hoàng hôn đỏ ối màu trời
đếm bao nhiêu giọt luân hồi vào đêm.

Thương về cố xứ

TỊNH BÌNH

Có phải lòng đã quên?
Tháng năm trôi vồi vội
Chiều nay thương sợi khói
Thả bên trời vu vơ
Ai ngọt ngào câu hát
Giấc ngủ đầu nôi xưa
Tay mẹ mềm cánh võng
Tiếng ru hời ban trưa
Gọi về hồn nhiên cũ
Thuở ngày thơ năm mười
Sáo diều vi vút gọi
Vạt cỏ nằm thảnh thơi
Mắt cay nhòa cố xứ
Chạnh lòng ai thương về
Bóng chiều nhàn nhạt nắng
Nhặt đậm đà tình quê...

Tháng Hai âm vọng hải triều

TRƯỜNG KHÁNH

Lọn nắng mai trải dài qua vách núi,
Gió đưa hương lễ hội - tháng Hai về.
Rung muôn lòng vạn dặm nẻo đường quê,
Bát-nhã âm, dấu Bồ-đề mở lối.

Chắp tay hoa, hướng về nơi nguồn cội,
Hải triều âm, vọng tới cõi ta-bà.
Nương thuyền từ - xóa sạch nghiệp trầm kha,
Quán tự tại, ôi đậm đà tình mẹ.

Con thầm niệm, niệm tên Người thật khẽ!
Để nghe lòng vơi nhẹ nghiệp oan khiên.
Ôi tháng Hai - mười chín - đóa hoa thiền,
Dâng hiến cúng, vô biên vô lượng Phật.

Mẹ tình thương, Quan Âm là như nhất,
Nghe kêu thương - dù xa khuất ngàn trùng.
Ứng hiện thân vào cảnh khổ gian truân,
Hải triều âm muôn vạn lần sóng dậy.

Chắp tay lạy Mẹ Hiền Quán Tự Tại,
Âm vọng từ hương nhuần trải muôn lòng.
Tháng Hai về với tình Mẹ mênh mông,
Quan Âm thị hiện giữa dòng diệt sinh.

Cuộc trình diễn thời trang

VOICU MIHNEA SIMANDAN
TRƯƠNG THỨ LANG dịch

Anh vui mừng có được cô bạn gái người Thái gốc Ấn Độ. Vào những kỳ nghỉ phép trong quân đội, anh không còn phải – như trước đây – trở về Hoa Kỳ nơi mà chiến tranh tiếp tục theo đuổi anh ở mọi nơi. Hàng ngày người ta đều có thể thấy vài điều gì đó về Iraq. Chúng hiện diện khắp nơi. Dân chúng biểu tình trên đường phố, chính khách tranh luận trên màn ảnh truyền hình, nhà báo trình bày trên mặt báo, Tổng thống đọc diễn văn từ tòa Nhà Trắng; người ta bàn luận ngay cả trong dịp đi mua sắm cuối tuần. Anh không ghét cuộc chiến anh đang tham gia mà anh chỉ ghét những kẻ anh đang chiến đấu vì họ.

Sự thật thì anh cũng đã thuyết phục được chính mình là anh thích công việc của anh. Đó là điều anh từng mơ ước khi còn là một chú bé người Mỹ gốc châu Phi lang thang trên những đường phố nghèo khổ quanh nơi sinh trưởng, đó là điều anh được huấn luyện để làm, và đó cũng là tất cả những gì anh có thể làm được. Nhưng khi trở về nhà trong những kỳ nghỉ phép, anh chỉ muốn quên tất cả mọi điều có liên quan đến chuyện giết chóc và chiến đấu. Anh muốn được sống cuộc sống bình thường, anh muốn quên cảm giác lúc đặt ngón tay lên cò súng, lúc cát bám lên da mặt, và lúc chất kích thích từ tuyến thượng thận tiết ra chạy rần rật trong huyết quản khi anh nghĩ rằng đoàn xe hộ tống của anh có thể tiếp tục là đối tượng của một cuộc tấn công bằng bom. Anh muốn quên tất cả những điều đó, nhưng xứ sở của anh không cho phép anh quên chúng. Sau hai chuyến nghỉ phép liên tiếp trải qua ở thị trấn quê nhà, vào đợt nghỉ phép thứ ba, anh đến Thái Lan; ở đó, anh đã gặp và đem lòng yêu thương một cô gái gốc Ấn.

Anh đã không được nhìn thấy cô từ hơn năm tháng qua, đang khao khát được ôm lấy cô trong vòng tay của mình, được trải qua với cô một thời gian có ý nghĩa và quên tất cả mọi chuyện về chiến tranh trong suốt ba tuần lễ mà anh được phép ở lại Bangkok. Cô luôn luôn sắp xếp những hoạt động đặc biệt để họ cùng hưởng thụ, và anh đang mong mỏi điều ấy. Tiền bạc không là vấn đề. Họ có thể tùy ý tiêu pha thế nào cũng được vì cả hai đều nhận thức rằng có thể họ sẽ không còn lần khác. Có thể, thay vì được thông báo là anh sẽ về thăm, cô nhận một công điện cho biết Brian đã hy sinh vì đất nước của mình.

Lần này, cô cũng đã dành cho anh một sự kiện đặc biệt. Quả thật, cô luôn có những sự kiện đặc biệt để đãi anh. Khi cô giấu sau lưng mình hai tấm vé đang cầm trong tay - như một món quà - trong lúc chờ anh tắm xong, cô tin chắc là anh sẽ rất thích thú với sự ngạc nhiên mà cô đem lại.

"Tay anh khô chưa, anh yêu?", cô hỏi, gương mặt ánh lên nụ cười của "một kẻ có âm mưu".

"Lần này là vụ gì đây?" Anh trả lời một cách háo hức.

"Chìa bàn tay ra cho em xem đã nào!".

Anh vội vàng lau khô hai bàn tay bằng chiếc khăn tắm còn vắt ngang hông và, như một đứa trẻ chờ quà, dang thẳng cả hai tay ra trước.

"Nhắm mắt lại chứ!".

Anh tuân lệnh. Trong cuộc sống khác của mình, anh là kẻ ra lệnh; nhưng ở đây, anh mặc cô kiểm soát trọn vẹn mọi tình huống. Anh cảm thấy một cái gì đó rất nhẹ vừa được đặt vào lòng bàn tay đang xòe ra của mình. Không mở mắt ngay và bàn tay vẫn xòe ra, bằng những ngón tay, anh cảm nhận thớ của một loại giấy cứng mà cô vừa trao cho anh.

"Nó là một tấm vé!".

Ngay khi anh vừa mở mắt, cô nhảy vào vòng tay anh, đôi chân quặp lấy hông anh. Chịu người trên những bắp thịt săn chắc vồng lên trên cánh tay phải của anh, cô hôn anh cuồng nhiệt.

"Chờ nào! Để anh xem tấm vé đã chứ. Mình sẽ đi đâu đây?".

"Hôm nay là ngày cuối của Tuần lễ Thời trang Quốc tế Mùa hè tại Bangkok, người ta sẽ tổ chức một màn trình diễn thời trang lớn nhất mà người châu Á chưa từng thấy bao giờ".

"Để anh đoán nhé. Chúng ta sẽ có ghế ngồi ở hàng đầu!".

Từ vùng ngoại ô Bangkok nơi họ cư ngụ ở Salaya, một chiếc xe tắc-xi đưa họ đến trạm tàu cao tốc trên cao Surasak, kế tiếp trạm cuối cùng trên tuyến Silom, và chiếc tàu cao tốc sẽ thả họ xuống ngay trước mặt Trung tâm Chitlom, địa điểm thu hút nhất ở Bangkok vào lúc này. Hàng trăm người đang lang thang trong khắp khu phố mua sắm, không ít người còn mong muốn có thể kiếm được một tấm vé vào cửa cuộc trình diễn thời trang và họ chỉ hy vọng hão huyền.

Toàn bộ vé vào cửa đã được bán hết trước khi Tuần lễ Thời trang Mùa hè khai mạc. Giới thượng lưu của thành phố quốc tế này tin chắc rằng họ sẽ được giới truyền thông biết đến bên cạnh những người mẫu hấp dẫn nhất mà dân Thái Lan chưa bao giờ được thấy. Bữa

tiệc tiếp tân bế mạc sự kiện này sẽ là cơ hội lớn nhất để họ được chụp ảnh chung với những người mẫu, và rồi những tấm ảnh ấy sẽ được đưa lên một trong vô số những tạp chí lá cải.

Không khí phấn khích như vậy chính điều mà Sunisa đã gieo vào tâm trí anh. Cô nghĩ rằng đêm nay, Brian sẽ quên hết tất cả mọi chuyện liên quan đến cuộc chiến, những người bị thương, những người bị giết vẫn ám ảnh giấc mơ của anh hằng đêm. Mới đêm qua thôi, cô đã phải đánh thức anh dậy ngay giữa lúc anh gặp những cơn ác mộng, sau đó ngồi vuốt ve tấm thân trần đầy mồ hôi của anh cho đến khi những bắp thịt của anh giãn ra. Cô tin tưởng rằng sau khi thưởng thức buổi trình diễn này, tất cả những gì anh muốn là có một đêm tuyệt vời bên cạnh cô.

Lúc họ bước vào sảnh đường, hầu hết chỗ ngồi đã có người, trong lúc cuối dãy sân khấu dài và hẹp lố nhố những nhà nhiếp ảnh chuyên nghiệp đang dựng những chiếc giá ba chân hoặc đưa ống kính máy ảnh lên chụp hình đám đông. Khán giả được miễn cho việc phải nghe bài diễn văn cảm ơn thông thường của các nhà tổ chức, có lẽ được dành cho bữa tiệc chia tay. Brian và Sunisa hẳn chẳng bao giờ phải nghe bài diễn văn ấy.

Đèn đóm bỗng tắt phụt, và trong khoảnh khắc, họ bị nhận chìm vào trong bóng tối dày đặc. Thế rồi một ngọn đèn có ánh sáng thật mạnh ở tận cuối sân khấu bắt đầu chớp chớp. Những chiếc loa bắt đầu phát ra một bản nhạc quân hành và ngay lập tức sân khấu tràn ngập những hình bóng mặc những bộ trang phục kỳ quái nhất mà người Bangkok chưa bao giờ có dịp chiêm ngưỡng. Cử tọa hét lên và vỗ tay hoan hô cuồng nhiệt trong lúc những tay săn ảnh chụp hết cảnh này đến cảnh khác.

Nhạc bỗng chuyển giọng, và những luồng ánh sáng xanh lục được chiếu khắp mọi hướng. Âm thanh phát ra từ đám khán thính giả dường như cũng biến đổi và anh nghe như có ai đó vừa gào lên, "Dừng lại! Chạy đi! Tìm chỗ nấp đi! Chạy! Chạy! Chạy!". Và rồi có tiếng súng nổ. Từ khắp mọi nơi. Bấy giờ anh nghe rõ ràng tiếng nói gào lên lần nữa, "Chạy! Chạy!". Anh nhìn chung quanh, bàn tay anh nắm chặt bàn tay của Sunisa, nhưng anh chỉ thấy bóng tối và luồng ánh sáng xanh lục của đèn huỳnh quang. Anh nhận được tiếng vọng từ xa của một chiếc máy bay trực thăng. Quanh anh có những chiếc bóng vô hình đang chuyển dịch. Tiếng

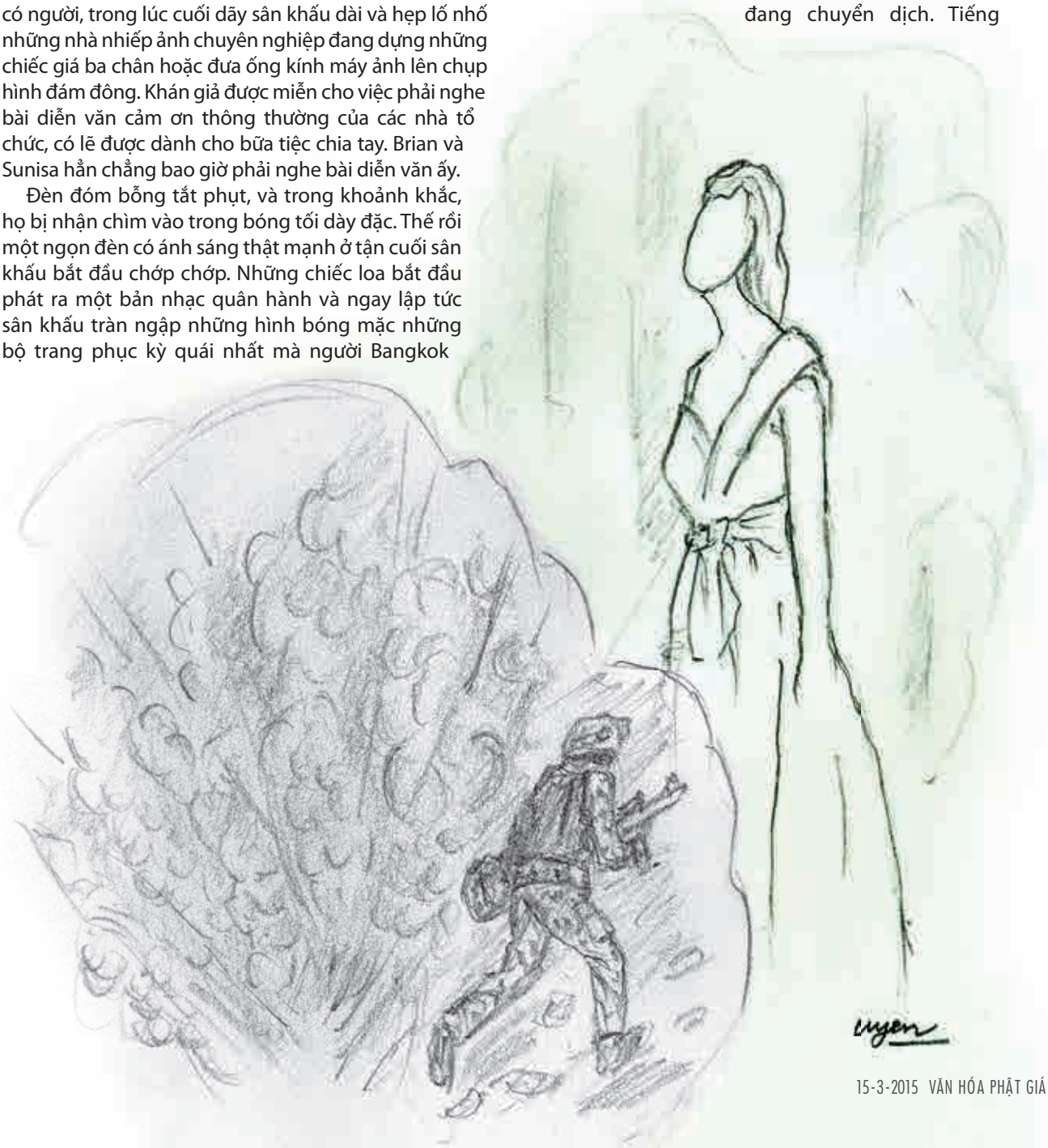

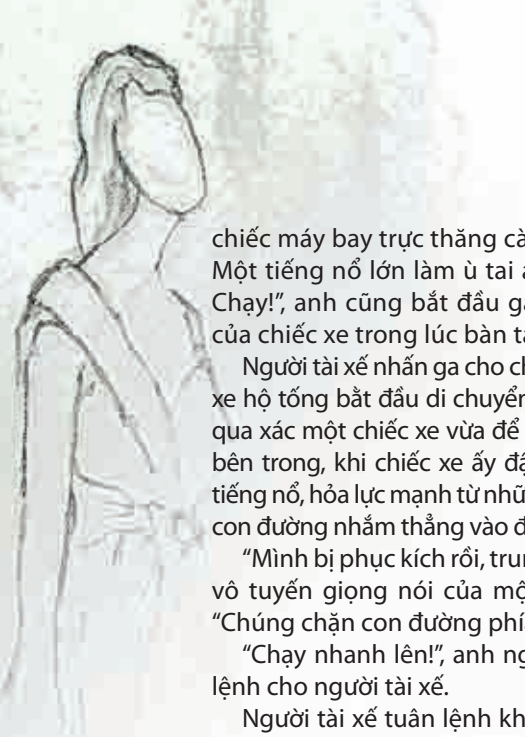

chiếc máy bay trực thăng càng lúc càng nghe rõ hơn. Một tiếng nổ lớn làm ù tai anh trong vài giây. "Chạy! Chạy!", anh cũng bắt đầu gào lên và chạm phải trần của chiếc xe trong lúc bàn tay anh nắm chặt.

Người tài xế nhấn ga cho chiếc xe chồm tới và cả đoàn xe hộ tống bắt đầu di chuyển. Anh ta cho xe mình vượt qua xác một chiếc xe vừa để lại bởi một quả bom nổ từ bên trong, khi chiếc xe ấy đậu ở bên đường. Ngay sau tiếng nổ, hỏa lực mạnh từ những chiếc cửa sổ nhìn xuống con đường nhắm thẳng vào đoàn xe hộ tống của họ.

"Mình bị phục kích rồi, trung sĩ!", Brian nghe qua máy vô tuyến giọng nói của một người lính dưới quyền. "Chúng chặn con đường phía sau mình rồi!".

"Chạy nhanh lên!", anh nghe chính mình hét lên ra lệnh cho người tài xế.

Người tài xế tuân lệnh không chút chần chừ. Chiếc xe vừa lồng lên với một tốc độ chóng mặt thì một quả bom khác phát nổ ở chỗ họ mới vượt qua. Tiếng nổ làm rung chuyển chiếc xe, kính chắn gió cửa sổ phía người tài xế vỡ vụn từng mảnh. Những mảnh vụn của chiếc kính chắn gió cửa sổ ghim vào mặt vào cổ người tài xế. Anh ta mất kiểm soát và chiếc xe lật nhào về phía bên phải. Đoàn xe hộ tống dừng lại sau tai nạn. Từ tất cả những ô cửa sổ ở hai bên con đường, đạn tiếp tục vãi như mưa vào hai chiếc xe tải chở theo tiền và những chiến lợi phẩm đang trên đường trở về căn cứ của đại đội để tiêu hủy.

"Chúng đã biết ta sẽ đi qua đường này", Trung sĩ Brian hét lên khi anh đang giúp đỡ một người lính của mình thoát ra khỏi chiếc xe bọc sắt qua chiếc cửa chắn gió đã vỡ nát.

Hai người lính của chiếc xe tải đầu tiên tiến đến chỗ xảy ra tai nạn.

"Giúp đưa hạ sĩ ra ngoài, anh ta bị thương rồi!", Brian ra lệnh cho hai người lính. "Tất cả những người còn lại bắt đầu khai hỏa. Chúng ta sẽ rời khỏi đây khi đưa được hạ sĩ ra ngoài".

Ba người lính vào vị trí chiến đấu và bắt đầu phản công. Bấy giờ toàn bộ binh sĩ trong đoàn hộ tống bắn thẳng vào những ô cửa sổ. Hỏa lực đối phương giảm đi rõ rệt, trong lúc từng mảnh của những tòa nhà chung quanh đoàn xe hộ tống từ từ đổ ụp xuống mặt đất dưới hỏa lực nặng của thủy quân lục chiến.

"Thưa chỉ huy, viên hạ sĩ chết rồi!".

"Mang anh ta ra ngoài".

"Không thể được. Ông ấy bị kẹt!".

"Tôi nói, mang anh ta ra! Chúng ta không bao giờ bỏ ai lại phía sau".

Trung sĩ Brian đặt vũ khí lên vai và lại tiếp tục nhắm bắn vào những ô cửa sổ.

"Thưa chỉ huy, chân trái của hạ sĩ bị kẹt giữa tay lái, cửa xe và chỗ ngồi. Mà chúng ta không thể mở được cửa xe".

"Làm bất cứ điều gì mà các anh có thể làm, nhưng phải mang anh ta ra khỏi nơi này. Chúng ta sẽ không rời khỏi đây mà không có hạ sĩ".

Hỏa lực đối phương hầu như đã ngưng. Một vài cú bắn sẻ vu vơ nhắm vào đoàn xe hộ tống từ trên những mái nhà. Nắm lấy chiếc máy truyền tin, trung sĩ Brian ra lệnh cho người của mình giữ vững vị trí. Trong lúc đó, người binh nhì có nhiệm vụ lấy xác viên hạ sĩ chạy trở về chiếc xe tải của mình rồi trở lại với một con dao dài.

"Thưa chỉ huy, lệnh đã được thi hành", anh binh nhì báo cáo cho Brian sau một vài phút. Brian ngừng bắn, quay lại phía người lính. Anh chú ý tới con dao còn vấy máu trên tay người lính và nói, "Tất cả về xe ngay đi. Chúng ta rời khỏi nơi đây!".

Năm người lính mang xác người tài xế và khúc chân đã bị cắt rời của anh ta lên xe tải, theo sát trung sĩ Brian lúc này cũng đã ngừng khai hỏa, chỉ quan sát thật kỹ những ô cửa sổ trong lúc ngón tay của anh vẫn đặt hờ trên cò súng.

Sau khi xác viên hạ sĩ đã được đưa an toàn vào trong xe, theo lệnh của trung sĩ Brian, đoàn xe hộ tống lại bắt đầu chuyển bánh.

"Chạy! Chạy!" anh hét lên với tất cả sức mạnh từ buồng phổi.

Họ vượt qua chiếc xe bọc thép vừa bị bỏ lại. Cuộc chạm súng chấm dứt.

"Brian, anh làm đau em!".

Anh nghe giọng nói của Sunisa như từ trong một giấc mơ.

"Buông em ra nào, Brian!".

Anh nhìn qua phía trái nhưng chẳng có người lái xe nào. Trên sân khấu, những người mẫu đang làm dáng cho các tay săn ảnh. Trong sảnh, bây giờ đã sáng ánh đèn. Anh thấy gương mặt Sunisa co rúm lại vì đau đớn và nước mắt đang chảy dài trên má. Chỉ đến lúc bấy giờ, anh mới nhận ra là anh đang bóp chặt bàn tay cô trong tay mình. Anh buông tay cô ra. Nhưng cô không rụt tay về. Cô đặt bàn tay mình lên đùi anh. Anh nhìn chằm chằm vào mặt cô trong sự bối rối và không nói gì cả. Không một lời.

Những người mẫu đang rời sân khấu. Cuộc trình diễn thời trang đã mãn. Mọi ngọn đèn trong sảnh đều được bật sáng, khán giả lục tục rời ghế tiến về phía cửa ra vào, trò chuyện sôi nổi.

"Ta về thôi!".

Sunia đứng dậy, ôm lấy vai Brian, nở một nụ cười đau đớn. ■

Nguồn: *The Fashion Parade,* Voicu Mihnea Simandan, The Asian Writers, 2011.

Voicu Mihnea Simandan là một tác gia người Romania. Từ 2002, ông sống ở Thái Lan, dạy học và là một nhà báo tự do. Ông đã xuất bản ba tác phẩm không thuộc loại văn chương hư cấu và một vở kịch dành cho trẻ em. Bên cạnh đó, ông viết nhiều truyện ngắn, có tác phẩm đăng trong *Tuyển tập Truyện ngắn Tác phẩm Mới châu Á*.

Mẹ là cơm nắm đồng trưa

LÝ THỊ MINH CHÂU

Ai cũng có một thời để yêu và một thời để nhớ; thời để yêu có khi còn mông lung, mơ hồ; nhưng thời để nhớ thì ghi khắc mãi trong tâm khảm; nhất là khi thời thơ ấu của mình vất vả gian lao.

Nơi tôi sinh ra và lớn lên là vùng quê nghèo. Ở đó có những con đường nắng thì bụi mù, mưa thì lầy lội; còn phên tranh mái lá là vòng tay ấm nồng ôm ấp, che chở cho đời quê. Ở đó cuộc sống của con người phụ thuộc vào thiên nhiên, vào sự hào phóng của mùa màng khi mà đất đai đã bạc màu còn hạn hán, lũ lụt thì triền miên.

Người quê tham công tiếc việc, nhất là những hôm gặt chạy đồng. Hạt lúa là tài sản duy nhất mà họ có nên một cơn nắng gắt cũng làm họ đau, nghe bão tố phong ba càng quên ăn mất ngủ. Thế nên khi lúa có thể gặt được là họ kéo nhau lũ lượt ra đồng và bữa cơm trưa bao giờ cũng thật gọn nhẹ bởi chỉ có cơm trắng gói trong mo cau và vài con khô nướng hay quả cà dầm tương được họ mang theo. Đó cũng là món để tôi và bạn bè đưa trưa khi đi học xa nhà.

Để có nắm cơm ăn trưa ngoài đồng, chiều hôm trước mẹ tôi cũng như bao người mẹ khác ra vườn nhặt vài tàu cau vừa rụng đem ngâm nước cho mềm rồi cắt xén gọn gàng, sau đó mẹ tiếp tục phơi sương. Mẹ luôn bật dậy khi tiếng gà báo thức chưa kịp dứt, nhóm lửa thổi cơm rồi mới làm những công việc lặt vặt thường ngày. Cơm chín, mẹ xúc vào mo cau gói lại; gói chặt tay để hạt cơm không rời rạc rồi dùng dây chuối buộc vuông góc. Tiếp đến là mẹ nướng khô hay cà, giã muối ớt rồi cũng gói vào miếng lá chuối đã hơ lửa cho mềm.

Bữa cơm đồng chỉ có thế, mộc mạc đơn sơ nhưng ngon làm sao. Cách ăn cũng mộc mạc. Khi mặt trời đứng bóng người ta nghỉ tay tìm nơi có bóng mát nhóm lửa nấu ấm chè và bày cơm ra ăn. Có bát đũa càng tốt không thì cũng chẳng sao bởi cơm dẻo như xôi nên chỉ việc bẻ ra từng miếng chấm muối ớt rồi nhai. Giữa bao la hương đồng gió nội, giữa tiếng cười nói rôm rả cùng với vô vàn chuyện làng trên xóm dưới, miếng cơm dường như có đủ vị mặn nhạt chua cay… có ở trên đời. Cơm mo cau rất ngon là thế; và cũng vì chẳng có gì ngon hơn khi mà người ta đang đói, đang vui.

Nếu công việc không phải gấp rút, bữa cơm đồng sẽ quyến rũ hơn nữa do người ta có thì giờ đặt lờ, giăng câu bắt cá. Cá gì cũng được, trùm rơm kín lại rồi châm lửa. Cá chín chỉ việc xé ra chấm muối ớt ăn với cơm mo ngon đến nhớ hoài.

Người quê là thế, giản dị đơn sơ nên món ăn của họ cũng đậm mùi quê kiểng, đậm chất tục ngữ ca dao. "Đốt rơm nướng cá cho vàng, lấy tiền mua rượu cho chàng nhậu chơi…" thì rất là Nam Bộ chứ không phải "có cá đổ vạ cho cơm" như Bắc miền Trung hay đồng bằng sông Hồng.

Ngày nay món cơm gói mo cau, cá lóc nướng trui đã đi vào hàng quán, đã chễm chệ ngồi chiếu trên với các vọng tộc danh gia bởi không phải không dưng mà món ăn dân dã quê mùa này có được nếu không vì các món ăn ở thành thị bây giờ có quá nhiều gia vị, nhiều đạm, nhiều chất bảo dưỡng, độc hại. "Bồn bồn mà đem muối chua, ăn cặp cá nướng đến vua cũng thèm" thì chẳng ngoa đâu, ăn thử một lần rồi biết.

Tôi cũng như nhiều người khác xa quê lao động xây đời, lối sống thị thành đã ít nhiều ăn sâu vào tâm tưởng nhưng mỗi lần nghĩ đến quê là tôi nhớ như thuộc làu thời thơ ấu của mình. Nhớ mo cơm kè kè bên hông đến trường, nhớ mùi cá nướng cháy nám và ánh mắt dịu hiền của mẹ suốt đời chịu khó, chịu thương. ■

Xuân cảm hứng sáng tạo

LÊ HẢI ĐĂNG

Trong bốn mùa xuân - hạ - thu - đông, mùa xuân được liệt vào hàng tuyệt tác của thiên nhiên, đất trời; trở thành nguyên mẫu cho những sáng tác bất hủ đi vào thi ca, văn học, nghệ thuật. Dưới ánh sáng xúc cảm rọi chiếu xuống vùng sáng tạo, bức tranh mùa xuân tiếp tục dệt nên muôn vàn ý tưởng rạo rực, tươi vui, phấn khởi… Không gian mùa xuân chìm đắm trong thế giới kỳ ảo có âm thanh rộn ràng, ngàn hoa khoe sắc thắm… Mùa xuân trở thành khúc dạo đầu (ouverture) đánh dấu sự mở màn cho một vở kịch kéo dài suốt quanh năm.

Trong lĩnh vực sáng tạo, mùa xuân là mùa ưu ái, quyến rũ. Biết bao nghệ sĩ đem lòng si mê nàng xuân, mong ước được chạm vào khoảnh khắc hứng khởi của đất trời. Nhạc sĩ lừng danh người Ý Antonio Vivaldi từng viết tổ khúc *"Bốn mùa"*, dành tặng cho mùa xuân bản concerto violon và dàn nhạc, trong đó, chủ đề *"Mùa xuân"* được trao gửi cho phần hòa tấu của dàn nhạc dây. Những âm thanh trong trẻo, réo rắt, đua chen như suối nguồn tuôn chảy được chuyển tải qua bè violon chủ đạo tạo nên không khí rạo rực, phấn chấn… Cảnh sắc thiên nhiên biến ảo, kỳ thú… Bằng thủ pháp triển khai âm hình chủ đạo (motif), cảnh sắc hiện lên qua bức màn âm thanh sống động, chân thực, tha thiết, nồng nàn… những bông hoa tuyết tan chảy thành suối trôi lững lờ trên mặt đất phủ đầy cỏ cây, hoa lá… Giai điệu "Mùa xuân" của Antonio Vivaldi như khỏa lấp nỗi niềm mong chờ đi qua mùa đông dài dặc. Nó len vào lòng người những liên tưởng đẹp đẽ, khơi gợi, kích thích trí tưởng tượng phong phú. Tác phẩm đã đi vào lịch sử âm nhạc như một tuyệt phẩm bất hủ với nét giai điệu ngập tràn niềm vui tươi, khoáng đạt… bay qua bao vùng văn hóa, xứ sở.

Còn nhạc sĩ thiên tài người Áo Wolfgang Amadeus

Mozart gửi vào thiên nhiên mùa xuân hình ảnh bay bổng, trong sáng, nét hồn nhiên, thơ ngây qua *"Khát vọng mùa xuân"* với cảnh sắc đong đầy chất thi ca. Tấm thảm mùa xuân được dệt nên bởi những âm thanh trong suốt, trôi bềnh bồng trên nền điệu valse truyền thống, quyến rũ. Mozart đã phổ nhạc bài thơ *"Sehnsucht nach dem Frühlinge"* (Khát vọng mùa xuân) của nhà thơ Christian Adolf Overbeck được Ngọc Anh dịch ra tiếng Việt:

"Đến đây nào, tháng năm thân yêu
Và làm cho cây xanh trở lại,
Và khiến những bông hoa tím nhỏ
Bên bờ suối bừng nở vì em…".

Sau khi nhạc sĩ Phạm Tuyên soạn lại với tiết tấu chậm hơn và lời Việt phỏng dịch:

"Này mùa xuân ơi đến mau đây
Để cho thêm xanh lá cây rừng
Trở về rừng bên suối trong lành
Nhìn hoa đang hé tưng bừng…".

Thì *"Khát vọng mùa xuân"* đã bay khắp mọi miền đất nước. Giai điệu của ca khúc trở thành những âm thanh ẩn chứa hình ảnh phóng chiếu của mùa xuân đất trời.

Còn nhạc sĩ người Đức Mendelson thì đắm đuối với cảnh sắc duyên dáng, lộng lẫy của mùa xuân qua tác phẩm *"Spring"* viết cho đàn piano. Tác phẩm chuyển động đan cài giữa những âm thanh trang sức, nhẹ, mỏng và tuyến giai điệu chính khiến cho tính chất âm nhạc nổi bật trên không gian đa chiều, nhiều họa tiết. *"Spring"* nằm trong tuyển tập *"Bài ca không lời"* vốn đã làm nên tên tuổi bất tử của người nhạc sĩ thiên tài này.

Đối với nhạc sĩ Nga Traikovsky, ông thổi hồn vào thiên nhiên, đất trời quê hương bằng tổ khúc viết về 12 tháng cho đàn piano. Mỗi mùa ông dành tặng ba tác phẩm mà mùa xuân có:

January: At the hearth (Tháng Một: Bên lò sưởi).
February: Carnival (Tháng Hai: Lễ hội).
March: Song of the lark (Tháng Ba: Khúc hát Sơn ca).

Traikovsky phác họa bức tranh thiên nhiên Nga sống động bằng những âm thanh tuôn chảy như suối nguồn. Ông đưa người nghe đến với những thay đổi tinh tế, diệu vợi, viễn du qua miền đất kỳ ảo của thiên nhiên có mùa xuân rộn rã. Traikovsky là một trong những nhạc sĩ có bút pháp tài tình, khéo bộc lộ cảm xúc mong manh, những hình ảnh thắm đượm chất Nga hồn hậu. Người nhạc sĩ này khéo lồng ghép cảnh sắc vào sinh hoạt phong tục truyền thống của người dân. Mỗi tháng như những bài ca ngợi ca cảnh sắc, đất nước con người. Dù không cùng thời gian, không gian, nhưng cảm nhận về mùa xuân ở khắp nơi trên thế giới đều có những điểm tương đồng cho chúng ta kịp nhận ra nhịp thời gian của một vũ trụ liên thông. Đi qua bao năm tháng, tổ khúc *Bốn mùa* của Traikovsky vẫn đọng lại trong lòng người yêu nhạc, được lấy làm mẫu mực cho những sáng tác viết về mùa bằng bút pháp lãng mạn mang đậm truyền thống dân tộc Nga.

Trong đờn ca tài tử Nam Bộ, bản nhạc *Nam xuân* lại đem đến những âm thanh nhẹ nhàng, thanh thoát, chuyển tải qua hơi Bắc tạo cảm giác về một mùa xuân thi vị, nhẹ nhàng như ca dao, gió thoảng êm đềm. Những thủ pháp chuyển ngón nhẹ nhàng, duyên dáng, ơ hờ… như chạm vào tâm hồn nàng xuân… thể hiện được nét đẹp dịu dàng, ưu nhã, thanh tao của mùa xuân xứ sở. Âm thanh ấy gợi cho ta nhớ cố nhân, nhớ những mùa xuân năm nào, xa vắng… mênh mang.

Mọi vùng văn hóa đều có cách thức thể hiện mùa xuân theo cảm nhận, thẩm mỹ từ truyền thống văn hóa. Gia tài âm nhạc về mùa xuân đong đầy trong kho tàng văn hóa thế giới. Nó đưa đẩy con người đến những cảnh sắc lung linh, biến ảo của thiên nhiên hòa chung tiếng nói tình cảm con người. Mùa xuân là điểm khởi đầu phân cực cho chiều dài năm tháng, đem đến cho chúng ta ý niệm về một chu kỳ không đổi. Cùng với những diễn biến bất tận, các mùa khác tiếp tục tham gia vào nhịp điệu đều đặn của thời gian. Từ trong bản chất, mùa xuân đã làm nên tính chất, phẩm tính của mình bằng cảm hứng sáng tạo. Sáng tạo đi giữa làn ranh mong manh của ký ức phôi phai và niềm thôi thúc tạo nên sự thay đổi. Sự trở lại của mùa xuân vừa đánh dấu nỗi niềm của thiên nhiên sau chuyến du hành đi qua bao ngày tháng, vừa thể hiện khả năng hồi sinh mạnh mẽ. Niềm hứng khởi chất chứa nơi mùa đầu như sợi dây vô hình xâu chuỗi dòng thời gian chuyển động không ngừng. Nếu không có mùa xuân, các mùa khác trong năm sẽ lạc mất ý niệm về thời gian. Xuân sinh, Hạ trưởng, Thu liễm, Đông tàng, tất cả các mùa quanh năm đều thừa hưởng thành quả của mùa xuân - mùa phóng chiếu hình ảnh Đấng sáng tạo, gieo xuống mặt đất mầm sống sinh sôi, cho mùa hạ trưởng thành, mùa thu thu hoạch và mùa đông cất giữ. Sáng tạo trở thành bản thể của mùa xuân. Sự chuyển động nhịp nhàng cùng với niềm đam mê và biến ảnh đi qua miền sáng tạo. Xuân về để trình diễn vẻ quyến rũ của mình trước thời gian xê dịch. Cội nguồn của mọi cảm hứng đều khởi đầu bằng những rung động nội tại trước bối cảnh ngoại tại. Trời đất đã rung động trước điều gì để sáng tạo nên khung cảnh mùa xuân? Các bậc hiền triết xa xưa đã gán mọi sự đổi thay, bao gồm cả sự chuyển động của thiên văn, khí tượng, các mùa quanh năm với bản thể vô hình và bản chất vô vi của Đạo. Mùa xuân lại gieo vào lòng người những liên tưởng đẹp đẽ, gây nên xáo trộn nội tâm, dấy lên nguồn cảm xúc dạt dào để họ tiếp tục viết nên những tác phẩm nghệ thuật. Nguồn cảm hứng bất tận về mùa xuân khởi đầu cho sự thay đổi. Nó đem đến cảm thức mới mẻ, tươi trẻ cho đất trời, con người ngập ngừng trước khung cảnh ấm áp, dịu dàng, quyến rũ… ■

Lời cảm ơn cuộc sống

Cho đến năm mười ba tuổi, tôi vẫn còn là một đứa học trò ngổ ngáo. Là em trai út của ba người chị trong một gia đình không lấy gì làm khá giả, từ tấm bé tôi đã được cha mẹ nuông chiều hết mức. Vì thế, có thể coi là tôi đã có phần hư hỏng. Trong lúc các chị tôi học hành đàng hoàng, năm nào cũng được phần thưởng và được ghi tên trên bảng danh dự, tôi luôn luôn lẹt đẹt trong thành phần "xóm nhà lá" của lớp. Chẳng học hành gì và cũng chẳng giúp đỡ được gì cho bố mẹ, tôi chỉ suốt ngày tụ tập với đám bạn đồng trang lứa trong xóm, kéo nhau tổ chức những trò nghịch tinh.

Sức học của tôi ngày càng kém, bị nhà trường gởi giấy cảnh báo. Được giấy báo, bố tôi rất giận; trong suốt một tháng, ngoài giờ đi học, ông cụ cấm tôi bước chân ra khỏi nhà, bắt ba người chị tôi thay phiên làm công tác quản chế. Chính thời gian ấy đã làm thay đổi tâm tính tôi.

Thấy tôi lầm lì ngồi buồn xo, chị cả tôi đang học Văn khoa, khuyên tôi nên đọc sách. Chị giao cho tôi quyển Tâm hồn cao thượng của Edmondo De Amicis do nhà giáo Hà Mai Anh dịch, bảo tôi đọc, và khéo léo thỉnh thoảng hỏi những câu gợi ý để tôi cùng "bình giảng văn học" với chị. Quyển sách thật hay, và đặc biệt, câu chuyện về chàng viết mướn khiến tôi hết sức cảm động.

Tôi còn nhớ câu chuyện ấy kể về một cậu bé cũng chỉ ở quãng tuổi tôi lúc bấy giờ. Cậu bé thấy cha đã già mà ban đêm còn phải làm thêm việc viết thuê những dải băng ghi danh tính cùng địa chỉ độc giả của một tờ báo và bắt đầu mỏi mệt khiến công việc không có năng suất, cậu đã lén cha, khi cha nghỉ tay và cả nhà đã vào giấc ngủ, cậu thức dậy ngồi vào chỗ của cha, bắt chước lối chữ của cha để viết thêm khiến cha cậu nghĩ rằng ông đã phục hồi được năng suất làm việc. Thấy việc làm của mình giúp được cha và gia đình, suốt mấy tháng cậu bé lặng lẽ lén cha làm việc; vì thế, việc học của cậu sa sút khiến cha cậu tưởng cậu mải chơi nên đã giày vò hắt hủi cậu. Đến một đêm, vô tình cậu gây ra tiếng động khiến cha cậu thức giấc và phát giác lý do khiến cậu sa sút việc học; ông dẫn cậu vào phòng của mẹ cậu nói cho mẹ cậu biết.

Tôi đã thuộc lòng câu cuối của chuyện đó, thuật lại lời cha cậu nói với mẹ cậu: "Hôn con đi! Đã bốn tháng nay nó không ngủ để làm việc thay ta. Ta đã phụ bạc nó trong khi nó kiếm gạo nuôi cả gia đình!". Từ đấy, liên tưởng đến mình, đến hoàn cảnh gia đình mình, tôi biết tôi đã sai rất nhiều. Với sự giúp đỡ của các chị, tôi sửa đổi hành vi, và dần dần trở thành một học sinh ngoan. Tôi cũng bắt đầu biết và ham đọc sách.

Ngày nay, tôi cũng có một học vị khiêm tốn, một công việc mang tính trí thức, một cuộc sống ổn định và hạnh phúc. Hồi tưởng lại, tôi vô cùng biết ơn gia đình mình, biết ơn các chị, nhất là người chị cả. Hơn nữa, tôi rất biết ơn quyển Tâm hồn cao thượng, biết ơn tác giả De Amicis, dịch giả Hà Mai Anh cũng như tất cả những người đã có công đóng góp cho nền văn học mang tính nhân bản của nước nhà và của cả nhân loại. Từ trường hợp của mình, tôi tin chắc rằng nền văn học nhân bản ấy đã cứu giúp không biết bao nhiêu mảnh đời tự ý thức tìm đường quay về nẻo sáng.

Hoàng Bạch Dương, *thành phố Đà Nẵng*

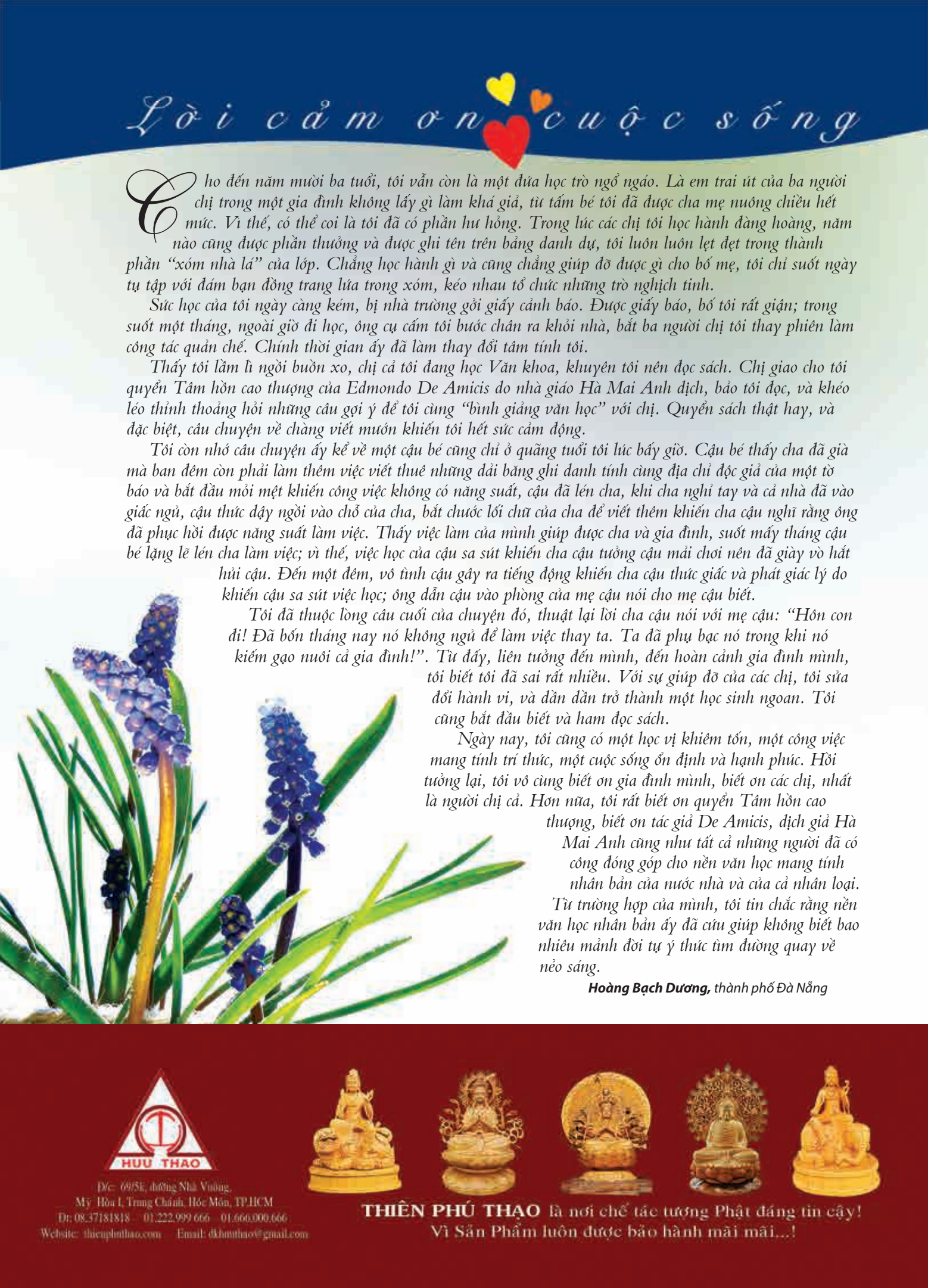

Hướng dẫn ăn và nấu ăn chay theo phương pháp Thực dưỡng

Bài 4: Cháo yến mạch, hạnh nhân, hồ đào

THIÊN KHANH

Yến mạch sinh trưởng trên những vùng thảo nguyên rộng lớn, nó từ lâu đã được coi là một loại thực phẩm giàu năng lượng và sức mạnh. Những chú ngựa của các dân tộc du mục được nuôi dưỡng bằng yến mạch có một sức khỏe dẻo dai, bền bỉ và đủ sức tham gia các cuộc chinh phạt dặm trường đầy gian nan. Ở phương Tây, người ta sử dụng yến mạch như một loại sữa thảo mộc để kích hoạt tuyến sữa cho sản phụ cũng như là thức ăn bổ dưỡng cho trẻ em trong thời kì phát triển, thay thế cho sữa động vật.

Yến mạch còn là loại ngũ cốc giàu chất béo và những khoáng tố khác như sắt, can-xi, chất xơ, giúp thay thế hiệu quả các chất đạm động vật. Tác động của yến mạch lên cơ thể con người phải kể đến như: làm hạ huyết áp, đường huyết, cholesterol, ổn định hoạt động của dạ dày. Chính vì đặc tính này mà yến mạch được ví như một loại thuốc xoa dịu căng thẳng và giúp ngủ ngon. Chất xơ trong yến mạch còn góp phần cải thiện tiêu hóa, phòng tránh hiệu quả các bệnh về đường ruột và ruột kết.

Hạnh nhân rất tốt cho tim. Vitamin E trong hạnh nhân tác động như một chất chống oxi-hóa, giúp giảm nguy cơ bị các bệnh tim. Chất xơ giúp bạn chống táo bón hiệu quả. Đồng thời, nó cũng giúp cân bằng và điều hòa huyết áp. Acid folic có trong hạnh nhân giúp bà mẹ bổ sung dinh dưỡng cho thai nhi và giảm các khuyết tật bẩm sinh của em bé. Tinh dầu hạnh nhân và các chất chứa trong hạt hạnh nhân làm cho bạn ăn có cảm giác chóng no nên giúp tránh ăn quá nhiều nên nó có tác dụng giảm béo. Không những thế, nghiên cứu cũng cho thấy nó có thể phòng ngừa sạn mật, giảm rủi ro mắc bệnh Alzheimer, làm đẹp da và tăng cường chức năng hệ miễn dịch. Ăn hạt hạnh nhân đều đặn hàng ngày có thể giúp bạn phòng chống một số loại ung thư mà điển hình là ung thư ruột kết.

Hồ đào, một loại hạt có nhiều công năng như giúp giảm mức độ cholesterol "xấu" trong máu. 7-8 quả hồ đào hàng ngày có thể làm giảm nguy cơ bệnh tim, ổn định huyết áp. Hồ đào cũng rất giàu axit oleic, loại axit béo này được tìm thấy trong dầu ô-liu, một loại hợp chất là khắc tinh của ung thư vú. Các loại vitamin E được tìm thấy trong quả hồ đào, đã được chứng minh có khả năng tiêu diệt tế bào ung thư tuyến tiền liệt

Món ăn nấu kết hợp 3 loại hạt này là cháo yến mạch. Cháo yến mạch được nấu kết hợp với hạnh nhân và hồ đào là món cháo dễ nấu, nhanh tiện lợi mà lại thơm ngon. Người ta thường ăn món này vào buổi sáng vì chất lượng và nguồn dinh dưỡng của nó có thể đủ cho cả 1 ngày làm việc năng động.

Chuẩn bị: (cho 2 người ăn) 2 chén yến mạch cán (rolled oat), 5 chén nước, 1 mcp đường thô, mạch nha hoặc chà là cắt nhỏ để tạo ngọt, 1/3 mcp muối biển, 5-7 hạt hạnh nhân, 5-7 hạt hồ đào.

Nấu: Cho yến mạch, nước và muối biển nấu khoảng 5-10 phút. Trong khi đợi cháo chín, ta đâm cho nát các loại hạt rồi để đó. Nấu đến khi cháo sánh dẻo. Cứ để lửa nhỏ đủ cho cháo sôi liu riu, cho đường thô, mạch nha hoặc chà là vào, trộn chung với hỗn hợp các loại hạt cho đến khi đều là dùng được.

Yến mạch giã được nấu nhừ sánh đặc cùng với hai loại hạt được mệnh danh là vua của các loại hạt, ăn lúc đang còn nóng có vị ngọt bùi kỳ lạ. Khi ăn xong, có thể thấy được mình như trẻ lại, như được sống trọn trong dòng sữa mẹ ngày nào. Thanh nhẹ vị ngọt tự nhiên, bùi bùi như chất bơ, nhưng đặc biệt không béo ngậy, khiến ta cứ muốn hít hà ăn mãi mà không chán.

Quả vậy, dư âm của màu sắc, mùi vị và sự uyên nguyên tinh khiết, trong sạch của nguồn thực phẩm tự nhiên đầy sức sống này đã, đang và sẽ dễ dàng chinh phục trái tim thực khách.

Cửa hàng Thực phẩm dưỡng sinh Chân Nguyên

❍ Bạn có thể mua hạt yến mạch lứt, hạnh nhân và hồ đào tại Cửa Hàng Thực Phẩm Dưỡng Sinh Chân Nguyên. Tại đây có bán:

- Yến mạch lứt
- Bột yến mạch
- Hạt hạnh nhân
- Hạt hồ đào
- Hạt óc chó
- Hạt Macca
- Hạt lanh
- Hạt phỉ
- Hạt thông
- Hạt bí
- Quả Mận khô
- Quả chà là khô
- Quả Nam Việt Quất
- Nho khô
- Mơ khô

Và nhiều loại hạt dinh dưỡng khác...

QUẢNG CÁO

Đem lại niềm vui Tết cho người bất hạnh

Bài & ảnh: **PHÁP TUỆ**

Ông Chí Đạt, Chánh hội trưởng NTTT chúc Tết bà con

Phóng viên nhí cùng mẹ (PV Báo Thanh Niên) tác nghiệp

Sáng ngày thứ Năm 12-2-2015 (nhằm ngày 24 tháng Chạp), tại **Phòng khám bệnh nhân đạo** thuộc Nam Thành thánh thất, 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1 đã tổ chức trao tặng 488 phần quà Tết - Xuân Ất Mùi 2015 cho bà con lao động nghèo, các cụ già neo đơn, trẻ em cơ nhỡ, người khuyết tật và khiếm thị tại nhiều điểm như: phường Nguyễn Cư Trinh (thuộc Hội CTĐ - Q.1), Hội người khiếm thị (173 Cống Quỳnh, Q.1) và gửi quà đến trao tặng thông qua Hội CTĐ quận 9; Ủy ban MTTQVN Q.1 - Chương trình "Vì người nghèo Q.1"; Hội Phụ nữ Q.1; Báo Lao Động Miền Bắc - Chương trình "Nâng bước chân em "; người nghèo người khuyết tật cơ nhỡ dọc đường và tại xã Tân Trạch, Cần Đước, Long An cùng nhiều đơn vị khác.

Sau phần nói chuyện và chúc Tết của ông Chí Đạt - Nguyễn Hữu Nhơn, Chánh hội trưởng Nam Thành thánh thất kiêm Trưởng ban Điều hành PKB Nhân Đạo là phần trao quà cho bà con. Được biết mỗi phần quà gồm có: gạo, đường cát trắng, dầu ăn, bột ngọt, sữa đặc, nước tương, dầu nóng… Tổng trị giá là 98.112.000đ. Đó là nhờ sự đóng góp của các nhà hảo tâm và tập thể bác sĩ, dược sĩ Phòng khám cùng bạn bè người thân của ông Chí Đạt - Nguyễn Hữu Nhơn.

Thương quá cảnh khiếm thị… Niềm vui người nhận

Hoatiên

CÔNG TY TNHH-SXTM HOA TIÊN

D13/2 Trần Não, P.Bình Khánh, Q.2, TP.HCM

Chuyên sản xuất:
- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

Liên hệ để biết thêm chi tiết:
- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: www.hoatien.vn
- Email: thongtin@hoatien.vn

Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ

INTERLOG YOUR LOGISTICS PARTNER

Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035
"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

- Kinh, sách văn hóa phẩm Phật giáo
- Pháp phục Tăng, Ni, áo tràng Phật tử, nón tỳ lư...
- Chuông mõ Huế các size.
- Tranh, tượng Phật, hàng mỹ nghệ, lưu niệm...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu

Giao hàng tận nơi (08) 2247 7809

Đ/C: Cuối hẻm 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM
ĐT: 0902 40 47 48 - 0972 898818 - Email: hoinguyen.kt@ gmail.com

Ngô Phương Đức: STK: 76935619
Ngân hàng ACB, CN Bình Thạnh
Nguyễn Thị Hồi: STK: 1920206053273
Ngân hàng Agribank, CN Bến Thành

Việt An

Restaurant **Chay** Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh ấm cúng, thanh nhã và lịch sự

❍ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rối, bánh ướt cuốn vạn hoa, gỏi vả trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...
Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ
Buổi sáng: Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống

❍ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
❍ **Điện thoại:** (08) 384 82612 – 0909 023469 hoan hỉ gặp anh Lãnh (quản lý)

Trân trọng kính mời

Công ty TNHH SX-TM **QUANG NGHỆ**
QUANG NGHE CO., LTD. NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - DĐ: 0989 183 398

❑ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
❑ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.
Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước
Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM
Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506
Email: *quangnghecandle@yahoo.com.vn*
Website: *www.quangnghecandle.com*

Nhà hàng chay HOA KHAI

Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng
Phục vụ điểm tâm, cà phê, nước giải khát...
Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân
Nhận đặt tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM
ĐT: (08) 36 021 025 – Email: veg.hoakhai@gmail.com

KHÂM TÍN

Nước Uống ALOEPAS

Uống Ngon Ngon *Nhai Giòn Giòn*

❍ **Công ty TNHH TMDV KHÂM TÍN** vừa đưa ra thị trường sản phẩm nước uống ***Nha đam - Chanh dây*** mang thương hiệu **ALOEPAS** được người tiêu dùng đánh giá rất cao. Ngoài việc kết hợp độc đáo của hai loại thảo dược thiên nhiên mang nhiều dưỡng chất có lợi cho sức khỏe này, nước uống **ALOEPAS** còn mang đến cho người tiêu dùng một trải nghiệm hương vị mới vô cùng hấp dẫn.
❍ Với phương châm sản xuất ra những sản phẩm *Đẹp Vì Cuộc Sống, Khỏe Vì Gia Đình*, giải thưởng *Cúp Vàng Chất Lượng Việt Nam Phù Hợp Tiêu Chuẩn* chính là ghi nhận xứng đáng dành cho những đóng góp của công ty.

Sản phẩm của : CTY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHÂM TÍN
Số : 284/11 Cô Bắc, Phường, Cô Giang, Q.1, TP.HỒ CHÍ MINH
Xưởng sản xuất : CN NHADAM VINA - CTY TNHH TM DV KHÂM TÍN
Số 2 Lô A, Cụm Công Nghiệp Phú Lâm D, P. 10, Q. 6, TP. HCM, VIỆT NAM
Website : www.khamtin.vn Email : khamtin1668@gmail.com

ĐẸP VÌ CUỘC SỐNG · KHỎE VÌ GIA ĐÌNH

DIỆU TƯỚNG AM
NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO

Đến với Diệu Tướng Am, nơi Quý khách gieo duyên cùng với Phật, Quý vị có thể thỉnh cho mình một Pho tượng Phật, hay để cung kính cúng dường hay tặng cho những đạo hữu đồng tâm, hay chỉ duyên vì đến chiêm ngưỡng Phật, uống một tách trà, cùng mỉm cười với Phật...

DIỆU TƯỚNG AM 3/2
212 Ba Tháng Hai, P.12, Q.10
Tp.HCM. ĐT: (08) 38 684 913

DIỆU TƯỚNG AM NAM KỲ
382B Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3
Tp.HCM. ĐT: (08) 38 484558

www.dieutuongam.com

Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led , đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate

Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
Đt: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ymail.com

CÔNG TY TNHH
SGPK
Phu Kim Gifts & Jewelry
SÀI GÒN PHÚ KIM
Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp sỉ và lẻ:
- *Móc khoá, quà lưu niệm*
- *Quà tặng Phật giáo các loại.*

ĐT: 094 696 7466
(08) 3880 9766

Email: saigonphukim@gmail.com - Website: www.sgpk360.com
Showroom: 378/8 Thoại Ngọc Hầu, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM

---

pháp uyển
DHARMA GARDEN

17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM
08. 35 035 579 – 08. 36 026 818 – 0916 943 877
lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.

Dinh dưỡng cho người cao tuổi

BS CK1 **Trần Thị Minh Nguyệt**
PCT HĐQT Công ty NutiFood

Người cao tuổi có nguy cơ suy dinh dưỡng rất cao, do tiến trình lão hóa tự nhiên, chức năng các cơ quan trong cơ thể đều suy giảm, đặc biệt hệ thống tiêu hóa, hấp thụ thức ăn trở nên kém hơn so với lúc trẻ, ngoài ra người cao tuổi thường có nhiều bệnh lý đi kèm như tăng huyết áp, đái tháo đường, suy thận, tai biến mạch máu não... Vì vậy, vấn đề dinh dưỡng cho người cao tuổi cần được quan tâm đúng mức.

Người cao tuổi việc cảm nhận mùi vị thức ăn giảm, sức nhai giảm, nuốt kém do tiết nước bọt giảm, nhu động co bóp của thực quản, dạ dày, ruột đều giảm. Người cao tuổi cũng dễ bị thiếu nước do giảm cảm giác khát, thận giảm cô đặc nước tiểu, hoặc do sử dụng thuốc lợi tiểu... kết hợp nhu động ruột giảm nên dễ gây táo bón. Tất cả các thay đổi này đều làm giảm tiêu hóa, hấp thu thức ăn do đó cần có chế độ dinh dưỡng hợp lý.

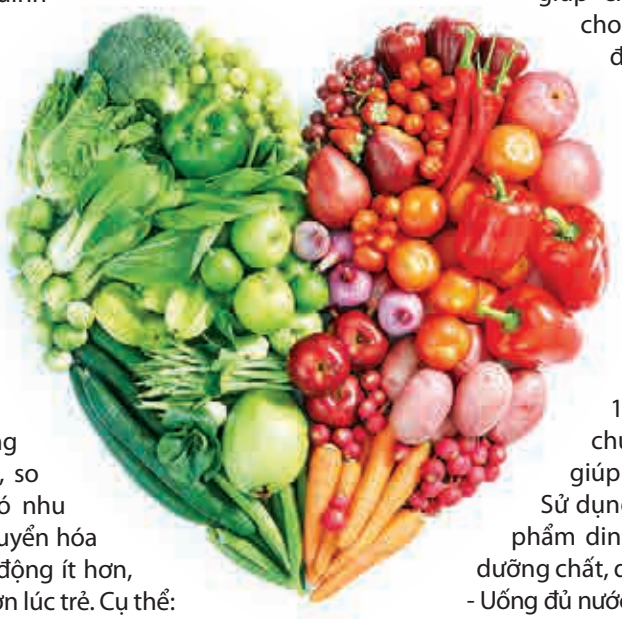

Chế độ ăn của người cao tuổi

Phụ thuộc vào tình trạng dinh dưỡng hiện tại, thiếu cân hay thừa cân. Với người cao tuổi đang thừa cân béo phì cần hạn chế năng lượng ăn vào, mục tiêu giữ cơ thể ở mức cân nặng lý tưởng, hạn chế nguy cơ bệnh lý tim mạch, đái tháo đường, thoái hóa khớp... với người gầy yếu cần tăng cường dinh dưỡng. Nhìn chung, so với người trẻ, người cao tuổi có nhu cầu năng lượng thấp hơn, do chuyển hóa cơ bản giảm, khối cơ giảm, vận động ít hơn, lượng thực phẩm ăn vào nên ít hơn lúc trẻ. Cụ thể:

- Giảm lượng bột đường ăn vào: Giảm số chén cơm trong ngày còn 1-2 chén, có thể ăn ít cơm hơn thay vào đó là khoai củ như khoai lang, khoai sọ, có nhiều chất xơ, chỉ số đường huyết thấp, vừa giúp chống táo bón, vừa giúp ổn định đường huyết sau ăn đối với người mắc bệnh đái tháo đường. Hạn chế các loại bánh kẹo ngọt, bánh snack, nước ngọt... vì dễ gây thừa cân béo phì.

- Nên ăn đủ lượng chất đạm từ thịt, cá, trứng, các loại đậu... như lúc còn trẻ, nên ăn cá nhiều hơn thịt, ít nhất có 3 bữa cá trong tuần, 2-3 quả trứng/tuần, kết hợp ăn các loại đậu hủ, đậu Hà Lan... đặc biệt đậu nành rất tốt có tác dụng bảo vệ tim và phòng ngừa ung thư.

- Giảm lượng chất béo ăn vào: Tỷ lệ mỡ trong cơ thể người cao tuổi cao hơn so với người trẻ. Do đó hạn chế chất béo trong chế độ ăn, đặc biệt là chất béo có hại, thực phẩm giàu cholesterol như thịt mỡ, bơ, lòng đỏ trứng, gan, tim... nên ăn dầu thực vật như dầu mè, dầu o liu, tránh dầu dừa, dầu cọ, nên ăn mỡ cá (cá hồi, cá nục, cá thu, basa...) vì chứa nhiều omega-3 có tác dụng bảo vệ tim, chống huyết khối và xơ vữa động mạch.

- Rau và trái cây: Rất tốt cho người cao tuổi, cung cấp nhiều vitamin và khoáng chất, nên ăn nhiều rau có màu xanh đậm (bông cải xanh, cải bó xôi, rau ngót, rau dền, mồng tơi...), củ quả có màu vàng, đỏ, tím như cà chua, cà rốt, cà tím, quả gấc, nho đỏ... cung cấp nhiều vitamin A và các chất chống oxy hóa, giúp làm chậm quá trình lão hóa, phòng chống ung thư. Khẩu phần nhiều rau còn giúp chống táo bón, giảm hấp thụ cholesterol, giảm nguy cơ ung thư đại tràng.

- Không nên ăn mặn, chỉ nên nêm vừa, nêm nhạt, thậm chí rất nhạt nếu có bệnh tăng huyết áp, giúp phòng tránh bệnh suy tim, cao huyết áp, bệnh thận... Không nên ăn các thực phẩm nhiều muối như các loại mắm, cá khô, dưa muối...

- Lưu ý cung cấp đủ nhu cầu canxi qua chế độ ăn, nên uống 1-2 ly sữa/ngày, ăn thêm sữa chua, cá nhỏ ninh nhừ ăn cả xương giúp phòng chống loãng xương. Sử dụng sữa giàu canxi, sữa hoặc thực phẩm dinh dưỡng cao năng lượng, giàu dưỡng chất, dễ uống, dễ tiêu hóa, dễ hấp thụ.

- Uống đủ nước, mỗi ngày nên uống từ 6-8 ly, dù không có cảm giác khát, có thể nước đun sôi để nguội, nước suối, nước chè tươi… giúp cơ thể thanh lọc tốt, đảm bảo sức khỏe, ngăn ngừa táo bón. Nên uống rải đều trong ngày, không nên uống nhiều ngay sau bữa ăn dễ gây chậm tiêu hóa thức ăn do làm loãng dịch vị, men tiêu hóa, tránh uống nhiều vào buổi tối để hạn chế đi tiểu đêm ảnh hưởng đến giấc ngủ.

Lưu ý trong chăm sóc người cao tuổi

Nhằm giúp người cao tuổi ăn uống ngon miệng hơn, đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể, cần lưu ý cách chế biến thực phẩm phải phù hợp với đối tượng này. Thức ăn phải mềm, nên ninh nhừ, hầm kỹ giúp dễ nhai, dễ nuốt, đồng thời quá trình tiêu hóa, hấp thu cũng dễ dàng hơn. Nên chia nhỏ bữa ăn trong ngày, không nên ăn quá no trong cùng một bữa, không ăn quá muộn gần giờ đi ngủ. Bên cạnh đó, không khí bữa ăn cũng hết sức quan trọng, nên tổ chức bữa ăn gia đình với sự tham gia của tất cả các thành viên, tạo không khí thật ấm cúng, vui vẻ cũng góp phần giúp người cao tuổi ăn uống ngon miệng, đảm bảo dinh dưỡng.

*(Nguồn: **Tuần san SGGP thứ bảy** số 1243)*

Đón đọc

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Số 222

Phát hành ngày 1 - 4 - 2015

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Nhà hàng cơm chay – trà đạo
Bồ Đề Tâm
89B Nguyễn Khuyến, Quận Đống Đa
68 Phạm Huy Thông, Quận Ba Đình
Hà Nội
ĐT: 0929398189 - 0912882255

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng Chân Tịnh 1
Chuyên viên Phòng Tổng hợp
Trường Đại học Kiến trúc
Km 10, đường Nguyễn Trãi,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng Chân Tịnh 2
A38 TT8 khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

QUẢNG BÌNH

Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm
Thôn 7, Lý Trạch, Bố Trạch - QB
Cô Nguyên Phước (Trịnh Hương)
ĐT: 0523 851 776 - 0915 272 598

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

Quầy báo
110 Lê Lợi, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113894929 - 0168242401
(Kim Khánh)

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chị Hoàng
Phòng phát hành Hiển Nam
3 Trần Thị Kỷ, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0935 272 261

Anh Hùng
Thư quán chùa Long Khánh
141 Trần Cao Vân, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0987 219 374

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 – 0168 2552 374

NINH THUẬN

Ni sư Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,
Phan Rang. Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

DAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huấn,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,
TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 – 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 Trần Phú, TP. Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hường)

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành ,
Bà Rịa Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 – 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 – 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 – 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG